

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ĐÃ ĐÁP ỨNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN, KHÔNG HÀM Ý BẢO ĐẢM VỀ NỘI DUNG CỦA BẢN CÁO BẠCH, KHÔNG HÀM Ý VIỆC ĐẦU TƯ VÀO CHỨNG QUYỀN ĐƯỢC BẢO ĐẢM HAY ĐƯỢC THANH TOÁN ĐẦY ĐỦ CỨNG NHƯ MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ, PHƯƠNG ÁN KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.

NHÀ ĐẦU TƯ ĐƯỢC KHUYẾN NGHỊ NÊN ĐỌC KỸ VÀ HIỂU CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH Ở BẢN CÁO BẠCH, ĐẶC BIỆT LÀ PHẦN CẢNH BÁO RỦI RO Ở TRANG 05 TRONG BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ CHÚ Ý ĐẾN CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ, THUẾ KHI GIAO DỊCH CHỨNG QUYỀN CÓ ĐẢM BẢO.

GIÁ GIAO DỊCH CHỨNG QUYỀN CÓ THỂ THAY ĐỔI TÙY VÀO TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG, NHÀ ĐẦU TƯ CÓ THỂ CHỊU THIẾT HẠI VỀ SỐ VỐN ĐẦU TƯ VÀ CÓ THỂ MẤT TOÀN BỘ VỐN ĐẦU TƯ.

CÁC THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ CÁC CHỨNG QUYỀN PHÁT HÀNH TRƯỚC ĐÂY (NẾU CÓ) CHỈ MANG TÍNH CHẤT THAM KHẢO VÀ KHÔNG CÓ Ý NGHĨA LÀ VIỆC ĐẦU TƯ SẼ SINH LỜI CHO NHÀ ĐẦU TƯ.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 06/11/2007, Giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK ngày 03/08/2026)

Vietcap

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền số 420./GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28./...8./...2026.)

CHỨNG QUYỀN MBB/VIETCAP/M/Au/T/7M/A8

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

TỔ CHỨC CHÀO BÁN

Vietcap

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tháp Tài chính Bitexco, Lầu 15, 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp.HCM

Điện thoại: +84 (0)28 3914 3588 Fax: +84 (0)28 3914 3209

Website: www.vietcap.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Hà Nội

Điện thoại: +84 (0)24 6262 6999 Fax: +84 (0)24 6278 2688

Phụ trách công bố thông tin:

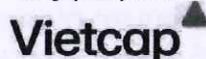
Họ và tên: Bùi Vũ Hoàng Tuyên Chức vụ: Luật sư trưởng, Người phụ trách quản trị công ty

Số điện thoại: +84 (0)93 889 9568 Fax: +84 (0)28 3914 3209

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 06/11/2007, Giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK ngày 03/08/2026)



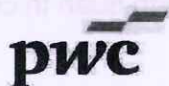
Địa chỉ: Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 (0)28 3914 3588 Fax: +84 (0)28 3914 3209 Website: www.vietcap.com.vn

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Tên chứng quyền có bảo đảm:	Chứng quyền MBB/VIETCAP/M/Au/T/7M/A8
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MBB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội
Loại chứng quyền:	Chứng quyền mua
Kiểu thực hiện:	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng)
Thời hạn của chứng quyền:	07 tháng
Ngày phát hành dự kiến:	Trong tháng 7 – 8/2026
Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến:	Trong tháng 02/2027 - 03/2027
Ngày đáo hạn dự kiến:	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán.
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán
Khoảng giá chào bán:	Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng
Tổng số lượng chào bán:	6.600.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán:	Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại: +84 (0)28 3823 0796

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	5
1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền	5
2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền	6
3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở.....	7
4. Rủi ro về kinh tế	7
5. Rủi ro về pháp luật	11
6. Rủi ro về thị trường và thị trường ngừng giao dịch	11
7. Rủi ro khác	11
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	12
1. Tổ chức phát hành	12
2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, tổ chức tư vấn	12
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT	13
IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ	17
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam.....	17
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư.....	19
V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	22
1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm	22
2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành	43
3. Tình hình tài chính.....	61
VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	66
1. Thông tin chung về chứng quyền có bảo đảm	66
2. Thông tin về chứng khoán cơ sở.....	68
3. Thời gian phân phối chứng quyền.....	71
4. Đăng ký mua và phân phối chứng quyền	71
5. Hủy bỏ chào bán chứng quyền.....	72
6. Thực hiện chứng quyền	72
7. Quyền của người sở hữu chứng quyền.....	74
8. Điều chỉnh chứng quyền.....	75
9. Các khoản phí, lệ phí, thuế phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền	75
10. Hoạt động tạo lập thị trường.....	76
VII. PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM THANH TOÁN CHO NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	78

1. Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền được bảo đảm bằng các nguồn tài sản sau:	78
2. Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.	78
VIII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	78
1. Quy trình quản trị rủi ro.....	78
2. Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến	87
3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền của tổ chức phát hành	91
IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN	92
1. Ngân hàng lưu ký nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán	92
2. Tổ chức kiểm toán.....	93
X. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	94
XI. CAM KẾT.....	94
XII. PHỤ LỤC	94

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư cần đọc bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có bảo đảm (sau đây gọi tắt là chứng quyền), các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền có bảo đảm với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền.

Chứng quyền có bảo đảm là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu chứng quyền không nên hiểu việc phát hành chứng quyền như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có chứng khoán cơ sở hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo Bản cáo bạch này.

1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền

1.1 Rủi ro từ giao dịch của tổ chức phát hành

TCPH luôn có thể mua lại CW trên thị trường và các CW này có thể được nắm giữ hoặc bị hủy hoặc bán lại. TCPH có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá CW.

1.2 Rủi ro thanh toán

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng, trong quá trình phát hành chứng quyền, mặc dù những tiêu chuẩn khắt khe về khả năng thanh toán phải luôn được chấp hành bởi tổ chức phát hành, luôn tồn tại rủi ro tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.

1.3 Rủi ro CW bị hủy niêm yết

Chứng quyền sẽ bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc theo các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán;
- Hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; hoặc khi phát hiện tổ chức phát hành không ký quỹ bảo đảm thanh toán hoặc không có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng;
- Tổ chức phát hành vi phạm nghĩa vụ phòng ngừa rủi ro hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ tạo lập thị trường dẫn đến bị chấm dứt hoạt động tạo lập thị trường theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;

- d) Các chứng quyền đã được hoàn tất việc thực hiện quyền hoặc đã đáo hạn;
- e) Tổ chức niêm yết bị thu hồi Giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành;
- g) Tổ chức niêm yết chấm dứt sự tồn tại do tổ chức lại, giải thể hoặc phá sản.

Do đó tồn tại rủi ro CW bị hủy trước ngày đáo hạn.

1.4 Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của tổ chức phát hành

Người sở hữu CW nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong Bản cáo bạch này, và có thể ảnh hưởng đến giá CW. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan tới quyền lợi của người sở hữu CW, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan tới CW mà chúng tôi cho rằng phù hợp. TCPH cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cân trọng. Nếu các bên liên quan đến các nghĩa vụ với TCPH không thể đảm bảo được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới CW.

1.5 Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi

TCPH tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với người sở hữu CW. TCPH luôn có thể phát hành và niêm yết các CW khác có khả năng ảnh hưởng đến giá CW này.

1.6 Rủi ro bảo mật thông tin

TCPH cam kết cố gắng hết sức để đảm bảo sự bảo mật của thông tin khách hàng, tuy nhiên TCPH không cam kết có thể cung cấp sự bảo mật hoàn toàn đối với các thông tin này.

2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền

2.1 Rủi ro đầu tư chung

Người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá của CW và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cẩn trọng. CW là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào CW không tương đương với một khoản đầu tư vào Tài sản cơ sở (TSCS). Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào CW liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của TSCS, sự thay đổi của CW đối với sự thay đổi giá TSCS có thể không tương đương. Hệ số đòn bẩy cao của CW có nghĩa rằng người sở hữu sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào TSCS.

2.2 Rủi ro do thời gian đáo hạn của CW

Do CW có thời gian đáo hạn nên giá của CW có thể bị giảm khi đến gần ngày đáo hạn, và mức giảm giá này có thể sẽ khá lớn. Nếu nhà đầu tư nắm giữ CW đến ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của CW sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua CW. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào CW, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của CW.

2.3 Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro do sự thay đổi giá của CW. Sự thay đổi giá của CW phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến động giá CKCS, thời gian còn hiệu lực của CW, lãi suất, cổ tức của CKCS, trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra giá của CW còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về CW. Mặc dù TCPH thường

phát hành khối lượng CW theo khối lượng đã đăng ký với UBCKNN, tuy nhiên, TCPH vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng CW thông qua Phương thức phát hành bổ sung, miễn là hạn mức phát hành CW đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của UBCKNN. Việc phát hành bổ sung có thể ảnh hưởng đến giá của CW.

2.4 Rủi ro từ tính đòn bẩy

Đầu tư vào CW chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của CW khi có thể nhận được toàn bộ sự thay đổi giá của CKCS trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của CKCS. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của CW trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của CKCS, vì vậy nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào CKCS.

2.5 Rủi ro thanh khoản

Là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán CW ở mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với CW đó. Thanh khoản của CW phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động tạo lập thị trường của TCPH. Mặc dù TCPH cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị trường và cung cấp thanh khoản cho thị trường CW, TCPH không cam kết thị trường giao dịch của CW sẽ sôi động.

2.6 Không có quyền sở hữu tương tự cổ đông

Nhà đầu tư sở hữu CW không có quyền lợi tương tự cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự ĐHĐCĐ, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.

2.7 Chứng quyền đóng vai trò công cụ phòng ngừa rủi ro

Giá CW có thể thay đổi ngược với kỳ vọng của Nhà đầu tư sở hữu CW, do đó CW không đảm bảo sẽ luôn là một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả cho Nhà đầu tư sở hữu CW.

2.8 Rủi ro về thuế

Khi nắm giữ chứng quyền qua ngày đáo hạn và thực hiện quyền thì thuế thu nhập cá nhân mà nhà đầu tư phải chịu sẽ cao hơn so với thuế thu nhập cá nhân mà nhà đầu tư đóng khi giao dịch bán chứng quyền trước ngày đáo hạn theo Công văn 1468/BTC-CST (xem chi tiết tại mục V.8).

3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở

Một số sự kiện pháp lý xảy ra và phát sinh bao gồm và không giới hạn, phát hành quyền, phát hành cổ phiếu thưởng hoặc phân phối tiền bởi Công ty, chia nhỏ hoặc hợp nhất CKCS hoặc sự kiện tái cấu trúc ảnh hưởng tới Công ty, có thể dẫn đến việc chúng tôi phải điều chỉnh các điều khoản của Chứng quyền. Tuy nhiên, chúng tôi không có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của Chứng quyền cho mọi sự kiện liên quan tới CKCS. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh nào đều sẽ có tác động tới giá trị của chứng quyền. Việc điều chỉnh CW sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số sự kiện xảy ra (bao gồm chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Rủi ro về kinh tế

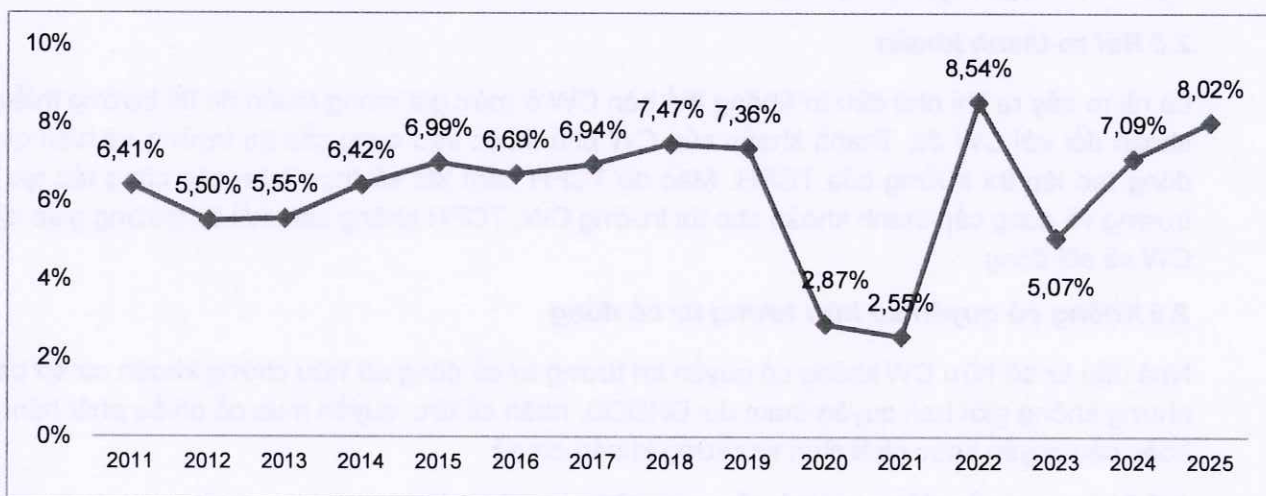
Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời

với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là i) *tốc độ tăng trưởng kinh tế*; ii) *tỷ lệ lạm phát* và iii) *tỷ lệ lãi suất*. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

4.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Đây là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế. Theo Cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong những năm gần đây lần lượt là 5,07%, 7,09% và 8,02% trong các năm 2023, 2024 và 2025.

Hình 1: Tăng trưởng GDP qua các năm giai đoạn 2011 – 2025



Nguồn: GSO

Năm 2025, kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn, bất định nhưng dưới sự lãnh đạo kịp thời của Đảng, sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, kinh tế - xã hội trong năm 2025 của nước ta duy trì xu hướng tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát; các ngành, lĩnh vực đạt được nhiều kết quả quan trọng. Theo số liệu của Cục Thống kê, năm 2025 kinh tế nước ta đạt mức tăng trưởng 8,02%, đạt mục tiêu của Quốc hội và Chính phủ đề ra. Mức tăng này chỉ thấp hơn tốc độ tăng 8,54% của năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2025 ước đạt 12.847,6 nghìn tỷ đồng, tương đương 514 tỷ USD, tăng 38 tỷ USD so với năm 2024 (476 tỷ USD). GDP bình quân đầu người năm 2025 theo giá hiện hành ước đạt 125,5 triệu đồng/người, tương đương 5.026 USD, tăng 69% so với năm 2024 (4.700 USD).

Ngành dịch vụ tiếp tục là động lực chính đóng góp vào tăng trưởng GDP của Việt Nam, với tỷ trọng đóng góp lên tới 49,07%. Ngành này tăng trưởng 8,82%, cao hơn mức 7,38% của năm 2024, nhờ vào hoạt động thương mại, du lịch tăng cao, khách quốc tế đến Việt Nam năm 2025 cao nhất từ trước đến nay, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của khu vực dịch vụ. Một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn, đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế như: Bán buôn và bán lẻ tăng 8,52% so với năm trước, đóng góp 10,62%; ngành vận tải, kho bãi tăng 10,99%, đóng góp 8,69%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,82%, đóng góp 5,72%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 10,02%, đóng góp 3,34%. Ngành dịch vụ không chỉ là động lực chính trong năm 2025 mà còn là yếu tố quan trọng giúp nền kinh tế Việt Nam duy trì đà tăng trưởng ổn định.

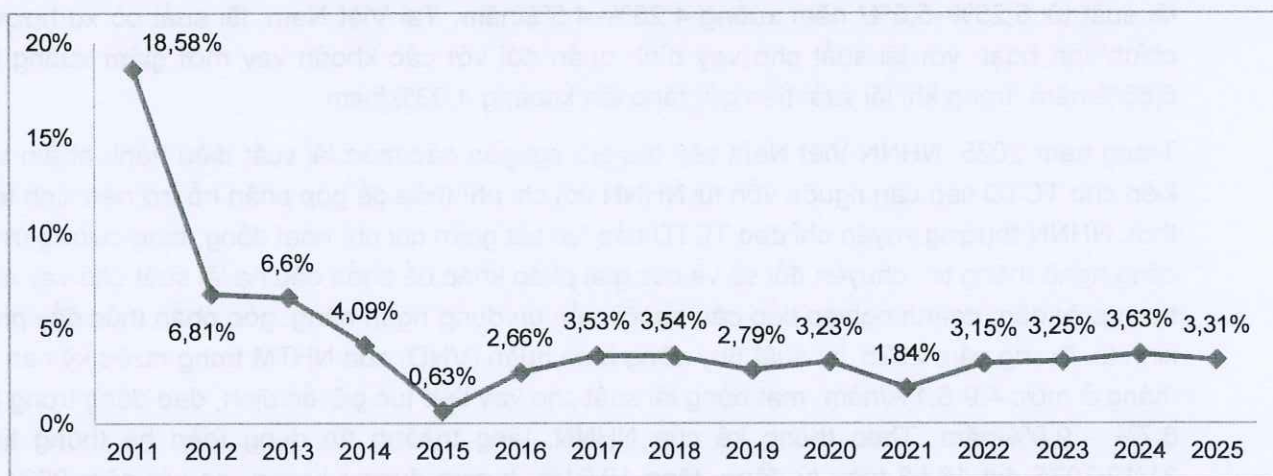
Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán nên Công ty chịu ảnh hưởng bởi biến động của nền kinh tế. Trước những tác động khó lường của nền kinh tế, Công ty đã thực hiện xem xét một cách thận trọng trong việc lên chiến lược phát triển của mình trên cơ sở hạn chế tối đa những tác động tiêu cực đồng thời tận dụng lợi ích từ các chính sách ban hành, nhằm đảm bảo tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đề ra.

4.2 Lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có thể tác động đến mọi chủ thể trong nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Lạm phát tăng cao hoặc siêu lạm phát sẽ khiến giá nguyên vật liệu đầu vào và đầu ra biến động không ngừng, gây ra sự ổn định giả tạo của quá trình sản xuất và ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như tình hình tài chính của các doanh nghiệp. Ngược lại, nếu lạm phát quá thấp kéo dài cộng thêm thâm hụt ngân sách liên tiếp có thể làm cho tăng trưởng kinh tế phục hồi chậm, thậm chí dễ dẫn đến trì trệ, tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn rất dễ dẫn tới suy thoái kinh tế.

Theo số liệu của Cục Thống kê, trong những năm gần đây CPI của Việt Nam duy trì xu hướng ổn định trong biên độ 2%–3,6%, phản ánh hiệu quả trong công tác điều hành chính sách tiền tệ và kiểm soát giá cả. Mặc dù chịu tác động từ các yếu tố bên ngoài như giá năng lượng và biến động địa chính trị, lạm phát vẫn được kiểm soát dưới mục tiêu đề ra, góp phần củng cố ổn định kinh tế vĩ mô.

Hình 2: CPI của Việt Nam giai đoạn 2011 – 2025



Nguồn: GSO

Năm 2024, CPI tăng trung bình 3,63%, tăng nhẹ so với các năm trước. Lạm phát cơ bản năm 2024 tăng 2,71% so với năm 2023, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung (3,63%), chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Theo số liệu của Cục Thống kê, CPI bình quân năm 2025 tăng 3,31% so với năm 2024, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra, do một số nguyên nhân chủ yếu sau. Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,08%, làm CPI chung tăng 1,38 điểm phần trăm do giá nhà ở thuê tăng 7,33% và giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 6,45%. Bên cạnh đó, chỉ số giá nhóm điện sinh hoạt tăng 7,20% do nhu cầu sử dụng điện tăng cùng với EVN điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân vào ngày 11/10/2024 và ngày 10/5/2025. Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng

3,27%, tác động làm CPI chung tăng 1,17 điểm phần trăm, trong đó nhóm thực phẩm tăng 3,61%, tác động làm CPI chung tăng 0,8 điểm phần trăm, nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 3,81%; nhóm lương thực tăng 0,17%. Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 13,07%, làm CPI chung tăng 0,61 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế.

4.3 Lãi suất

Bên cạnh lạm phát, lãi suất có ý nghĩa quan trọng tác động tăng trưởng kinh tế mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên để hoạch định chiến lược đầu tư phù hợp. Đa số doanh nghiệp đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung cho hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay hình thành nên chi phí vốn và là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh; có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nếu lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại tăng sẽ khiến cho chi phí đầu vào và giá thành sản phẩm tăng lên, khiến lợi nhuận và khả năng cạnh tranh suy giảm, dẫn đến thua lỗ và thậm chí phá sản. Khi đó, các doanh nghiệp sẽ có xu hướng cắt giảm và thu hẹp quy mô hoạt động. Trong khi đó, cắt giảm lãi suất sẽ là động lực cho doanh nghiệp giảm chi phí và giá thành, đồng thời tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Hơn thế, lãi suất thấp là động lực cho các doanh nghiệp mở rộng đầu tư và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, kích thích tăng trưởng kinh tế vĩ mô.

Trong năm 2024, theo NHNN, tăng trưởng tín dụng đạt khoảng 15,08%, tương đương bổ sung hơn 2,2 triệu tỷ đồng cho nền kinh tế, góp phần hỗ trợ tăng trưởng GDP đạt 7,09%. Trong bối cảnh lạm phát tại Mỹ hạ nhiệt về gần mức mục tiêu 2%, FED đã thực hiện 3 lần cắt giảm lãi suất, đưa mức lãi suất từ 5,25%–5,5%/năm xuống 4,25%–4,5%/năm. Tại Việt Nam, lãi suất có xu hướng điều chỉnh linh hoạt, với lãi suất cho vay bình quân đối với các khoản vay mới giảm xuống khoảng 6,65%/năm, trong khi lãi suất tiền gửi tăng lên khoảng 4,03%/năm.

Trong năm 2025, NHNN Việt Nam tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành nhằm tạo điều kiện cho TCTD tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp để góp phần hỗ trợ nền kinh tế. Đồng thời, NHNN thường xuyên chỉ đạo TCTD tiếp tục tiết giảm chi phí hoạt động, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và các giải pháp khác để phấn đấu hạ lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế. Trong năm 2025, lãi suất huy động bình quân (VND) của NHTM trong nước kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 4,9-6,1%/năm, mặt bằng lãi suất cho vay tiếp tục giữ ổn định, dao động trong khoảng 6,7% - 9,0%/năm. Theo thống kê của NHNN, tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống tính đến 31/12/2025 đạt 18,58 triệu tỷ đồng, tăng 19,01%, tương đương lượng so với năm 2024, tương đương lượng vốn tăng thêm là 2,97 triệu tỷ đồng.

Tuy nhiên, bước sang năm 2026, tình hình quốc tế diễn biến phức tạp, khó lường, đặc biệt là diễn biến leo thang căng thẳng địa chính trị, quân sự tại khu vực Trung Đông khiến giá dầu tăng cao, tạo áp lực lên lạm phát của các quốc gia đã đặt ra nhiều thách thức đối với công tác điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Tại thời điểm tháng 04/2026, lãi suất huy động tăng mạnh khi nhiều ngân hàng niêm yết trên 7%/năm, thậm chí có nơi vượt 9%/năm. Lãi suất cho vay bình quân của NHTM trong nước đối với các khoản cho vay mới và cũ còn dư nợ ở mức 6,7-9,0%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn bình quân bằng VND đối với lĩnh vực ưu tiên khoảng 3,9%/năm thấp hơn mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa theo quy định của NHNN (4%/năm). Trước áp lực tăng lãi suất, NHNN ban hành Công văn 2342/NHNN-CSTT ngày 30/03/2026 yêu cầu các tổ chức tín dụng thực hiện đồng bộ giải pháp ổn định mặt bằng lãi suất, gồm tuân thủ quy định, tăng cường kiểm soát nội bộ, minh bạch lãi suất cho vay và đảm bảo thanh khoản hệ thống. Đồng thời, NHNN tiếp

tục theo dõi sát diễn biến kinh tế trong và ngoài nước để điều hành linh hoạt chính sách tiền tệ, hỗ trợ thanh khoản và duy trì ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

5. Rủi ro về pháp luật

Rủi ro về pháp luật là rủi ro phát sinh từ việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh của công ty bị chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Hiện nay, hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định chưa cao, các quy định còn mới đối với doanh nghiệp và có thể phát sinh bất cập. Các sửa đổi, bổ sung được thay đổi khá thường xuyên, ít nhiều có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Chính vì vậy, để hạn chế tối đa rủi ro về pháp luật, Công ty luôn chú trọng cập nhật hệ thống pháp luật; nghiên cứu, phân tích và dự báo về sự thay đổi của pháp luật; đồng thời phối hợp với phòng Pháp chế triển khai tập huấn, phổ biến kiến thức pháp luật cho cán bộ công nhân viên Công ty.

6. Rủi ro về thị trường và thị trường ngừng giao dịch

Trong trường hợp giao dịch có liên quan kết thúc sớm, sự gián đoạn hay tạm ngừng giao dịch ("Các sự kiện gián đoạn thị trường") hoặc thay đổi luật áp dụng, ngăn ngừa rủi ro gián đoạn, tăng chi phí ngăn ngừa rủi ro, sự phá sản của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở hoặc một sự kiện tiền tệ ("Sự kiện gián đoạn bổ sung"), trì hoãn hoặc điều chỉnh định giá trong trường hợp xảy ra sự kiện gián đoạn thị trường hoặc điều chỉnh kỳ hạn (nếu có sự đồng ý với chủ sở hữu chứng quyền) hoặc chấm dứt chứng quyền trong trường hợp sự kiện gián đoạn bổ sung đối với các chứng quyền đó có thể có ảnh hưởng bất lợi đến giá trị của chứng quyền đó và/hoặc số tiền mua lại cuối cùng.

7. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại đến tài sản cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

- | | |
|-----------------------------|-------------------------------------|
| ▪ Bà: Nguyễn Thanh Phương | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| ▪ Bà: Tôn Minh Phương | Chức vụ: Tổng Giám đốc |
| ▪ Bà: Đoàn Trần Phương Thảo | Chức vụ: Kế toán trưởng |
| ▪ Bà: Bùi Thị Minh Nguyệt | Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

Chúng tôi có thể cập nhật hoặc sửa đổi bản cáo bạch này trong quá trình phát hành chứng quyền để đảm bảo đúng các quy định được ban hành. Bất kỳ sự cập nhật bổ sung nào sẽ được công bố thông tin tại SGDCK.

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, tổ chức tư vấn

Không có

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

Các khái niệm:

- **Chứng quyền có bảo đảm** là loại chứng khoán có tài sản bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá thanh toán tại thời điểm thực hiện.
- **Chứng khoán cơ sở** là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng quyền** (sau đây gọi tắt là tổ chức phát hành) là công ty chứng khoán phát hành chứng quyền.
- **Ngân hàng lưu ký** là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành và không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.
- **Người sở hữu chứng quyền** là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của tổ chức phát hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.
- **Giá thực hiện** là mức giá được tổ chức phát hành dùng để xác định khoản tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.
- **Tỷ lệ chuyển đổi** là tỷ lệ giữa số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở. Tỷ lệ chuyển đổi được làm tròn đến bốn chữ số thập phân sau dấu phẩy.
- **Ngày đáo hạn** là ngày mà người sở hữu chứng quyền thực hiện chứng quyền và tổ chức phát hành phải thanh toán đối với chứng quyền có lãi..
- **Chứng quyền đang lưu hành** là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi người sở hữu chứng quyền.
- **Chứng quyền có lãi (ITM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện thấp hơn giá thanh toán..
- **Chứng quyền lỗ (OTM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện cao hơn giá thanh toán..
- **Chứng quyền hòa vốn (ATM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện bằng giá thanh toán..
- **Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền** là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.
- **Delta** là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi rất nhỏ trong giá chứng khoán cơ sở.

Công thức:

$$\text{Delta} = (\text{Mức độ thay đổi giá chứng quyền}) / (\text{Mức độ thay đổi giá chứng khoán cơ sở})$$

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

▪ Bản cáo bạch	Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán
▪ Cổ phiếu	Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
▪ Công ty	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
▪ Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
▪ Điều lệ	Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap thông qua
▪ Luật Chứng Khoán	Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
▪ Luật Doanh Nghiệp	Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
▪ Người có liên quan	Là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây: Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty; Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty; Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp; Người quản lý doanh nghiệp; Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia; Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát; Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối; Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.
▪ Room nước ngoài	Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài
▪ Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
▪ VIETCAP	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap

- **Vốn điều lệ** Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

▪ BCTC	Báo cáo tài chính
▪ BKS	Ban Kiểm soát
▪ CAGR	Tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm (Compound Annual Growth Rate)
▪ CKCS	Chứng khoán cơ sở
▪ CNTT / IT	Công nghệ thông tin
▪ CP	Cổ phần
▪ CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
▪ CPLH	Cổ phiếu lưu hành
▪ Chỉ số P/E	Price/ Earnings: là chỉ số giá trị thị trường trên thu nhập của mỗi cổ phiếu
▪ Chỉ số P/B	Price to Book: là tỷ lệ được sử dụng để so sánh giá của một cổ phiếu so với giá trị ghi sổ của cổ phiếu đó
▪ CW	Covered Warrants
▪ DMA	Truy nhập thị trường trực tiếp (Direct Market Access)
▪ DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
▪ DTT	Doanh thu thuần
▪ ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
▪ ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
▪ EPS	Earnings Per Share: là lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu $EPS = (\text{Lợi nhuận ròng} - \text{Cổ tức cổ phiếu ưu đãi}) / \text{Lượng cổ phiếu bình quân đang lưu thông}$
▪ FED	Cục Dự trữ Liên bang Mỹ
▪ FDI	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Foreign Direct Investment)
▪ FIX	Chuẩn kết nối FIX (Financial Information eXchange)
▪ GCN/ Giấy CN	Giấy chứng nhận
▪ GDP	Tổng thu nhập quốc nội
▪ GSO	Cục Thống kê
▪ GTGT	Thuế giá trị gia tăng
▪ GTSS	Giá trị sổ sách
▪ HĐ	Hợp đồng
▪ HĐQT	Hội đồng Quản trị
▪ HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

▪ HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
▪ IB	Ngân hàng đầu tư (Investment Banking)
▪ IPO	Chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng
▪ ISB	Môi giới khách hàng tổ chức (Institutional Sales Brokerage)
▪ KTT	Kế toán trưởng
▪ LB	Môi giới trong nước (Local Brokerage)
▪ LN	Lợi nhuận
▪ LNST	Lợi nhuận sau thuế
▪ LNTT	Lợi nhuận trước thuế
▪ M&A	Mua bán & Sáp nhập (Merger & Acquisition)
▪ NHNN	Ngân hàng nhà nước
▪ NSH	Người sở hữu
▪ OTC	Thị trường phi tập trung (Over the counter)
▪ ROA	Hệ số LNST / Tổng tài sản bình quân
▪ ROE	Tỷ lệ LNST / Vốn chủ sở hữu bình quân
▪ STP	Cổng giao dịch trực tuyến (Straight-through Processing)
▪ TCPH	Tổ chức phát hành
▪ TCTD	Tổ chức tín dụng
▪ TNCN	(thuế) Thu nhập cá nhân
▪ TNDN	(thuế) Thu nhập doanh nghiệp
▪ TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
▪ TPP	Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (Trans Pacific Partnership)
▪ TSCĐ	Tài sản cố định
▪ TSCS	Tài sản cơ sở
▪ TTCK	Thị trường chứng khoán
▪ UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
▪ UBND	Ủy ban nhân dân
▪ USD	Đô la Mỹ (U.S.Dollar)
▪ VCAM	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
▪ VDL	Vốn điều lệ
▪ Vốn CSH	Vốn chủ sở hữu
▪ VND	Đồng Việt Nam
▪ VSDC	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

▪ GDP:

Theo Cục Thống kê, GDP năm 2025 tăng trưởng khá với mức tăng ước đạt 8,02% so với năm trước, vượt mục tiêu tăng trưởng Chính phủ đặt ra. Kết quả này cho thấy sự bền bỉ và khả năng chống chịu mạnh mẽ của nền kinh tế trước những biến động toàn cầu. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%. Về cơ cấu nền kinh tế năm 2025, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,64%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,65%; khu vực dịch vụ chiếm 42,75%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 7,96% (Cơ cấu tương ứng của năm 2024 là 12,03%; 37,52%; 42,35%; 8,10%).

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp đạt mức tăng cao nhất kể từ năm 2019 đến nay. Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp năm 2025 ước tăng 8,80% so với năm trước, đóng góp 35,15% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,97%, là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2019-2025, tiếp tục là động lực tăng trưởng kinh tế, đóng góp 31,49%.

Sản xuất công nghiệp tiếp tục giữ vai trò động lực tăng trưởng, với chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 9,2% so với mức 8,2% cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 10,5%, đóng góp 8,4 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,7%, đóng góp 0,6 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,8% và ngành khai khoáng tăng 0,5%, cùng đóng góp 0,1 điểm phần trăm.

Theo dự báo của Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh tại Anh (CEBR), kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng trung bình 5,8%/năm trong giai đoạn 2025-2029 và 5,6%/năm trong giai đoạn 2030-2039. Với đà phát triển này, Việt Nam được kỳ vọng sẽ vươn lên vị trí thứ 25 thế giới về quy mô kinh tế vào năm 2039.

Lạm phát:

Theo Cục Thống kê, CPI bình quân năm 2025 tăng 3,31% so với năm 2024, trong đó lạm phát cơ bản tăng 3,21% so với năm trước, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung. Nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế, dịch vụ giáo dục là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản. Nhìn chung, lạm phát trung bình năm 2025 vẫn được kiểm soát ở mức hợp lý, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Tuy nhiên, dự báo, áp lực lạm phát trong thời gian tới vẫn rất đáng kể, do biến động giá năng lượng và nguyên liệu đầu vào toàn cầu. Trong ngắn hạn và trung hạn, lạm phát toàn cầu có thể tiếp tục chịu nhiều áp lực, dù mức tăng đã thấp hơn so với giai đoạn cao điểm 2022-2023.

Trước tình hình này, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã tập trung chỉ đạo các giải pháp duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm cân đối lớn của nền kinh tế. Tại Hội nghị Chính phủ với các địa phương, Thủ tướng đã giao Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính phối hợp chặt chẽ để điều hành chính sách tiền tệ một cách chủ động, linh hoạt, hiệu quả, kết hợp hài hòa với chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm và trọng điểm.

FDI:

Theo số liệu từ Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Tài chính), đứng trước bối cảnh suy giảm về FDI trên toàn cầu, Việt Nam tiếp tục là điểm đến ổn định và bền vững của dòng vốn đầu tư quốc tế với tổng vốn đăng ký (đăng ký mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp (GVMCP) của nhà đầu tư nước ngoài) đạt trên 38,4 tỷ USD trong năm 2025, tăng 0,5% so với cùng kỳ. Vốn thực hiện của dự án đầu tư nước ngoài ước đạt trên 27,6 tỷ USD, tăng 9,0% so với cùng kỳ, mức cao nhất trong 5 năm qua, phản ánh duy trì, củng cố niềm tin của các nhà đầu tư vào triển vọng tăng trưởng trung và dài hạn của nền kinh tế. Tính lũy kể đến ngày 31/12/2025, cả nước có 45.416 dự án ĐTNN còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký khoảng 529,6 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kể của các dự án đầu tư nước ngoài ước đạt 350,22 tỷ USD, bằng khoảng 66,1% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực

Dòng vốn FDI năm 2025 tiếp tục tập trung vào công nghiệp chế biến, chế tạo với tổng vốn đầu tư trên 21 tỷ USD, chiếm trên 54,7% tổng vốn đăng ký, khẳng định vai trò trụ cột của khu vực sản xuất trong duy trì năng lực công nghiệp và tham gia chuỗi cung ứng. Kinh doanh bất động sản đứng thứ hai với trên 7,1 tỷ USD, chiếm 18,5%, tăng 12,7% so với cùng kỳ, phản ánh nhu cầu gia tăng đối với không gian sản xuất – đô thị và hạ tầng đi kèm (khu công nghiệp, nhà xưởng, kho vận, logistics...). Cơ cấu này cho thấy xu hướng phát triển công nghiệp gắn với phát triển đô thị, đồng thời đặt ra yêu cầu tiếp tục nâng cao chất lượng quy hoạch, hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ để đáp ứng nhu cầu mở rộng của nhà đầu tư

Xét về vùng lãnh thổ, đã có 113 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam trong 12 tháng năm 2025. Trong đó, Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư hơn 9,39 tỷ USD, chiếm 24,5% tổng vốn đầu tư. Trung Quốc đứng thứ hai với gần 5,7 tỷ USD, chiếm 14,8% tổng vốn đầu tư, tăng 20,4% so cùng kỳ. Tiếp theo là Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông với số vốn lần lượt là 5,3 tỷ USD; 3,73 tỷ USD và 3,12 tỷ USD. Các nhà ĐTNN đã đầu tư vào 31 tỉnh, thành phố trên cả nước. TP. Hồ Chí Minh dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 7 tỷ USD, chiếm 18,4% tổng vốn đầu tư cả nước, tăng 5,8% cùng kỳ. Bắc Ninh đứng thứ hai với gần 5,7 tỷ USD, chiếm 14,8% tổng vốn đầu tư đăng ký. Hà Nội đứng thứ ba với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 4,4 tỷ USD, chiếm 11,5% tổng vốn đầu tư cả nước. Tiếp theo lần lượt là Đồng Nai, Tây Ninh, Hải Phòng.

Thương mại:

Trong năm 2025, theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 930,07 tỷ USD, tăng 18,2%, tương ứng tăng 143,14 tỷ USD so với năm trước. Trong đó, trị giá xuất khẩu đạt 475,06 tỷ USD, tăng 17%, tương ứng tăng 69,12 tỷ USD và trị giá nhập khẩu đạt 455,01 tỷ USD, tăng 19,4%, tương ứng tăng 74,02 tỷ USD so với năm trước. Xét về số tương đối, trong năm 2025, có 33/45 nhóm hàng xuất khẩu tăng so với năm trước. Trong đó, 4 nhóm hàng có trị giá xuất khẩu tăng cao trên 30% là: đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận tăng 148,2%; cà phê tăng 58,8%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 48,4%; thức ăn gia súc và nguyên liệu tăng 38,5%. Bên cạnh đó, trị giá xuất khẩu xăng dầu các loại giảm mạnh tới 50,8% so với năm trước. Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2025, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 153,2 tỷ USD, tăng 28,2% so với năm 2024. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 186,0 tỷ USD, tăng 28,9% so với cùng kỳ.

Nhìn chung, trong năm 2025, mức thặng dư của cả năm 2025 đạt 20,05 tỷ USD, giảm 19,6% so với mức thặng dư 24,95 tỷ USD của năm 2024.

Tỷ giá:

Năm 2025 là một năm có nhiều thách thức đối với thị trường ngoại hối Việt Nam, khi đồng Việt Nam (VND) chịu áp lực mất giá rõ rệt so với đồng USD. Theo số liệu tổng hợp từ Bộ Tài chính, tỷ giá USD/VND trên thị trường liên ngân hàng tăng khoảng 3,4% so với thời điểm đầu năm 2025, phản ánh tác động đồng thời của các yếu tố quốc tế bất lợi và những áp lực nội tại trong nước. Tại thời điểm cuối năm 2025, tỷ giá trung tâm đạt 25.121 VNĐ/USD, tăng 3,7% so với thời điểm cuối năm 2024. Áp lực mất giá của VND xuất phát từ sự kết hợp của nhiều yếu tố. Thứ nhất, mặt bằng lãi suất USD duy trì ở mức cao trong phần lớn năm 2025 khiến đồng USD tiếp tục giữ được sức hấp dẫn so với các đồng tiền khác, trong đó có VND. Thứ hai, cán cân thương mại có xu hướng thu hẹp về cuối năm, trong khi nhu cầu ngoại tệ cho thanh toán thương mại và đầu tư vẫn ở mức lớn. Nếu như tỷ giá năm 2025 chịu nhiều áp lực từ môi trường quốc tế bất ổn thì năm 2026 được kỳ vọng ổn định hơn, dù vẫn đòi hỏi sự chủ động và linh hoạt trong điều hành.

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

2.1 Triển vọng của thị trường chứng khoán Việt Nam

Năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam chứng kiến những biến động lớn, đặc biệt trong nửa đầu tháng 4/2025 khi Hoa Kỳ công bố áp thuế đối ứng tối đa 46% đối với Việt Nam. Chỉ số VN-Index đến cuối quý II/2025 mới được cải thiện nhờ nền kinh tế dần hồi phục.

Ngoài ra, hệ thống KRX chính thức vận hành từ 05/05/2025 trên HOSE, HNX, VSDC. Với nhiều tính năng mới được tích hợp, đây là một bước tiến mới cho thị trường chứng khoán Việt Nam, đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển và phục vụ tốt hơn doanh nghiệp, nhà đầu tư, là cơ hội để triển khai các sản phẩm mới, cũng như hướng tới mục tiêu nâng hạng thị trường.

Bên cạnh đó, khung pháp lý cũng đã có những thay đổi quan trọng, tạo nền tảng hỗ trợ tiến trình nâng hạng. Luật Chứng khoán sửa đổi đã chính thức có hiệu lực từ ngày 1/1/2025, cùng với việc Ngân hàng Nhà nước ban hành 03/2025/TT-NHNN có hiệu lực ngày 16/6/2025 cho phép nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản bằng đồng Việt Nam và đơn giản hóa thủ tục đối với dòng vốn đầu tư gián tiếp. Cùng với đó, các chính sách hỗ trợ kinh tế tư nhân theo Nghị quyết 198/2025/QH15, cùng với các cải cách liên quan đến quản lý dòng vốn và đầu tư gián tiếp, được kỳ vọng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình nâng hạng thị trường.

Sau quá trình triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nâng hạng thị trường của UBCKNN, tại kỳ đánh giá thường niên tháng 9/2025, FTSE Russell đã chính thức công bố TTCK Việt Nam đáp ứng đầy đủ các tiêu chí và được nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi thứ cấp. Sự kiện này là cột mốc quan trọng, đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ của TTCK Việt Nam, ghi nhận những nỗ lực cải cách toàn diện của toàn ngành chứng khoán trong việc xây dựng một thị trường minh bạch, hiện đại và tiệm cận chuẩn mực quốc tế.

Theo thông tin thống kê thị trường từ UBCKNN, tại thị trường cổ phiếu, tính đến ngày 31/12/2025, chỉ số VNIndex đạt 1.784,49 điểm, tăng 40,8% so với cuối năm 2024 ở mức 1.266,78 điểm. Giá trị giao dịch cổ phiếu trên HOSE, HNX và UPCoM bình quân đạt 29,5 nghìn tỷ đồng/phiên, tăng 39,8% so với bình quân năm trước. Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu 3 sàn HOSE, HNX và UPCoM cuối năm 2025 đạt 10,02 triệu tỷ đồng, tăng 38,8% so với cuối năm 2024, tương đương 78,0% GDP năm 2025, phản ánh vai trò ngày càng quan trọng của thị trường vốn trong nền kinh tế. Tính đến hết tháng 12/2025, toàn thị trường có gần 11,6 triệu tài

khoản, tăng thêm gần 2,3 triệu tài khoản so với cuối năm 2024, vượt mục tiêu đề ra tại Chiến lược phát triển TTCK đến năm 2030.

Tại thị trường phái sinh, hoạt động giao dịch tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định với khối lượng bình quân đạt 243.418 hợp đồng/phần, tăng 15,2% so với năm 2024, cho thấy nhu cầu phòng ngừa rủi ro và đầu tư chuyên nghiệp ngày càng gia tăng.

Những kết quả này được hỗ trợ bởi nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, các chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt như giữ lãi suất ở mức thấp, đẩy mạnh giải ngân đầu tư công, kích thích tiêu dùng, và cải cách thủ tục hành chính.

Bước sang năm 2026, kinh tế Việt Nam được dự báo tiếp tục duy trì đà phục hồi tích cực nhờ các động lực tăng trưởng nội tại quan trọng. Trong đó, tiến độ giải ngân đầu tư công được cải thiện, dòng vốn FDI vào các lĩnh vực công nghệ cao như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và năng lượng tái tạo dự kiến duy trì ở mức cao, cùng với việc tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế, chuyển đổi số và tăng trưởng xanh, tạo nền tảng thuận lợi cho phát triển kinh tế và thị trường tài chính.

2.2 Cơ hội đầu tư ở Việt Nam

- Trong năm 2026, trong bối cảnh địa chính trị thế giới có nhiều biến động, Việt Nam đang nổi lên như một điểm đến ổn định, bền vững và có tiềm năng tăng trưởng dài hạn và được kỳ vọng sẽ bước vào một giai đoạn mới với đà tăng trưởng tăng dần. Thông qua các cải cách mang tính bước ngoặt - như tinh gọn và tái cấu trúc bộ máy Chính phủ Trung ương và hệ thống hành chính địa phương hai cấp, hoàn thiện hệ thống pháp luật, thúc đẩy chuyển đổi số và khuyến khích đổi mới sáng tạo - Việt Nam đặt mục tiêu củng cố vị thế là một nền kinh tế cạnh tranh trong khu vực, đồng thời đảm bảo tiến bộ xã hội toàn diện và thịnh vượng trong dài hạn.
- Để vượt qua những khó khăn, thử thách từ tình hình thế giới, Chính phủ tập trung thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giữ vững ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm cân đối, tạo cơ hội và dư địa tăng trưởng kinh tế tốt trong 2026 và tương lai. Theo “Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2025 và 5 năm 2021-2025; dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm 2026”, Chính phủ đặt mục tiêu GDP năm 2026 tăng 10%, lạm phát khoảng 4,5% và GDP bình quân đầu người 5.400-5.500 USD. Thu ngân sách Nhà nước năm sau phấn đấu tăng 10%, giảm 5% chi đầu tư và 10% chi thường xuyên để dành nguồn cho đầu tư các dự án lớn, như đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, an sinh xã hội.
- Theo Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 09/1/2026 về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng trong năm 2026 được ban hành bởi Thống đốc NHNN Việt Nam, ngành ngân hàng được dự kiến tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống khoảng 15%, được thúc đẩy động lực kinh tế vững chắc phù hợp với mục tiêu tăng trưởng GDP 10% của Chính phủ cho năm 2026, và lập trường chính sách tiền tệ nới lỏng được duy trì. Nhu cầu tín dụng từ khối doanh nghiệp sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao, đồng thời dự báo cho vay bán lẻ, bao gồm cho vay mua nhà, sẽ tăng tốc mạnh hơn, được hỗ trợ bởi đà tăng trưởng mạnh mẽ của vay mua nhà và sự phục hồi của mảng cho vay hộ kinh doanh khi nhóm này thích ứng hoàn toàn với các quy định thuế mới và quay trở lại hoạt động kinh doanh bình thường. Chất lượng tài sản sẽ cải thiện trong năm 2026, được hỗ trợ bởi (1) hoạt động kinh tế mạnh mẽ hơn, (2) đà phục hồi của thị trường BĐS, và (3) việc luật hóa Nghị quyết 42/2017 (có hiệu lực từ tháng 10/2025) cung cấp cho các ngân hàng một khung pháp lý để xử lý nợ xấu hiệu quả hơn. Đối với năm 2026, ngành có thể được

định giá lại ở mức cao hơn, được thúc đẩy bởi tăng trưởng lợi nhuận và khả năng sinh lời mạnh mẽ hơn, cũng như tiềm năng dòng vốn ngoại đầu tư vào từ việc nâng hạng thị trường sẽ ưu tiên các cổ phiếu vốn hóa lớn như ngân hàng.

- Ngành Tiêu dùng được đang bước vào giai đoạn then chốt trong kỷ nguyên tăng trưởng mới của Việt Nam. Các yếu tố hỗ trợ dài hạn về nhân khẩu học của Việt Nam vẫn được duy trì: dân số trẻ, thu nhập khả dụng gia tăng và dư địa đô thị hóa còn rất lớn. Các lực đẩy này tạo ra đà tăng trưởng trong nhiều năm cho sự thâm nhập của bán lẻ hiện đại, xu hướng cao cấp hóa, cũng như sự gia tăng chi tiêu cho chăm sóc sức khỏe và tiêu dùng không thiết yếu. Đồng thời, Chính phủ đang đẩy mạnh việc chính thức hóa nền kinh tế phi chính thức, điều này sẽ thúc đẩy sự chuyển dịch từ thương mại truyền thống (GT) sang thương mại hiện đại (MT). Các biện pháp bao gồm: (1) siết chặt tuân thủ thuế đối với các hộ kinh doanh, (2) xử lý nghiêm buôn lậu và hàng giả, và (3) quản lý chặt chẽ thị trường thương mại điện tử.
- Đối với ngành Bất động sản Nhà ở, Chính phủ đặt mục tiêu sẽ hoàn thành trên 110 nghìn căn hộ nhà ở xã hội vào năm 2026, để sớm đạt được mục tiêu 1 triệu căn vào năm 2028, đồng thời nâng tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50%, diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt tối thiểu 32m² vào năm 2030. Trong đó, các động lực chính sẽ bao gồm: (i) nhu cầu ở thực tiếp tục duy trì ổn định cùng với sự phục hồi của nhu cầu đầu tư; (ii) nguồn cung mới gia tăng; (iii) mặt bằng lãi suất duy trì ở mức ổn định, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế; và (iv) đầu tư hạ tầng tiếp tục được đẩy mạnh. Trong dài hạn, các động lực tăng trưởng cốt lõi cho thị trường BĐS nhà ở Việt Nam duy trì tích cực, bao gồm sự phát triển về cơ sở hạ tầng, đô thị hóa, sự gia tăng của tầng lớp trung lưu và tỷ lệ thâm nhập của thị trường cho vay mua nhà thế chấp. Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) sẽ tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động phát triển BĐS thông qua việc duy trì lập trường chính sách tiền tệ hỗ trợ, đẩy mạnh đầu tư hạ tầng và tháo gỡ vướng mắc trong quá trình triển khai dự án.
- Ngành Vật liệu xây dựng, thị trường trong nước dự kiến chiếm ưu thế hơn so với xuất khẩu. Nhu cầu trong nước sẽ được thúc đẩy bởi đầu tư công và sự phục hồi của thị trường bất động sản (BDS), qua đó hỗ trợ doanh số bán thép xây dựng. Chính phủ đã đề ra kế hoạch đầu tư công đầy tham vọng trong năm 2026, với quy mô đạt mức vượt 1 triệu tỷ đồng. Đây là mức cao kỷ lục mới cho kế hoạch đầu tư công hàng năm. Đối với thị trường xuất khẩu, chủ nghĩa bảo hộ tiếp tục là lực cản đối với xuất khẩu thép của Việt Nam trong năm 2026, tuy nhiên không còn nhiều dư địa để ghi nhận mức giảm hàng năm lớn hơn do mức cơ sở thấp của năm 2025. Trong khi đó, thị trường trong nước hiện đang được bảo vệ bởi thuế chống bán phá giá (CBPG) đối với thép Trung Quốc.

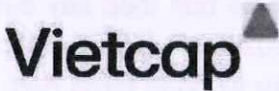
2.3 Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm

- Thể hiện sự tin tưởng cao hơn đối với cổ phiếu bằng cách sử dụng chứng quyền để nâng tỷ lệ đòn bẩy.
- Hạn chế tối đa tổn thất bằng cách sử dụng chứng quyền mua.
- Tổn thất được giới hạn ở mức giá của chứng quyền.
- Là công cụ nợ, chúng có thể được sử dụng trong danh mục đầu tư trái phiếu để có được rủi ro và lợi tức giống chứng khoán.
- Chứng quyền có đảm bảo, nếu được sử dụng một cách thận trọng, có thể quản lý rủi ro tốt hơn so với giao dịch ký quỹ.
- Chứng quyền giúp chuyển giao trách nhiệm quản lý rủi ro cơ bản, delta, và biến động một cách hiệu quả đối với người phát hành chứng quyền.

V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP**
- Tên Tiếng Anh: **VIETCAP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **Vietcap**
- Trụ sở: Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp.HCM
- Điện thoại: +84 (0)28 3914 3588
- Fax: +84 (0)28 3914 3209
- Website: www.vietcap.com.vn
- Giấy phép thành lập: Giấy phép thành lập số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 06/11/2007, Giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK ngày 03/08/2026.
- Vốn điều lệ đăng ký: 11.522.319.250.000 đồng (Mười một nghìn năm trăm hai mươi hai tỷ ba trăm mười chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)
- Vốn điều lệ thực góp: 11.522.319.250.000 đồng (Mười một nghìn năm trăm hai mươi hai tỷ ba trăm mười chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)
- Logo: 
- Người đại diện theo pháp luật: Bà Tôn Minh Phương, Tổng Giám đốc
- Số tài khoản: 119.010.4696 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Môi giới chứng khoán
 - Tự doanh chứng khoán
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán
 - Lưu ký chứng khoán

1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Năm 2007	▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (Vietcap) được thành lập và chính thức hoạt động vào tháng 11/2007 với mức vốn điều lệ ban đầu là 360 tỷ đồng
Năm 2008	▪ Thành lập chi nhánh tại Hà Nội
Năm 2009	▪ Vietcap được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) quyết định chấp thuận là thành viên đầu thầu trái phiếu ▪ Chính thức đưa vào sử dụng hệ thống phần mềm lõi chứng khoán Tong Yang (nay là Lotte HPT Vietnam) ▪ Tăng vốn điều lệ từ 360 tỷ đồng lên 378 tỷ đồng theo giấy phép số 276/UBCK-GP do UBCK Nhà nước cấp tháng 11/2009
Năm 2010	▪ Thuộc nhóm 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất 6 tháng cuối năm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) ▪ Thuộc nhóm 10 công ty chứng khoán có thị phần giao dịch trái phiếu lớn nhất Quý 3 tại HNX ▪ Thành lập phòng giao dịch Nguyễn Công Trứ
Năm 2011	▪ Vươn lên nhóm 6 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất HSX ▪ Tạp chí Finance Asia vinh danh "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất Việt Nam" ▪ Tạp chí The Asset bình chọn "Công ty môi giới tốt nhất Việt Nam" ▪ Tạp chí Alpha Southeast Asia vinh danh "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất", "Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô vừa tốt nhất" tại Việt Nam ▪ UBND Tp.HCM trao tặng giải thưởng "Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu năm 2011"
Năm 2012	▪ Thuộc nhóm 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên HSX ▪ Tạp chí Finance Asia bình chọn là "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam" ▪ Tạp chí Alpha Southeast Asia công nhận, "Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô vừa tốt nhất", "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất" và "Nhà môi giới tổ chức tốt nhất", là công ty duy nhất nhận đồng thời 3 giải thưởng trên tại Việt Nam ▪ Tăng vốn điều lệ lên 398,4 tỷ đồng theo giấy phép số 122/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp
Năm 2013	▪ Chuyển dịch cân bằng, hoàn thiện các mảng hoạt động kinh doanh ▪ Vươn lên vị trí 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên HSX ▪ Tạp chí Finance Asia vinh danh "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam" và "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất" tại Việt Nam

	▪ Tạp chí Alpha Southeast Asia công nhận "Nhà môi giới tổ chức tốt nhất", "Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô vừa tốt nhất", "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất Việt Nam" ▪ Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2009-2013"
Năm 2014	▪ Đột phá trong kết quả hoạt động, với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) vượt ngưỡng mục tiêu 25% ▪ Thuộc Top 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất HSX ▪ Tạp chí Alpha Southeast Asia vinh danh "Nhà môi giới tổ chức tốt nhất Việt Nam" ▪ Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2003-2014" ▪ Tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng theo giấy phép số 20/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 9/2014
Năm 2015	▪ Củng cố nguồn lực, duy trì sức mạnh nội tại với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đạt trên 30% ▪ Tạp chí Euromoney bình chọn "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam" ▪ Tạp chí Finance Asia vinh danh "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam" ▪ Tạp chí Alpha Southeast Asia bình chọn "Công ty tư vấn tài chính quy mô vừa tốt nhất Việt Nam" ▪ HNX bình chọn là "Một trong ba công ty chứng khoán có dịch vụ tư vấn tốt nhất giai đoạn 2005-2015" ▪ Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2014-2015" ▪ Giữ vững vị thế Top 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên HSX
Năm 2016	▪ Giữ vững top 3 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức ▪ Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2011-2016" ▪ Tạp chí Finance Asia bình chọn "Nhà tư vấn phát hành cổ phiếu tốt nhất Việt Nam" và "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam" ▪ Tạp chí Alpha Southeast Asia trao giải "Nhà huy động vốn tốt nhất Việt Nam giai đoạn 2007-2016". ▪ Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất Việt Nam". ▪ Tăng vốn điều lệ lên 1.032 tỷ đồng theo giấy phép số 47/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 12/2016.
Năm 2017	▪ Giữ vững top 3 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức, đẩy mạnh dịch vụ tư vấn.

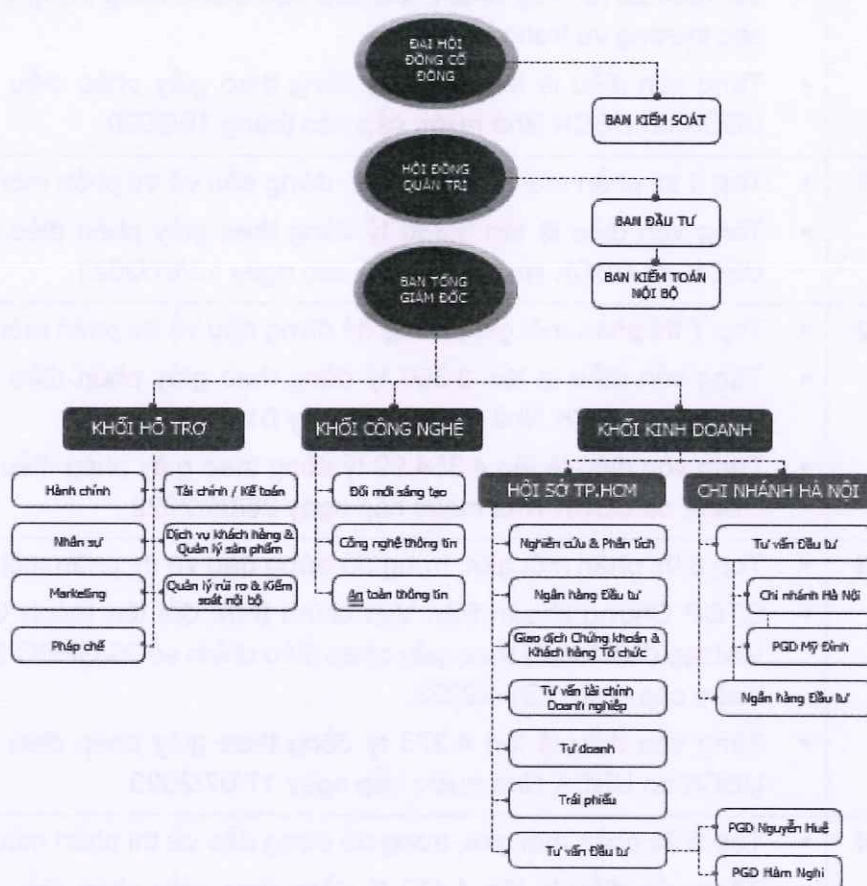
	▪ Tạp chí Finance Asia bình chọn "Nhà tư vấn phát hành cổ phiếu tốt nhất Việt Nam, "Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam" và "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam" ▪ Tạp chí Alpha Southeast Asia trao giải "Ngân hàng đầu tư và tư vấn sáp nhập tốt nhất Việt Nam". ▪ Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất Việt Nam" ▪ Tăng vốn điều lệ lên 1.200 tỷ đồng theo giấy phép số 35/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 8/2017.
Năm 2018	▪ Giữ vững top 3 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức, đẩy mạnh dịch vụ tư vấn. ▪ Tạp chí Finance Asia bình chọn "Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam". ▪ Tăng vốn điều lệ lên 1.629 tỷ đồng theo giấy phép số 76/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 9/2018.
Năm 2019	▪ Giữ vững top 3 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức, đẩy mạnh dịch vụ tư vấn ▪ Tăng vốn điều lệ lên 1.644 tỷ đồng theo giấy phép số 53/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 9/2019.
Năm 2020	▪ Top 5 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, các hoạt động huy động vốn, M&A xuyên quốc gia bị ngưng trệ, dẫn tới việc quy mô cũng như giá trị của các giao dịch giảm nhiều so với năm 2019. Tuy nhiên, Vietcap vẫn thành công trong việc tư vấn hàng loạt các thương vụ trong nước. ▪ Tăng vốn điều lệ lên 1.656 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 10/2020.
Năm 2021	▪ Top 5 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức. ▪ Tăng vốn điều lệ lên 3.330 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 52/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào ngày 12/07/2021.
Năm 2022	▪ Top 7 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức. ▪ Tăng vốn điều lệ lên 3.350 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 01/07/2022 ▪ Tăng vốn điều lệ lên 4.354,99 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 91/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 26/09/2022
Năm 2023	▪ Top 8 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức. ▪ CTCP Chứng khoán Bản Việt chính thức đổi tên thành CTCP Chứng khoán Vietcap ("Vietcap") theo giấy phép điều chỉnh số 26/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 12/04/2023. ▪ Tăng vốn điều lệ lên 4.375 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 58/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 17/07/2023.
Năm 2024	▪ Top 5 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức. ▪ Tăng vốn điều lệ lên 4.419 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 15/07/2024.

	- Tăng vốn điều lệ lên 5.745 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 72/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 08/10/2024. - Tăng vốn điều lệ lên 7.181 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 89/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 03/12/2024.
Năm 2025	- Top 4 thị phần môi giới trong năm 2025, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức. - Tăng vốn điều lệ lên 7.226 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 07/08/2025 - Tăng vốn điều lệ lên 8.501 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 06/01/2026.
Năm 2026	- Tăng vốn điều lệ lên 11.476 tỷ đồng từ việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu đã được Đại hội đồng cổ đông theo giấy phép điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 21/04/2026. - Tăng vốn điều lệ lên 11.522 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 03/08/2026.

1.3 Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty được trình bày trong sơ đồ dưới đây:

Hình 3: Sơ đồ tổ chức Công ty



Tổ chức và hoạt động của Công ty được dựa trên những văn bản pháp lý sau đây:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều Lệ của Công ty; và
- Những văn bản pháp lý khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

a. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định mức chi trả cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ này;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế khác của Công ty.

b. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty. Hội đồng Quản trị Vietcap gồm có 07 (bảy) thành viên với nhiệm kỳ 05 (năm). Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

- Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã phát hành của từng loại trong mỗi mười hai (12) tháng; quyết định phương án chào bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng của Công ty, quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đại diện theo ủy quyền;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;
- Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro;
- Giải quyết xung đột trong Công ty: Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;
- Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc đệ trình (nếu có);
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế khác của Công ty.

c. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Vietcap có ba (03) thành viên; nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm (05) năm. Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty;
- Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế khác của Công ty.

d. Ban Tổng Giám đốc

Thành phần Ban tổng giám đốc của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của Công ty.

Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị thuê hoặc bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của các thành viên Ban Tổng Giám đốc khác là năm (05) năm.

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc cụ thể như sau:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng Quản trị;
- Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng Quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, kiến nghị hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh phải được Hội đồng Quản trị phê duyệt;
- Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng Quản trị;
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Tuyển dụng lao động;

- Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại hợp đồng lao động mà Tổng Giám đốc ký với Công ty theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

e. Ban đầu tư

Ban Đầu tư phê duyệt các giao dịch và hạn mức đầu tư. Ban Đầu tư bao gồm các thành viên: Chủ tịch HĐQT / Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

f. Ban quản lý rủi ro

Ban quản lý rủi ro được thiết lập nhằm đảm bảo khả năng xác định rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo rủi ro và xử lý một cách hiệu quả các rủi ro trọng yếu đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ theo quy định.

g. Ban Kiểm toán nội bộ

Kiểm soát nội bộ giám sát và kiểm tra hoạt động của các bộ phận nhằm:

- Đảm bảo hoạt động đạt hiệu quả cao trong kinh doanh và tuân thủ nghiêm túc mọi quy định liên quan của pháp luật và các quy định, quy chế và quy trình nghiệp vụ của công ty;
- Ngăn ngừa những hiện tượng vi phạm hoặc không tuân thủ pháp luật, quy định, quy chế và quy trình nghiệp vụ của công ty dẫn đến rủi ro trong hoạt động;
- Bảo vệ an toàn tài sản và uy tín của công ty;
- Kiến nghị với Ban giám đốc Công ty trong việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy chế và quy trình nghiệp vụ nhằm tăng cường biện pháp đảm bảo an toàn tài sản, giảm thiểu rủi ro và tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh.

1.4 Danh sách cổ đông

a. Cơ cấu cổ đông hiện tại

Theo danh sách cổ đông do VSDC cung cấp gần nhất, chốt tại ngày 26/06/2026, thông tin tóm tắt danh sách cổ đông như sau:

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty

STT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (theo mệnh giá) (đồng)	Tỷ lệ %/VDL
I	Cổ đông trong nước	35.770	929.028.419	9.290.284.190.000	80,63%
	Tổ chức	121	92.918.221	929.182.210.000	8,06%
	Cá nhân	35.649	836.110.198	8.361.101.980.000	72,56%
II	Cổ đông nước ngoài	289	223.203.506	2.232.035.060.000	19,37%
	Tổ chức	84	208.920.957	2.089.209.570.000	18,13%
	Cá nhân	205	14.282.549	142.825.490.000	1,24%
III	Cổ phiếu quỹ				
	Tổng cộng	36.059	1.152.231.925	11.522.319.250.000	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 26/06/2026

b. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

STT	Họ và tên	Số GCNĐKKD/ CMND	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % / vốn điều lệ thực góp
1	Tô Hải	034073008380	21B/3 Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Q.1, Tp. HCM	174.338.194	15,13%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 26/06/2026

c. Danh sách người có liên quan của Công ty

STT	Họ tên	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Số CMND/HC/ĐKKD	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	091180000104	30.800.250	2,67%
1.1	Nguyễn Hoàng Bảo	Chồng	079073000764	0	0,00%
1.2	Nguyễn Bảo Hoàng Mi	Con	079313037444	0	0,00%
1.3	Nguyễn Bảo Hoàng Mai	Con	079313031345	0	0,00%
1.4	Nguyễn Tấn Dũng	Cha	096049000018	0	0,00%
1.5	Trần Thanh Kiệm	Mẹ	093154000023	0	0,00%
1.6	Nguyễn Thanh Nghị	Anh ruột	023798768987	0	0,00%
1.7	Phan Diệu Linh	Chị dâu	001181017216	0	0,00%
1.8	Nguyễn Minh Triết	Em ruột	091088000068	0	0,00%
1.9	Đồng Thanh Vi	Em dâu	072193000728	0	0,00%
1.10	CTCP QLQ Đầu tư CK Bản Việt	Chủ tịch HĐQT	08/UBCK-GPHĐ	0	0,00%
1.11	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Chủ tịch Ủy ban Chiến lược và Đổi mới	0025/NH-GP	0	0,00%
1.12	Công ty CP Bất Động Sản Bản Việt	Thành viên HĐQT	0305051312	0	0,00%
1.13	Công ty Cổ phần Good Day Hospitality/Good Day Hospitality JS Company	Thành viên HĐQT	0311770812	0	0,00%
1.14	Công ty TNHH Phoenix Holdings/ Phoenix Holdings Company Limited	Thành viên HĐQT	0313478179	89.100	0,01%
2	Tô Hải	Thành viên HĐQT	034073008380	174.338.194	15,13%

2.1	Trương Nguyễn Thiên Kim (*)	Vợ	068176000014	16.915.973	1,47%
2.2	Tô Hồng Hà	Em trai	034076005064	126.029	0,01%
2.3	Lê Kim Phượng	Em dâu	072184008157	0	0,00%
2.4	Trần Thị Lan	Mẹ	035151000112	0	0,00%
2.5	Tô Hữu Định	Cha	034047000908	0	0,00%
2.6	Tô Thị Lan Hương	Chị	034172005081	0	0,00%
2.7	Phạm Nguyên Vũ	Anh rể	079072002592	0	0,00%
2.8	Nguyễn Thị Thể	Mẹ vợ	060143004524	0	0,00%
2.9	Tô Lâm	Con		0	0,00%
2.10	Tô An	Con		0	0,00%
2.11	Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sửa IDP	Chủ tịch HĐQT	0500463609	0	0,00%
3	Đình Quang Hoàn	Thành viên HĐQT	031076024210	797.436	0,07%
3.1	Đình Quang Tập	Cha	031053009979	0	0,00%
3.2	Nguyễn Thị Hánh	Mẹ	031153008990	0	0,00%
3.3	Lâm Bình Lễ	Cha vợ	052043003009	0	0,00%
3.4	Lâm Thị Tố Nga	Vợ	079176027001	0	0,00%
3.5	Đình Quang Khải	Con trai	079204002398	0	0,00%
3.6	Đình Quang Minh	Con trai	079209045491	0	0,00%
3.7	Đình Quang Hợp	Anh trai	031073014593	0	0,00%
3.8	Lê Minh Tâm	Chị dâu	038181013431	0	0,00%
3.9	Công Ty Cổ Phần Sửa Quốc Tế LOF	Thành viên HĐQT	0500463609	0	0,00%
3.10	Công ty Cổ phần Lothamilk	Phó Chủ tịch HĐQT	3600361211	0	0,00%
4	Nguyễn Việt Hòa	Thành viên HĐQT	038175034220	0	0,00%
4.1	Lê Thị Độ	Mẹ	056147003918	0	0,00%
4.2	Nguyễn Văn Thám	Bố	054045000285	0	0,00%
4.3	Nguyễn Quốc Thái	Em Trai	056080000168	0	0,00%
4.4	Phạm Nhật Quang	Chồng	001070016736	0	0,00%
4.5	Phạm Việt Dũng	Con trai	079203007231	0	0,00%
4.6	Phạm Anh Thư	Con gái	079308019934	0	0,00%

4.7	Nguyễn Thị Hời	Mẹ chồng	001146002413	0	0,00%
4.8	Vũ Thị Thanh Hiền	Em dâu	066182000121	0	0,00%
4.9	Phạm Hoài Thanh	Anh chồng	001068029764	0	0,00%
4.10	Nguyễn Thị Thu Trang	Chị bạn dâu	079169026882	0	0,00%
4.11	Phạm Tuấn Minh	Em chồng	001073013028	0	0,00%
4.12	Nguyễn Ngọc Minh Trúc	Em bạn dâu	079179028150	0	0,00%
4.13	Công ty cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành	Chủ tịch HĐQT	0301164065	0	0,00%
4.14	Công ty cổ phần Bến Thành - Mũi Né	Thành viên HĐQT	3400383497	0	0,00%
4.15	Công ty cổ phần Du lịch Bến Thành - Non Nước	Thành viên HĐQT	0400403042	0	0,00%
4.16	Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny/Ben Thanh Sun Ny Company Limited	Chủ tịch HĐQT	0303648512	0	0,00%
5	Nguyễn Lâm Trung Anh	Thành viên HĐQT	001088041933	0	0,00%
5.1	Nguyễn Lâm Trung	Cha	001055008794	0	0,00%
5.2	Đặng Bích Ngà	Mẹ	001155009240	0	0,00%
5.3	Nguyễn Ngọc Lưu Ly	Chị ruột	001181021650	0	0,00%
5.4	Trần Ngọc Minh	Anh rể	001081000261	0	0,00%
5.5	Trần Thị Kim Hà	Vợ	056189002263	130	0,00%
5.6	Nguyễn Hà Trang	Con		0	0,00%
5.7	Nguyễn Lâm Gia Hưng	Con		0	0,00%
5.8	Trần Văn Hải	Bố vợ	056065001242	0	0,00%
5.9	Phan Thị Tuyết Hằng	Mẹ vợ	056167001551	0	0,00%
5.10	Trần Văn Hào	Em vợ	056091015177	0	0,00%
5.11	Trần Thị Kim Hiền	Em vợ	056195017413	0	0,00%
5.12	Công ty TNHH Phoenix Holdings	Tổng Giám đốc	0313478179	89.100	0,01%
5.13	Công ty CP Bất Động Sản Bản Việt	Thành viên HĐQT	0305051312	0	0,00%
5.14	Công ty Cổ phần Timo Việt Nam	Thành viên HĐQT	0313193007	0	0,00%
5.15	Công ty Cổ phần Gro Holdings	Thành viên HĐQT	0316226620	0	0,00%
5.16	Công ty Cổ phần Seven System Việt Nam	Thành viên HĐQT	0313330856	0	0,00%

5.17	Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	Thành viên HĐQT	0102766770	0	0,00%
6	Lê Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	079091029788	0	0,00%
6.1	Lê Văn Trúc	Cha ruột	049054001192	0	0,00%
6.2	Phan Thị Thanh	Mẹ ruột	049156007401	0	0,00%
6.3	Lê Thị Ngọc Phượng	Chị ruột	A9779757	0	0,00%
6.4	Lê Ngọc Linh	Anh ruột	079080028173	0	0,00%
6.5	Lê Thị Ngọc Minh	Chị ruột	049183007936	0	0,00%
6.6	Nguyễn Văn Thiên	Anh rể	051081000311	0	0,00%
6.7	CTCP Cafe Katinat	Phó Tổng Giám Đốc	0316612746	0	0,00%
6.8	CTCP Thương mại - Dịch vụ Bến Thành	Thành viên HĐQT	0301164065	0	0,00%
7	Tôn Minh Phương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	001183057937	1.126.650	0,10%
7.1	Tôn Thành Tài	Cha ruột	001049004643	0	0,00%
7.2	Trần Thị Dy	Mẹ ruột	040149000452	0	0,00%
7.3	Tôn Thị Tú Anh	Chị ruột	001177042496	0	0,00%
7.4	Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế LOF	Thành viên BKS	0500463609	0	0,00%
8	Tuấn Nhan	Phó Tổng Giám đốc	565419795	758.000	0,07%
8.1	Frances Herlina Massing	Vợ	RA7532649	0	0,00%
8.2	Bronte Massing Nhan	Con	PB4308299	0	0,00%
8.3	Koda Massing Nhan	Con	PB3722629	0	0,00%
8.4	Raven Massing Nhan	Con	RA5685853	0	0,00%
8.5	The Dao Nhan	Cha ruột	658266992	0	0,00%
8.6	Kim Khanh Ton	Mẹ ruột	658266991	0	0,00%
8.7	Chau Dao Thai Nhan	Em ruột	592296280	0	0,00%
8.8	Herlina Maria Massing	Mẹ vợ	PB4004475	0	0,00%
8.9	Frans Alex Massing	Cha vợ	PA2275882	0	0,00%
9	Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám đốc	001075010479	3.287.610	0,29%
9.1	Ngô Thị Phúc	Mẹ ruột	040144009573	0	0,00%
9.2	Lê Đỗ Tập (đã mất)	Cha vợ	13027553	0	0,00%

9.3	Nguyễn Thị Kim Thoa	Mẹ vợ	036140010582	0	0,00%
9.4	Lê Thị Đỗ Quyên	Vợ	036175024076	0	0,00%
9.5	Nguyễn Ngọc Mai	Con	001199024343	0	0,00%
9.6	Nguyễn Quỳnh Anh	Con	001304011847	0	0,00%
9.7	Nguyễn Quang Tuấn	Anh ruột	001066008329	0	0,00%
9.8	Lương Thị Tuyết	Chị dâu	031167002061	4.563	0,00%
9.9	Nguyễn Quang Đông	Em ruột	RA4448473	0	0,00%
9.10	Trần Thị Lương Khánh	Em dâu	RA1795526	0	0,00%
10	Đoàn Minh Thiện	Phó Tổng Giám đốc	046081000192	858.850	0,07%
10.1	Đoàn Don	Cha ruột	046052000553	0	0,00%
10.2	Hồ Thị Việt	Mẹ ruột	046159005262	0	0,00%
10.3	Nguyễn Đình Minh	Cha vợ	046051000500	0	0,00%
10.4	Đỗ Thị Phúc	Mẹ vợ	046157000922	0	0,00%
10.5	Nguyễn Thị Ái Phương	Vợ	045181000213	0	0,00%
10.6	Đoàn Thiện Nghĩa	Con	Không	0	0,00%
10.7	Đoàn Nguyễn Thiện Nhân	Con	Không	0	0,00%
10.8	Đoàn Thiên Long	Con	Không	0	0,00%
10.9	Đoàn Thị Ngọc Quý	Em ruột	046184001248	0	0,00%
10.10	Đoàn Quang Trường	Em ruột	046087000270	0	0,00%
10.11	Đoàn Thị Ngọc Xuân	Em ruột	046193018276	0	0,00%
10.12	Nguyễn Văn Minh Trí	Em rể	048089008205	0	0,00%
10.13	Võ Chánh	Em rể	046082005543	0	0,00%
10.14	Phan Lê Hoài Anh	Em dâu	046187008491	0	0,00%
10.15	Công ty Cổ phần Lothamilk	Thành viên Ban Kiểm soát	3600361211	0	0,00%
10.16	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	Thành viên HĐQT	3702226772	0	0,00%
11	Bùi Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban BKS	080178022495	0	0,00%
11.1	Nguyễn Minh Tuấn	Chồng	040074000933	0	0,00%
11.2	Nguyễn Bùi Thanh Mai	Con	08030300391	0	0,00%
11.3	Nguyễn Bùi Tuấn Minh	Con	079208049114	0	0,00%
11.4	Nguyễn Thị Lạc	Mẹ ruột	080158002526	0	0,00%
11.5	Bùi Công Đệ	Em ruột	080080022943	0	0,00%

11.6	Trần Thị Lâm Xuyên	Em dâu	080181003396	0	0,00%
11.7	Bùi Thị Bích Nguyên	Em ruột	080183000785	0	0,00%
11.8	Nguyễn Văn Dũng	Em rể	040080007445	0	0,00%
11.9	Bùi Minh Thông	Em ruột	080086014850	0	0,00%
11.10	Phạm Thanh Nguyên	Em dâu	080188011866	0	0,00%
11.11	Bùi Thị Bích Phương	Em ruột	080189004637	0	0,00%
11.12	Nguyễn Thị Hồng Tư	Mẹ chồng	0370008413	0	0,00%
11.13	Công ty TNHH Phoenix Holdings	Giám đốc điều phối văn phòng	313478179	0	0,00%
12	Trương Thị Huyền Trang	Thành viên BKS	060188008802	0	0,00%
12.1	Trương Trọng Phương	Bố	044053004260	0	0,00%
12.2	Nguyễn Thị Kim Cúc	Mẹ	049157005541	0	0,00%
12.3	Trương Thị Lệ Quyên	Chị gái	060183008236	0	0,00%
12.4	Phạm Đức Hoài	Anh rể	001077037611	0	0,00%
12.5	Trương Hoàng Bảo Thi	Em gái	044198007980	0	0,00%
12.6	Công ty CP Bất Động Sản Bản Việt	Kế toán trưởng	305051312	0	0,00%
13	Hồng Ánh Nguyệt	Thành viên BKS	075187006612	0	0,00%
13.1	Phan Anh Tuấn	Chồng	066085002935	0	0,00%
13.2	Hồng Cường	Cha ruột	075060003492	0	0,00%
13.3	Nguyễn Ngọc Thanh	Mẹ ruột	075167003857	0	0,00%
13.4	Nguyễn Thị Thảo	Mẹ Chồng	066159000078	0	0,00%
13.5	Phan Hồng Bảo Vy	Con	075318016077	0	0,00%
13.6	Phan Tuấn Kiệt	Con	075222001017	0	0,00%
13.7	Phan Đăng Khoa	Con	075225019998	0	0,00%
13.8	Công ty CP Logistics BHG Long Thành	Kế toán trưởng	3603904314	0	0,00%
13.9	Công ty CP NexHub	Kế toán trưởng	0319302968	0	0,00%
14	Đoàn Trần Phương Thảo	Kế toán trưởng	079187021937	107.250	0,01%
14.1	Đoàn Kim Sa	Cha	079058011991	0	0,00%
14.2	Trần Thị Cẩm Tiên	Mẹ	079161015617	0	0,00%
14.3	Đoàn Trần Hiếu	Anh ruột	079085012233	0	0,00%
14.4	Đoàn Trần Thanh	Em ruột	079095029893	0	0,00%

14.5	Trần Thị Diễm My	Chị dâu	089193001530	0	0,00%
14.6	Nguyễn Phương Đài	Em dâu	080196015656	0	0,00%
15	Bùi Vũ Hoàng Tuyên	Phụ trách quản trị Công ty	079087012762	103.595	0,01%
15.1	Bùi Xuân Tứ	Cha	079058017128	0	0,00%
15.2	Vũ Thị Kim Phượng	Mẹ	079162031807	0	0,00%
15.3	Đinh Hải Anh	Vợ	024167855	0	0,00%
15.4	Bùi Hoàng Thủy Trúc	Con	Không	0	0,00%
15.5	Bùi Hoàng Bảo Sơn	Con	Không	0	0,00%
15.6	Bùi Vũ Hoàng My	Chị	079185006386	0	0,00%
15.7	Bùi Vũ Hoàng Kim	Em	N2175589	0	0,00%
15.8	Đinh Đức Ninh	Cha vợ	030059001030	0	0,00%
15.9	Nguyễn Thị Then	Mẹ vợ	034158003194	0	0,00%
15.10	Nguyễn Quốc Huy	Anh rể	023333456	0	0,00%
15.11	Chu Vi Thông	Em rể	C1468936	0	0,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 26/06/2026

(*) Bà Trương Nguyễn Thiên Kim đã đăng ký thực hiện bán toàn bộ cổ phiếu tại CTCP Chứng khoán Vietcap theo phương thức thỏa thuận theo Thông báo giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người bộ vào ngày 07/04/2026. Theo Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của người có liên quan của người nội bộ ngày 06/05/2026, bà Trương Nguyễn Thiên Kim đã hoàn thành giao dịch cổ phiếu vào ngày 04/05/2026 và không còn là cổ đông của Vietcap.

d. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap được thành lập từ năm 2007, đến nay đã quá 03 (ba) năm nên không còn bị ràng buộc về hạn chế chuyển nhượng.

1.5 Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

a. Công ty mẹ của Vietcap

Không có

b. Danh sách công ty con của Vietcap

Không có

c. Danh sách những công ty mà Vietcap đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

d. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Vietcap

Không có

1.6 Thông tin về Ban điều hành của tổ chức phát hành

a. Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bảng 3: Danh sách Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	CCCD/ Hộ chiếu
Bà Tôn Minh Phương	Tổng Giám đốc	1983	001183057937
Ông Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám đốc	1975	001075010479
Ông Tuấn Nhan	Phó Tổng Giám đốc	1983	565419795
Ông Đoàn Minh Thiện	Phó Tổng Giám đốc	1981	046081000192
Bà Đoàn Trần Phương Thảo	Kế toán trưởng	1987	079187021937

b. Sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc: Bà Tôn Minh Phương

- Họ và tên: **Tôn Minh Phương**
- Giới tính: **Nữ**
- Ngày sinh: **19/05/1983**
- Nơi sinh: **Hà Nội**
- Số CMND/CCCD: **001183057937**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Dân tộc: **Hoa**
- Địa chỉ thường trú: **Tổ 16, Tập thể viện KHKT XD Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội**
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng**
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 03/2006 – 11/2006: *Trợ lý kiểm toán, Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Hà Nội*
 - ✓ Từ 01/2007 – 11/2008: *Chuyên viên phân tích tài chính, Công ty TNHH Intel Products Việt Nam*
 - ✓ Từ 12/2008 – 07/2009: *Chuyên viên phân tích tài chính, Công ty TNHH Unilever Việt Nam*
 - ✓ Từ 11/2009 – 11/2010: *Chuyên viên phân tích đầu tư, VPĐD Vi (Vietnam Investments) Partners, LLC tại TP.HCM*
 - ✓ Từ 06/2011 – 07/2017: *Trưởng phòng cao cấp bộ phận Ngân hàng đầu tư và Phân tích, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap*

- ✓ Từ 07/2017 – 01/2021 Phó Giám đốc bộ phận Ngân hàng đầu tư, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
- ✓ Từ 01/2021 – 04/2025 Giám đốc bộ phận Ngân hàng đầu tư, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
- ✓ Từ 04/2025 – 11/2025 Giám đốc điều hành bộ phận Ngân hàng đầu tư, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
- ✓ Từ 11/2025 – hiện nay Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên BKS, Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế LOF
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Phó Tổng Giám đốc: Ông Nguyễn Quang Bảo

- Họ và tên: **Nguyễn Quang Bảo**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/01/1975
- Nơi sinh: Hà Nội
- Số CMND/CCCD: 001075010479
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 9 Ngõ 82, Phạm Ngọc Thạch, P.Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 1996 - 2000 Nhân viên, Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam
 - ✓ Từ 2000 – 2002 Nhân viên Môi giới, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam
 - ✓ Từ 2002 – 2005 Trưởng phòng Môi giới, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam
 - ✓ Từ 2005 -2007 Phó Giám Đốc, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam
 - ✓ Từ 2007 – 2008 Phó Giám Đốc khối dịch vụ chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
 - ✓ Từ 2008 – hiện nay Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám Đốc Chi Nhánh Hà Nội, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám Đốc Chi Nhánh Hà Nội, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Phó Tổng Giám đốc: Ông Tuan Nhan

- Họ và tên: **Tuan Nhan**
- Giới tính: **Nam**
- Ngày sinh: **03/02/1983**
- Nơi sinh: **Việt Nam**
- Số CMND/CCCD: **565419795**
- Quốc tịch: **Hoa Kỳ**
- Dân tộc: **Không có**
- Địa chỉ thường trú: **59 Ngô Tất Tố, C-2304, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh**
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Quản trị kinh doanh – Chuyên ngành Tài chính**
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 09/2004 – 05/2005 *Chuyên viên phân tích, First Western Trust Bank*
 - ✓ Từ 06/2006 – 08/2006 *Trợ lý giao dịch, JP Morgan Chase & Co*
 - ✓ Từ 06/2007 – 04/2011 *Trưởng phòng giao dịch, Hudson Securities*
 - ✓ Từ 04/2011 – 12/2012 *Trưởng phòng giao dịch, Rodman & Renshaw*
 - ✓ Từ 01/2013 – 07/2016 *Trưởng phòng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap*
 - ✓ Từ 07/2016 – 07/2019 *Trưởng phòng cao cấp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap*
 - ✓ Từ 07/2019 – 01/2021 *Phó Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap*
 - ✓ Từ 01/2021 – 02/2022 *Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap*
 - ✓ Từ 02/2022 – 11/2025 *Giám đốc điều hành, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap*
 - ✓ Từ 11/2025 – nay *Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap*
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: **Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap**

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Phó Tổng Giám đốc: Ông Đoàn Minh Thiện

- Họ và tên: **Đoàn Minh Thiện**
- Giới tính: **Nam**
- Ngày sinh: **11/06/1981**
- Nơi sinh: **Thừa Thiên Huế**
- Số CMND/CCCD: **046081000192**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Dân tộc: **Kinh**
- Địa chỉ thường trú: **521/69C CMT8, P. Hòa Hưng, Tp. Hồ Chí Minh**
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Tài chính**
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 08/2003 – 08/2004 *Nhân viên Kế toán, Công ty TM-Xây dựng Hải Lê*
 - ✓ Từ 08/2004 – 07/2005 *Nhân viên Kế toán, Công ty Waseco*
 - ✓ Từ 07/2005 – 04/2007 *Nhân viên Kế toán, Công ty Jonathan Charles Fine Furniture*
 - ✓ Từ 04/2007 – 09/2011 *Phó phòng Tài chính và Kế toán, Công ty Petro Vietnam Telecom (nay là Petrosetco Distribution)*
 - ✓ Từ 09/2011 – 8/2024 *Kế toán trưởng, Bộ phận Tài chính kế toán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap*
 - ✓ Từ 08/2024 – hiện nay *Phó Tổng Giám Đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap*
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: **Phó Tổng Giám Đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap**
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Kế toán trưởng: Đoàn Trần Phương Thảo

- Họ và tên: **Đoàn Trần Phương Thảo**

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 22/08/1987
- Nơi sinh: Hồ Chí Minh
- Số CMND/CCCD: 079187021937
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 641A Nguyễn Duy, P. Phú Định, TP Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 08/2009 – 06/2011 Trợ lý Kiểm toán, Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
 - ✓ Từ 07/2011 – 06/2014 Chuyên viên Kiểm toán, Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
 - ✓ Từ 07/2014 – 01/2019 Phó trưởng Phòng Kiểm toán, Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
 - ✓ Từ 02/2019 – 06/2021 Trưởng phòng Kiểm toán, Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
 - ✓ Từ 07/2011 – 06/2024 Trưởng phòng Kiểm toán cấp cao, Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
 - ✓ Từ 07/2024 – 08/2024 Kế toán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
 - ✓ Từ 08/2024 – hiện nay Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

1.7 Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền

Trưởng bộ phận quản trị rủi ro cho nghiệp vụ Chứng quyền bảo đảm: Ông Nguyễn Văn Khoa

- Họ và tên: Nguyễn Văn Khoa
- Trình độ học vấn
 - ✓ 1998 Cử nhân Tài chính kế toán – Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
 - ✓ 2004 Chứng nhận Quản trị tài chính cao cấp – Viện Quản Trị Doanh Nghiệp
 - ✓ 2009 Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ – Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Kinh nghiệm công tác:
 - ✓ Từ 1998 – 2004 Chuyên viên kế toán – Công ty Scavi Việt Nam

- ✓ Từ 2005 – 2007 Kế toán trưởng – Công ty TNHH Sitto Việt Nam
- ✓ Từ 2008 – 2018 Kế toán trưởng – CTCP Chứng khoán Nhất Việt
- ✓ Từ 2019 – hiện tại Trưởng phòng Quản lý rủi ro – CTCP Chứng khoán Vietcap

2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành

2.1 Giá trị dịch vụ qua các năm

a. Doanh thu

Bảng 4: Doanh thu theo lĩnh vực kinh doanh chính qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Ngân hàng đầu tư	35	1,4%	34	0,9%	72	1,4%
Đầu tư chứng khoán	1.156	46,3%	2.027	54,8%	2.678	53,8%
Dịch vụ môi giới chứng khoán	514	20,6%	730	19,7%	1.000	20,1%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	791	31,7%	905	24,5%	1.230	24,7%
Tổng cộng	2.496	100,0%	3.696	100,0%	4.980	100,0%

Nguồn: Vietcap

Năm 2025, tổng doanh thu hoạt động đạt 4.980 tỷ đồng, tăng 34,8% so với năm 2024. Chi tiết doanh thu các mảng hoạt động như sau:

Hoạt động ngân hàng đầu tư

Vietcap được xem là công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam trong mảng tư vấn mua bán & sáp nhập (M&A) và huy động vốn, chào bán ra công chúng (IPO).

- Bộ phận ngân hàng đầu tư ("Investment Banking", "IB") của Vietcap cung cấp các dịch vụ tư vấn về M&A, huy động vốn, phát hành trái phiếu, IPO và niêm yết, gồm hai văn phòng tại Tp.HCM và Hà Nội với đội ngũ các chuyên gia trong và ngoài nước. Bộ phận ngân hàng đầu tư của Vietcap có thị phần dẫn đầu vượt trội trong mảng tư vấn tại Việt Nam và là đơn vị tư vấn chính cho hầu hết các doanh nghiệp lớn trong nước, đồng thời cũng là đơn vị tư vấn trong nước được lựa chọn bởi các nhà đầu tư nước ngoài.
- Bộ phận IB của Vietcap có đội ngũ chuyên gia tư vấn tài chính am hiểu thị trường Việt Nam, từng có kinh nghiệm làm việc tại các công ty danh tiếng như Goldman Sachs, Credit Suisse, Bank of America Merrill Lynch... giúp đảm bảo khả năng triển khai giao dịch thành công, thực hiện các thương vụ đáp ứng chuẩn mực và chất lượng quốc tế để đem lại lợi ích tối đa cho khách hàng.
- Bộ phận IB của Vietcap liên tục nhận được các giải thưởng tiêu biểu như "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam", "Công ty tư vấn phát hành tốt nhất" hàng năm từ các tổ chức quốc tế bao gồm Alpha Southeast Asia, Euromoney và Finance Asia.

- Trong năm 2022, Mảng Ngân hàng Đầu tư ghi nhận doanh thu 431 tỷ đồng (tăng 28% so với năm 2021) và LNTT 342 tỷ đồng trong năm 2022 (tăng 48% so với năm 2021). Vietcap ghi nhận doanh thu từ các thương vụ đáng chú ý như Masan Meat Life chuyển nhượng mảng kinh doanh thức ăn chăn nuôi cho De Heus Việt Nam, phát hành riêng lẻ cho CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ), phát hành trái phiếu của CTCP Phát Đạt (PDR), Hưng Thịnh Group mua lại CTCP Sông Tiền (dự án Angel Island), đồng thời tư vấn cho các cổ đông sáng lập của chuỗi trà sữa Phúc Long bán phần vốn chi phối cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN).
- Trong năm 2023, Mảng Ngân hàng Đầu tư ghi nhận doanh thu 27 tỷ đồng. Trong giai đoạn này, mảng Ngân hàng Đầu tư của Vietcap đang trong quá trình thực hiện các thương vụ tư vấn. Doanh thu và lợi nhuận từ các thương vụ chưa hoàn thành này chưa được ghi nhận đầy đủ vào Kết quả kinh doanh năm 2023.
- Trong năm 2024, mảng Ngân hàng Đầu tư ghi nhận doanh thu đạt 34 tỷ đồng (giảm 2% so với năm 2023) và ghi nhận khoản lãi ròng 2 tỷ đồng (so với mức lỗ ròng 32 tỷ đồng trong năm 2023). Phòng Ngân hàng Đầu tư của Vietcap đã tư vấn độc quyền cho Hợp Trí trong thương vụ chuyển nhượng 49% cổ phần cho Summit Agro International, và đóng vai trò đại lý chào mua mua công khai cho Sabeco tăng tỷ lệ sở hữu tại Sabibeco.
- Trong năm 2025, mảng Ngân hàng Đầu tư ghi nhận doanh thu đạt 72 tỷ đồng (tăng 113% so với cùng kỳ năm trước). Một số thương vụ đáng chú ý trong năm 2025 như tư vấn niêm yết HOSE cho CTCP Hàng tiêu dùng Masan (MCH), IPO và niêm yết cho CTCP chứng khoán VPBank (VPX) và CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (HPA).
- Các thương vụ tiêu biểu trong các năm qua:



Là đơn vị tư vấn độc quyền niêm yết CTCP Hàng tiêu dùng Masan (MCH) trên HOSE, với vốn hóa hơn 227 nghìn tỷ đồng (theo giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên) (2025)



Là đơn vị tư vấn độc quyền IPO và niêm yết CTCP Chứng khoán VPBank (VPX) trên HOSE, với giá trị chào bán hơn 12,7 nghìn tỷ đồng và vốn hóa công ty gần 64 nghìn tỷ đồng (theo giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên) (2025)



Là đơn vị tư vấn phát hành riêng lẻ Cổ phiếu CTCP Chứng khoán Vietcap (VCI) với giá trị thương vụ 3.900 tỷ đồng (2025)



Là đơn vị tư vấn độc quyền IPO và niêm yết CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (HPA) trên HOSE, với giá trị chào bán gần 1,3 nghìn tỷ đồng và vốn hóa công ty gần 12 nghìn tỷ đồng (theo giá IPO) (2025)



Là đơn vị tư vấn độc quyền mua lại 7,7 triệu cổ phiếu ưu đãi của CTCP Thủy điện Gia Lai (GEG), góp phần tối ưu hóa cấu trúc vốn và gia tăng giá trị cho cổ đông (2025)



Là đơn vị tư vấn độc quyền cho Hợp Trí trong thương vụ chuyển nhượng 49% cổ phần cho Summit Agro International (2024)



Là đại lý chào mua công khai cho Sabeco tăng tỷ lệ sở hữu tại Sabibeco từ 22,7% lên 65,9% (2024)



Là đơn vị tư vấn niêm yết Cổ phiếu CTCP Điện lực GELEX (GEE) trên sàn chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với giá trị niêm yết 11.145 tỷ đồng (dựa vào giá tham chiếu ngày đầu tiên niêm yết) (2024)



Là đơn vị tư vấn phát hành riêng lẻ cho Cổ phiếu CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (KDH) với giá trị thương vụ 3.000 tỷ đồng (2024)



Là đơn vị tư vấn phát hành riêng lẻ Cổ phiếu CTCP Chứng khoán Vietcap (VCI) với giá trị thương vụ 4.022 tỷ đồng (2024)



Là đơn vị tư vấn tài chính cho việc thoái vốn của cổ đông hiện hữu và huy động vốn cho Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế (IDP) với tổng giá trị hơn \$100 triệu (2023)



Là đơn vị tư vấn cho các cổ đông sáng lập của chuỗi trà sữa Phúc Long bán phần vốn chi phối cho Tập đoàn Masan (2022)



Là đơn vị tư vấn cho Mekong Capital bán phần vốn tại Pizza 4P's - một chuỗi pizza với công thức độc đáo (2022)



Là đơn vị tư vấn cho Indorama Venture hoàn tất việc mua lại Công ty Cổ phần Công Nghiệp - Dịch vụ - Thương Mại Ngọc Nghĩa - một trong những công ty đi đầu trong lĩnh vực bao bì nhựa PET tại Việt Nam (2022)



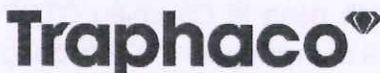
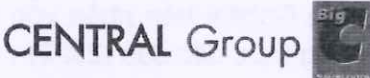
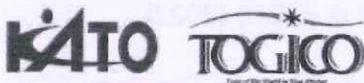
Là đơn vị tư vấn cho Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận (PNJ), nhà sản xuất trang sức hàng đầu Việt Nam, chào bán riêng lẻ 15 triệu cổ phiếu với tổng giá trị 60 triệu đô-la Mỹ cho nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước (2022)



Là đơn vị đồng tư vấn cho JERA, doanh nghiệp sản xuất năng lượng lớn nhất Nhật Bản trong việc mua lại 35% cổ phần của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (GEC) (2022)



Là đơn vị tư vấn cho Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1, nhà xây lắp và tổng thầu các công trình điện số 1 Việt Nam, đặc biệt là các công trình có yêu cầu kỹ thuật công nghệ cao, chào bán

	riêng lẻ trái phiếu doanh nghiệp với tổng giá trị 1.200 tỷ đồng cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước (2022)
	Là đơn vị tư vấn bán mảng kinh doanh thức ăn chăn nuôi của Masan Meat Life cho De Hues Việt Nam
	Là đơn vị tư vấn bán FE Credit cho Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC)
	Là đơn vị đồng tư vấn phát hành riêng lẻ & IPO cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam với giá trị vốn hóa là khoảng 6,5 tỷ USD (2018)
	Là đơn vị tư vấn độc quyền bên bán cho giao dịch bán 97% cổ phần Công ty Cổ phần Ngũ Á Châu, trị giá 180 tỷ đồng (2018)
	Là đơn vị đồng tư vấn bên bán cho giao dịch bán cổ phần Công ty Cổ phần TRAPHACO, trị giá 105 triệu USD (2017)
	Tư vấn độc quyền phát hành riêng lẻ & IPO cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng với giá trị vốn hóa là khoảng 2,3 tỷ USD (2017)
	Tư vấn phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ) với tổng giá trị phát hành là hơn 975 tỷ đồng (2017)
	Là đơn vị đồng tư vấn cho Casino Group chuyển nhượng chuỗi siêu thị BigC Việt Nam cho Tập đoàn Central Group với giá 1,1 tỷ Euro (2016)
	Tư vấn cho bên mua là Fraser & Neave trong thương vụ mua 78,3 triệu cổ phần Vinamilk từ SCIC (tương ứng 5,4% vốn điều lệ) thông qua đấu giá với giá trị thương vụ 500 triệu USD (2016)
	Là đơn vị đồng tư vấn cho đợt bán cổ phần có quy mô lớn nhất trong những năm gần đây, VietJet Air – 170 triệu USD (2016); đơn vị tư vấn niêm yết duy nhất cho VietJet Air (2017)
	Là đơn vị đồng tư vấn cho đợt bán cổ phần Novaland trị giá 120 triệu USD (2016)
	Tư vấn thành công thương vụ chuyển nhượng 100% vốn tại Công ty TNHH Togico – doanh nghiệp phân phối thực phẩm hàng đầu tại Việt Nam cho Kato Sangyo – tập đoàn nước giải khát Nhật Bản với vai trò là đơn vị tư vấn độc quyền cho bên bán (2016)



MASAN
NUTRI-SCIENCE



Tư vấn việc bán 30% cổ phần của Công ty ANCO cho Masan Nutri-Science nhằm tăng tỷ lệ sở hữu của Masan tại đây lên 100% (2016)



KHANG ĐIỀN

Tư vấn phát hành trái phiếu và cổ phiếu ra công chúng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền với tổng giá trị phát hành hơn 1.600 tỷ đồng (2015)



MASAN
NUTRI-SCIENCE

CENTRAL Group



Tư vấn cho Công ty cổ phần Masan thông qua Công ty Masan Nutri-Science mua lại 70% cổ phần Anco và 52% cổ phần Proconco (2015)

NguyenKim®

Là đơn vị đồng tư vấn cho giao dịch Nguyễn Kim bán cổ phần cho Central Group Thái Lan (2014)



thegioididong

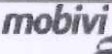
Là đơn vị tư vấn cho giao dịch chào bán cổ phần riêng lẻ Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (Mobile World) cho nhà đầu tư nước ngoài – 30 triệu USD (2014)

METRO
PACIFIC
TOLLWAYS

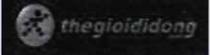


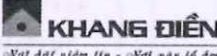
Là đơn vị tư vấn cho Metro Pacific Tollways Corp. mua lại cổ phần Công ty CII B&R – 90 triệu USD (2014)

▪ Các thương vụ thành công khác:

VICEM  Tư vấn Vicem trong giao dịch thoái vốn của LafargeHolcim tại Holcim Việt Nam 890 triệu USD 2016	Chuỗi Siêu thị Big C  Đồng tư vấn M&A 1,100 triệu EUR 2016	TOGICO  Tư vấn mua bán sáp nhập 20 triệu USD 2016	Fraser & Neave ("F&N")  VINAMILK Tư vấn bên mua US\$500mn 2016	Bao bì Tân Tiến Bao bì Minh Việt   Tư vấn mua bán sáp nhập cho bên bán Bảo mật 2015
CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền  KHANG ĐIỀN Tư vấn mua lại dự án Bảo mật 2015	Khang Dien House BCCI   Tư vấn mua bán sáp nhập Bảo mật 2015	CTCP Phát triển BĐS Phát Đạt  PHATDAT CORPORATION Real Estate Development Tư vấn mua lại dự án Bảo mật 2015	CTCP Thương mại Nguyễn Kim  Nguyễn Kim Trading Đồng tư vấn M&A Bảo Mật 2014	CTCP Savimex  SAVIMEX Tư vấn mua bán sáp nhập 6.9 triệu USD 2014
Xi Măng Hải Vân  Tư vấn mua bán sáp nhập 38.6 triệu USD 2014	Metro Pacific Tollways Corp (MPTC) CII B&R   Tư vấn bên mua - MPTC mua lại CII B&R 90 triệu USD 2014	Taisei Oncho Co., Ltd. Searefico   Tư vấn mua bán sáp nhập <10 triệu USD 2013	Mobivi Paylink   Tư vấn mua bán sáp nhập 10 triệu USD 2012	Tập đoàn Masan  MASAN GROUP Tư vấn Masan mua cổ phần bìa Phú Yên 12.5 triệu USD 2013
CTCP phân bón & hóa chất dầu khí  DPM Tư vấn mua bán sáp nhập 779 triệu USD 2012	Licogi 16.6  LICOGI 16.6 Tư vấn mua bán sáp nhập <10 triệu USD 2012	Xi Măng Hải Vân  Tư vấn bên bán cho Vicem Hai Van mua lại Nhà máy xi măng Áng Sơn II 40 triệu USD 2012	CTCP Hàng tiêu dùng Masan  Masan CONSUMER Đại lý chào mua công khai Vinacafe Biên Hòa 50 triệu USD 2011	CTCP Viễn Thông FPT  Fpt Telecom Tư vấn sát nhập FPT Information system, FPT trading and FPT Software 50 triệu USD 2011

Hãng hàng không Vietjet Air  Đồng tư vấn chào bán đại chúng & niêm yết HOSE 1.3 tỷ USD 2017	Tập đoàn đầu tư địa ốc Novaland  Đồng tư vấn chào bán riêng lẻ 1.35 tỷ USD 2016	Vissan  Sức Sống Mỗi Ngày Đồng tư vấn chào bán đại chúng & UPCOM 290 triệu USD 2016	CTCP Xây lắp điện 1  PCCI Tư vấn niêm yết HOSE 120 triệu USD 2016	Tập đoàn NaFoods  nafoods group Tư vấn niêm yết HOSE 37 triệu USD 2015
CTCP Hàng tiêu dùng Masan  Masan CONSUMER Tư vấn UPCOM Bảo mật 2016	Tổng Công ty Xây dựng số 1  CC1 Tư vấn cổ phần hóa 70 triệu USD 2016	Cty TNHH - MTV Cấp thoát nước - Môi trường Bình Dương  Tư vấn cổ phần hóa 96 triệu USD 2016	Tổng Cty Chè VN - CTCP Vina Tea  VINATEA Tư vấn IPO 5 triệu USD 2015	Masan Tài Nguyên  MASAN RESOURCES Tư vấn UPCOM 500 triệu USD 2015
CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau  DAM CA MAU Tư vấn cổ phần hóa 219 triệu USD 2014	Thế giới di động  thegioididong Tư vấn niêm yết HOSE 200 triệu USD 2013	Phân bón Bình Điền  Tư vấn niêm yết HOSE 63.5 triệu USD 2013	An Dương Thảo Điền  AN DUONG THAO DIEN Tư vấn niêm yết HOSE 50 triệu USD 2012	Tổng Cty Khí VN - PetroVietnam Gas  PETROVIETNAM GAS Tư vấn niêm yết HOSE 3.2 tỷ USD 2012
CTCP Docimexco  Tư vấn niêm yết HOSE 15 triệu USD 2011	Vinacafe Bien Hoa  VINACAFE BH Tư vấn niêm yết HOSE 68 triệu USD 2011	Hanoi Southern City Development  NHN Tư vấn niêm yết UPCOM 49 triệu USD 2011	Cty Lương thực Đồng Tháp - Dong Thap Food  Tư vấn niêm yết HOSE 21 triệu USD 2011	CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng  Tư vấn UPCOM 50 triệu USD 2011

Home Credit Việt Nam  Tư vấn chứng chỉ tiền gửi US\$10mn 2015	HD Sai Son  Tư vấn chứng chỉ tiền gửi US\$27mn 2015	Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Bến Thành  Tư vấn trái phiếu doanh nghiệp US\$15mn 2015	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo  Tư vấn phát hành cổ phiếu US\$<10mn 2014	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động  Tư vấn chào bán riêng lẻ US\$30mn 2014
--	--	--	--	--

CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền  Tư vấn phát hành riêng lẻ US\$40mn 2014	Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Bến Thành  Tư vấn phát hành cổ phiếu US\$<10mn 2013	Tập đoàn Masan  Tư vấn chào bán riêng lẻ US\$110mn 2013	Tổng Công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí  Đồng tư vấn chào bán riêng lẻ US\$40mn 2013	Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1  Tư vấn chào bán riêng lẻ US\$57mn 2013
--	---	--	--	--

Công ty Phân bón Bình Điền  Tư vấn phát hành cổ phần ra công chúng US\$3.7mn 2013	Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn  Đồng tư vấn chào bán riêng lẻ Bảo mật 2012	Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật  Tư vấn phát hành cho đối tác chiến lược US\$10mn 2012	CTCP Đầu tư và Phát triển Nhà đất COTEC  Tư vấn phát hành cổ phiếu US\$<10mn 2012	Ngân hàng Gia Định  Tư vấn phát hành cổ phiếu USD\$50mn 2011
--	---	---	---	---

Công ty Cổ phần Xây lắp I - Petrolimex  Tư vấn phát hành cổ phần ra công chúng US\$<10mn 2011	Tổng công ty XD Thủy lợi 4  Tư vấn phát hành cổ phiếu US\$<10mn 2011	Công ty Cổ phần Long Hậu  Tư vấn phát hành cổ phần ra công chúng Bảo mật 2011	Công ty Cổ phần Sữa Vinamilk  Tư vấn phát hành cổ phiếu US\$88mn 2011	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan  Tư vấn phát hành cổ phiếu US\$50mn 2011
---	--	--	--	--

Hoạt động đầu tư chứng khoán

- Vietcap thực hiện đầu tư vào các khách hàng tư vấn của Vietcap giúp tạo ra một danh mục đầu tư hiệu quả.
- Chiến lược đầu tư tập trung vào các doanh nghiệp tăng trưởng, chuẩn bị niêm yết.
- Từ khi thành lập, Vietcap luôn tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các công ty tốt và triển vọng trong những ngành nghề khai thác được tiềm năng của thị trường Việt Nam với quy mô dân số hơn 90 triệu người.
- Với vị trí dẫn đầu trong mảng ngân hàng đầu tư, Vietcap có thể phối hợp chặt chẽ với các khách hàng tư vấn và có nhiều cơ hội để tham gia đầu tư tạo giá trị.
- Trong cả năm 2022, Mảng Đầu tư ghi nhận doanh thu 1.344 tỷ đồng trong năm 2022 (giảm 31% so với năm 2021) và LNTT đạt 298 tỷ đồng (giảm 71% so với năm 2021), Trong cả năm 2022, doanh thu và lợi nhuận đầu tư của Vietcap bị ảnh hưởng bởi xu hướng giảm chung của thị trường khi VNI-Index khép lại năm 2022 với mức giảm 33%, gần như mất toàn bộ thành quả trong năm 2021 và kết thúc năm 2022 ở mức 1.007 điểm.
- Trong 2023, mảng Đầu tư tiếp tục là động lực dẫn dắt thu nhập chính của Vietcap trong cả năm, với LNTT đạt 347 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2022. Trong năm, Vietcap thực hiện giao dịch một số cổ phiếu như BSR, MBB, PVS, VPB, VNM, FPT, POW cùng với các cổ phiếu khác.
- Trong cả năm 2024, mảng Đầu tư ghi nhận doanh thu đạt 2.027 tỷ đồng (tăng 75% so với năm 2023) và LNTT đạt 554 tỷ đồng (tăng 60% so với năm 2023). Trong cả năm 2024, Vietcap đã thực hiện một số giao dịch cổ phiếu như ACB, MBB, CTG, DGC, IDC, FRT, MWG, FPT, MCH cùng các cổ phiếu khác.
- Trong cả năm 2025, mảng Đầu tư ghi nhận doanh thu đạt 2.678 tỷ đồng (tăng 32% so với cùng kỳ năm ngoái). Trong năm 2025, Vietcap đã thực hiện một số giao dịch đối với các mã FPT, KDH, MBB, ACB và STB, cùng các cổ phiếu khác; đồng thời ghi nhận cổ tức tiền mặt từ một số khoản đầu tư của công ty.

Dịch vụ môi giới chứng khoán

Môi giới khách hàng tổ chức nước ngoài (“Institutional Sales and Brokerage”, “ISB”):
Vietcap dẫn đầu thị phần trong mảng môi giới khách hàng nước ngoài.

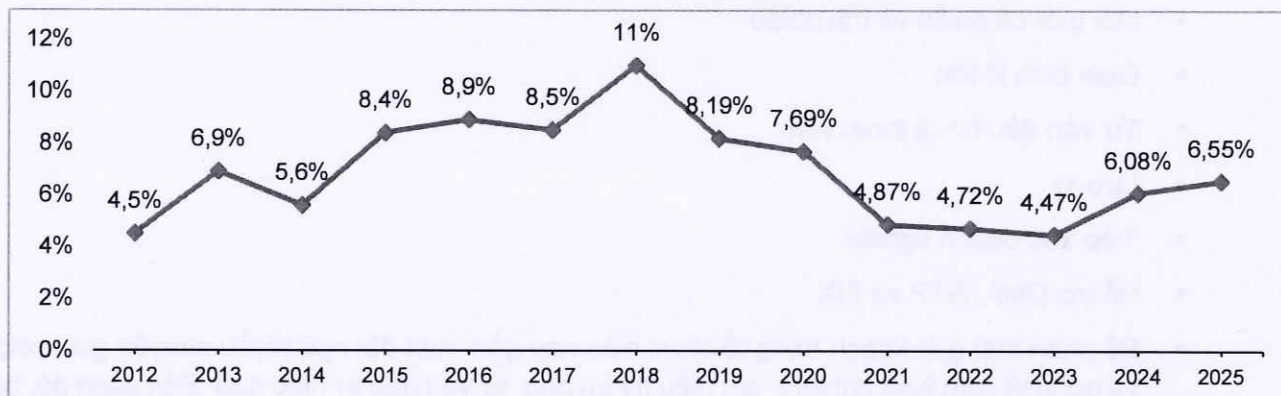
- Bộ phận môi giới khách hàng tổ chức cung cấp đầy đủ các dịch vụ môi giới và giao dịch bao gồm:
- Môi giới cổ phiếu và trái phiếu
- Giao dịch lô lớn
- Tư vấn đầu tư và thoái vốn
- Lưu ký
- Tiếp xúc doanh nghiệp
- Hỗ trợ DMA, STP và FIX
- Bộ phận môi giới khách hàng tổ chức hiện nay gồm một đội ngũ nhiều chuyên gia trong nước và quốc tế giàu kinh nghiệm, am hiểu thị trường, tư vấn đầu tư hiệu quả. Bên cạnh đó, bộ phận ISB được hỗ trợ bởi một đội ngũ phân tích thị trường, phụ trách báo cáo các doanh nghiệp, báo cáo ngành, báo cáo chiến lược...

- Bộ phận môi giới khách hàng tổ chức là đơn vị đầu mối tổ chức sự kiện “Vietnam Access Day” – VAD – một hội nghị thường niên uy tín thu hút đông đảo các nhà đầu tư tổ chức trong nước và quốc tế với số lượng tham dự lên đến 500 đơn vị. Ngoài ra, bộ phận ISB còn là trung gian kết nối các doanh nghiệp hàng đầu trong nước với nhà đầu tư quốc tế, thường xuyên tổ chức các chuyến thăm doanh nghiệp hoặc tổ chức các chuyến giới thiệu doanh nghiệp Việt Nam (non-deal roadshow) tại thị trường nước ngoài như Mỹ, Châu Âu, Hongkong, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan...
- Với lợi thế từ hoạt động tư vấn tài chính, M&A, bộ phận ISB có điều kiện tiếp cận, làm việc trực tiếp với nhiều doanh nghiệp tốt, có uy tín, thương hiệu trên thị trường. Từ đó, ISB có thể giới thiệu các cơ hội các cơ hội đầu tư tốt cho các khách hàng hiện hữu.
- Bộ phận ISB của Vietcap được bình chọn là (1) “Nhà môi giới khách hàng tổ chức tốt nhất Việt Nam” bởi Alpha Southeast Asia năm 2014 và 2015; (2) “Nhà môi giới tốt nhất” bởi Finance Asia năm 2016-2018; (3) “Nhà môi giới tổ chức tốt nhất Việt Nam” (Best Institutional Broker in Vietnam) năm 2020 bởi Alpha Southeast Asia.

Môi giới khách hàng trong nước (“Local Brokerage”, “LB”): Vietcap đang giữ vị trí thứ 4 về thị phần môi giới tại HSX.

- Bộ phận môi giới trong nước phục vụ khách hàng cá nhân trong nước với đầy đủ các dịch vụ môi giới và hiện có hơn 50.000 tài khoản đang hoạt động. Các dịch vụ bao gồm môi giới, lưu ký, quản lý cổ đông, cung cấp dịch vụ ký quỹ... với đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm, am hiểu thị trường và tận tâm với khách hàng. Tư vấn đầu tư được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của bộ phận môi giới.
- Bộ phận môi giới trong nước có khả năng tư vấn sâu sắc và toàn diện từ bộ phận nghiên cứu phân tích, hỗ trợ nhà đầu tư ra quyết định đúng đắn và hiệu quả.
- Bộ phận môi giới trong nước không ngừng cải tiến các phương thức giao dịch, trong đó phải kể đến các phương thức tương tác trực tuyến như V-Pro, V-Web, V-Mobile; hỗ trợ DMA và STP... đảm bảo tính nhanh chóng, thuận lợi và bảo mật thông tin.
- Số lượng khách hàng cá nhân của Vietcap ngày càng tăng trong các năm qua, và với tỷ lệ giao dịch của khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng chi phối trong toàn bộ giá trị giao dịch trên thị trường.
- Vietcap hướng đến khách hàng có doanh số cao, mục đích đầu tư ổn định và lâu dài.

Hình 4: Thị phần môi giới tổng thể của Vietcap tại HSX



Nguồn: HSX

Năm 2023, mảng Môi giới ghi nhận tổng doanh thu 514 tỷ đồng (giảm 16% so với năm 2022) và LNTT đạt 102 tỷ đồng (giảm 47% so với năm 2022). Theo số liệu của HSX, năm 2023 Vietcap tiếp tục củng cố thị phần môi giới trong Top 8 trên HSX với 4,47% thị phần, giảm 0,25% so với năm 2022.

Trong cả năm 2024, mảng môi giới ghi nhận doanh thu đạt 730 tỷ đồng (tăng 42% so năm 2023) và LNTT đạt 297 tỷ đồng (tăng 191% so với năm 2023). Tính chung cả năm 2024, Vietcap xếp hạng năm trên HOSE với thị phần môi giới là 6,08%, tăng vượt bậc so với hạng tám cùng thị phần 4,47% vào năm 2023. Riêng trong Quý 4/2024, thị phần môi giới trên HOSE của Vietcap tiếp tục tăng lên 7,03% và đứng thứ tư so với mức 6,78% trong Quý 3/2024.

Trong năm 2025, mảng Môi giới ghi nhận doanh thu đạt 1.000 tỷ đồng (tăng 37% so với cùng kỳ năm ngoái). Kết quả tích cực của mảng môi giới chủ yếu do thanh khoản thị trường tăng trong Quý 3/2025, với giá trị giao dịch trung bình tăng 80% so với Quý 2/2025 và đạt mức cao nhất kể từ Quý 2/2024. Giá trị giao dịch trung bình trong Quý 4/2025 đạt 29,4 nghìn tỷ đồng, thấp hơn 34% so với Quý 3/2025 nhưng vẫn là mức cao thứ hai tính theo quý kể từ năm 2022, tương đương mức tăng 70% so với Quý 4/2024. Vietcap xếp hạng thứ tư trên HOSE trong năm 2025 với thị phần môi giới đạt 6,55%, tiếp tục tăng so với mức thị phần 6,08% trong năm 2024. Trong Quý 4/2025, Vietcap đã chính thức ra mắt Warren - chuyên gia tư vấn đầu tư ứng dụng AI được cá nhân hóa, xây dựng trên nền tảng dữ liệu thị trường theo thời gian thực và các phân tích chuyên sâu từ đội ngũ Phân tích & Nghiên cứu của Vietcap.

Hoạt động giao dịch ký quỹ (“Margin lending”)

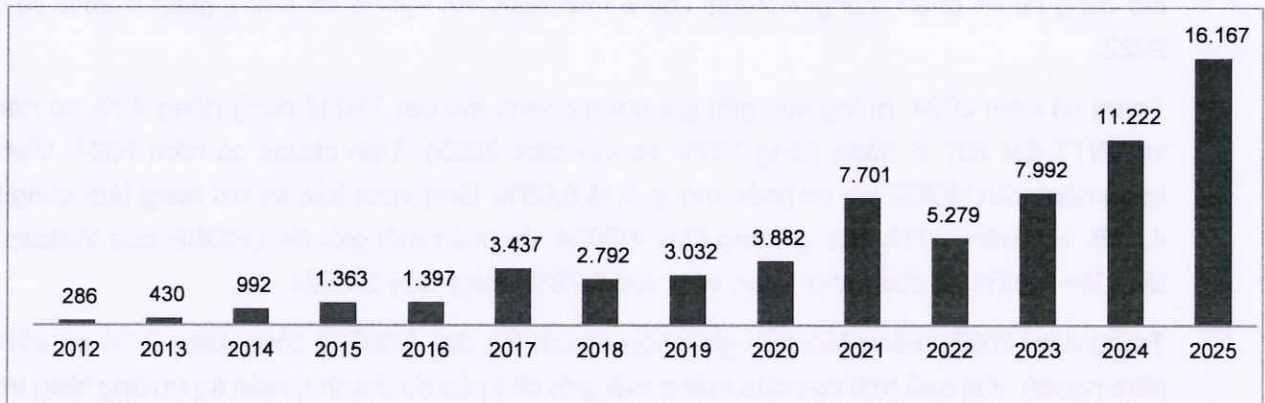
Mảng Cho vay Ký quỹ ghi nhận doanh thu 791 tỷ đồng trong năm 2023 (giảm 2,1% so với năm 2022) và LNTT đạt 153 tỷ đồng (giảm 33% so với năm 2022). Dư nợ cho vay ký quỹ của Vietcap tại cuối tháng 12/2023 đạt 7.992 tỷ đồng (tăng 51% so với cuối năm 2022). Hoạt động của mảng Cho vay Ký quỹ vẫn duy trì ổn định bất chấp các điều kiện thị trường biến động trong năm 2023 khi Vietcap vẫn theo đuổi chính sách thận trọng trong hoạt động cho vay ký quỹ.

Mảng cho vay ký quỹ đạt doanh thu 905 tỷ đồng trong cả năm 2024 (tăng 14% so năm 2023) và LNTT đạt 236 tỷ đồng (tăng 54% so với năm 2023). Dư nợ cho vay ký quỹ của Vietcap tiếp tục đạt mức cao kỷ lục 11.222 tỷ đồng tính đến cuối tháng 12/2024 (tăng 46% so với cuối năm 2023). Tỷ lệ dư nợ cho vay ký quỹ trên tổng vốn chủ sở hữu của Vietcap vẫn ở mức lành mạnh là 0,86 lần tại thời điểm cuối tháng 12/2024.

Mảng cho vay ký quỹ đạt doanh thu 1.230 tỷ đồng trong cả năm 2025 (tăng 36% so với năm 2024) do dư nợ cho vay ký quỹ tăng lên mức cao kỷ lục 16.167 tỷ đồng năm 2025. Mặc dù dư nợ cho vay ký quỹ liên tục lập đỉnh mới, tỷ lệ dư nợ cho vay ký quỹ trên tổng vốn chủ sở hữu đạt 0,89 lần, giúp Vietcap có dư địa dồi dào để tiếp tục mở rộng dư nợ cho vay ký quỹ. Mảng cho vay ký quỹ tăng trưởng tích cực nhờ thị phần môi giới của Vietcap ngày càng tăng trong cả năm 2024 và 2025.

Hình 5: Số dư hoạt động cho vay ký quỹ

Đơn vị: tỷ đồng



Nguồn: Vietcap

2.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Trong năm 2025, lợi nhuận trước thuế (LNTT) đạt 1.629 tỷ đồng, tăng 49,6% so với năm 2024 và vượt 114,7% kế hoạch năm 2025 của Vietcap là 1.420 tỷ đồng.

Bảng 5: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/(giảm) 2024-2025	6 tháng 2026
Tổng giá trị tài sản	26.592.124	36.005.865	35,4%	39.727.391
Doanh thu hoạt động	3.695.525	4.980.202	34,8%	2.582.331
Kết quả hoạt động	1.086.552	1.613.803	48,5%	671.428
Lợi nhuận khác	2.785	15.417	453,5%	3.260
Lợi nhuận trước thuế	1.089.337	1.629.220	49,6%	674.689
Lợi nhuận sau thuế	910.692	1.341.955	47,4%	591.319

Nguồn: BCTC kiểm toán 2024, 2025 và BCTC soát xét bán niên 2026

2.3 Các tranh chấp/ kiện tụng mà công ty đang gặp phải và diễn biến tại thời điểm hiện tại (nếu có)

Vietcap không có bất kỳ tranh chấp/ kiện tụng nào tính đến thời điểm hiện tại.

2.4 Các sự kiện vi phạm khác trong 01 năm gần nhất tính đến thời điểm hiện tại (nếu có)

Trong năm 2025, Vietcap đã nhận Quyết định số 725/QĐ-DNL ngày 30/6/2025 từ Chi Cục Thuế Doanh Nghiệp Lớn về việc truy thu số tiền 5,41 tỷ liên quan vi phạm hành chính và tiền chậm nộp tiền thuế cho năm 2023 và 2024. Vietcap đã nộp đủ số tiền vào ngân sách nhà nước, hoàn thành nghĩa vụ vào ngày 03/07/2025.

Ngoài các sự kiện trên, Vietcap không có khoản xử phạt vi phạm pháp luật nào khác trong 01 năm gần nhất tính đến thời điểm hiện tại.

2.5 Các chứng quyền mà công ty đã phát hành

Stt	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Thời hạn (tháng)	Loại chứng quyền	Kiểu chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chào bán	Tình trạng thanh toán
1	Chứng quyền MWG/VCSC/M/Au/T/A1	CMW G1905	MWG	6	Mua	Châu Âu	5:1	94.000	09/09/2019	09/12/2019	1.500.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
2	Chứng quyền FPT/VCSC/M/Au/T/A1	CFPT2 002	FPT	6	Mua	Châu Âu	2:1	58.000	22/01/2020	22/07/2020	1.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
3	Chứng quyền VPB/VCSC/M/Au/T/A1	CVPB 2003	VPB	6	Mua	Châu Âu	1:1	22.000	22/01/2020	22/07/2020	1.500.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
4	Chứng quyền MBB/VCSC/M/Au/T/A1	CMBB 2005	MBB	6	Mua	Châu Âu	1:1	20.000	24/04/2020	26/10/2020	1.500.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
5	Chứng quyền MWG/VCSC/M/Au/T/A1	CMW G2006	MWG	6	Mua	Châu Âu	5:1	110.000	24/04/2020	26/10/2020	1.500.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
6	Chứng quyền PNJ/VCSC/M/Au/T/A1	CPNJ2 003	PNJ	6	Mua	Châu Âu	5:1	75.000	24/04/2020	26/10/2020	1.500.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
7	Chứng quyền TCB/VCSC/M/Au/T/A1	CTCB 2003	TCB	6	Mua	Châu Âu	1:1	25.000	24/04/2020	26/10/2020	1.500.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
8	Chứng quyền FPT/VCSC/M/Au/T/A2	CFPT2 014	FPT	6	Mua	Châu Âu	2:1	55.000	09/10/2020	09/04/2021	1.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
9	Chứng quyền HPG/VCSC/M/Au/T/A1	CHPG 2025	HPG	6	Mua	Châu Âu	1:1	34.000	09/10/2020	09/04/2021	1.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
10	Chứng quyền MSN/VCSC/M/Au/T/A1	CMSN 2012	MSN	6	Mua	Châu Âu	2:1	65.000	09/10/2020	09/04/2021	1.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
11	Chứng quyền VNM/VCSC/M/Au/T/A1	CVNM 2014	VNM	6	Mua	Châu Âu	5:1	140.000	09/10/2020	09/04/2021	1.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
12	Chứng quyền VPB/VCSC/M/Au/T/A2	CVPB 2013	VPB	6	Mua	Châu Âu	1:1	27.000	09/10/2020	09/04/2021	1.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
13	Chứng quyền MWG/VCSC/M/Au/T/A3	CMW G2102	MWG	6	Mua	Châu Âu	5:1	120.000	01/02/2021	02/08/2021	2.500.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
14	Chứng quyền PNJ/VCSC/M/Au/T/A2	CPNJ2 102	PNJ	6	Mua	Châu Âu	5:1	80.000	01/02/2021	02/08/2021	2.500.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
15	Chứng quyền FPT/VCSC/M/Au/T/A3	CFPT2 102	FPT	6	Mua	Châu Âu	5:1	90.000	09/07/2021	10/01/2022	1.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
16	Chứng quyền HPG/VCSC/M/Au/T/A2	CHPG 2109	HPG	6	Mua	Châu Âu	1:1	55.000	09/07/2021	10/01/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
17	Chứng quyền STB/VCSC/M/Au/T/A1	CSTB 2105	STB	6	Mua	Châu Âu	1:1	30.000	09/07/2021	10/01/2022	3.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT

Stt	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Thời hạn (tháng)	Loại chứng quyền	Kiểu chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chào bán	Tình trạng thanh toán
18	Chứng quyền VNM/VCSC/ M/Au/T/A2	CVNM 2106	VNM	6	Mua	Châu Âu	5:1	100.000	13/07/2021	13/01/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
19	Chứng quyền KDH/VCSC/ M/Au/T/A1	CKDH 2106	KDH	6	Mua	Châu Âu	1:1	49.000	10/08/2021	10/02/2022	3.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
20	Chứng quyền MBB/VCSC/ M/Au/T/A2	CMBB 2105	MBB	6	Mua	Châu Âu	1:1	36.000	10/08/2021	10/02/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
21	Chứng quyền MWG/VCSC/ M/Au/T/A4	CMW G2109	MWG	6	Mua	Châu Âu	5:1	170.000	10/08/2021	10/02/2022	1.500.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
22	Chứng quyền PNJ/VCSC/M /Au/T/A3	CPNJ2 107	PNJ	6	Mua	Châu Âu	5:1	110.000	10/08/2021	10/02/2022	1.500.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
23	Chứng quyền VHM/VCSC/ M/Au/T/A1	CVHM 2109	VHM	6	Mua	Châu Âu	5:1	130.000	10/08/2021	10/02/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
24	Chứng quyền TCB/VCSC/M /Au/T/A3	CTCB 2108	TCB	6	Mua	Châu Âu	1:1	58.000	13/09/2021	14/03/2022	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
25	Chứng quyền VPB/VCSC/M /Au/T/A4	CVPB 2107	VPB	6	Mua	Châu Âu	1:1	74.000	13/09/2021	14/03/2022	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
26	Chứng quyền MSN/VCSC/ M/Au/T/A3	CMSN 2107	MSN	6	Mua	Châu Âu	5:1	150.000	13/09/2021	14/03/2022	2.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
27	Chứng quyền MWG/VCSC/ M/Au/T/A5	CMW G2108	MWG	6	Mua	Châu Âu	5:1	126.000	13/09/2021	14/03/2022	2.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
28	Chứng quyền PNJ/VCSC/M /Au/T/A4	CPNJ2 106	PNJ	6	Mua	Châu Âu	5:1	98.000	13/09/2021	14/03/2022	2.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
29	Chứng quyền ACB/VCSC/ M/Au/T/A1	CACB 2103	ACB	6	Mua	Châu Âu	1:1	37.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
30	Chứng quyền FPT/VCSC/M /Au/T/A4	CFPT2 111	FPT	6	Mua	Châu Âu	5:1	106.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
31	Chứng quyền HPG/VCSC/ M/Au/T/A3	CHPG 2119	HPG	6	Mua	Châu Âu	2:1	53.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
32	Chứng quyền MSN/VCSC/ M/Au/T/A4	CMSN 2111	MSN	6	Mua	Châu Âu	7:1	160.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
33	Chứng quyền MWG/VCSC/ M/Au/T/A6	CMW G2113	MWG	6	Mua	Châu Âu	6:1	154.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
34	Chứng quyền PNJ/VCSC/M /Au/T/A5	CPNJ2 110	PNJ	6	Mua	Châu Âu	5:1	113.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán

Stt	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Thời hạn (tháng)	Loại chứng quyền	Kiểu chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chào bán	Tình trạng thanh toán
35	Chứng quyền STB/VCSC/M /Au/T/A2	CSTB 2112	STB	6	Mua	Châu Âu	1:1	31.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
36	Chứng quyền VIC/VCSC/M /Au/T/A2	CVIC2 109	VIC	6	Mua	Châu Âu	5:1	102.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
37	Chứng quyền VNM/VCSC/M/Au/T/A3	CVNM 2114	VNM	6	Mua	Châu Âu	5:1	96.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
38	Chứng quyền VRE/VCSC/M/Au/T/A1	CVRE 2114	VRE	6	Mua	Châu Âu	1:1	34.000	24/11/2021	24/05/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
39	Chứng quyền POW/VCSC/M/Au/T/A1	CPOW 2205	POW	6	Mua	Châu Âu	1:1	13.900	13/07/2022	13/01/2023	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
40	Chứng quyền MSN/VCSC/M/Au/T/A5	CMSN 2210	MSN	6	Mua	Châu Âu	8:1	116.000	13/07/2022	13/01/2023	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
41	Chứng quyền PNJ/VCSC/M /Au/T/A6	CPNJ2 205	PNJ	6	Mua	Châu Âu	6:1	129.000	13/07/2022	13/01/2023	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
42	Chứng quyền FPT/VCSC/M /Au/T/A5	CFPT2 205	FPT	6	Mua	Châu Âu	6:1	93.000	13/07/2022	13/01/2023	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
43	Chứng quyền VPB/VCSC/M /Au/T/A5	CVPB 2207	VPB	6	Mua	Châu Âu	2:1	33.000	13/07/2022	13/01/2023	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
44	Chứng quyền VRE/VCSC/M/Au/T/A2	CVRE 2212	VRE	6	Mua	Châu Âu	2:1	30.000	13/07/2022	13/01/2023	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
45	Chứng quyền TCB/VCSC/M /Au/T/A4	CTCB 2207	TCB	6	Mua	Châu Âu	3:1	43.000	13/07/2022	13/01/2023	4.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
46	Chứng quyền MBB/VCSC/M/Au/T/A3	CMBB 2203	MBB	6	Mua	Châu Âu	2:1	35.500	25/03/2022	26/09/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
47	Chứng quyền MWG/VCSC/M/Au/T/A7	CMW G2203	MWG	6	Mua	Châu Âu	7:1	148.000	25/03/2022	26/09/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
48	Chứng quyền NVL/VCSC/M /Au/T/A1	CNVL 2203	NVL	6	Mua	Châu Âu	5:1	92.500	25/03/2022	26/09/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
49	Chứng quyền KDH/VCSC/M/Au/T/A2	CKDH 2205	KDH	6	Mua	Châu Âu	3:1	58.000	25/03/2022	26/09/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
50	Chứng quyền HDB/VCSC/M/Au/T/A1	CHDB 2204	HDB	6	Mua	Châu Âu	2:1	31.500	25/03/2022	26/09/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
51	Chứng quyền HPG/VCSC/M/Au/T/A4	CHPG 2207	HPG	6	Mua	Châu Âu	3:1	51.500	25/03/2022	26/09/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán

Stt	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Thời hạn (tháng)	Loại chứng quyền	Kiểu chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chào bán	Tình trạng thanh toán
52	Chứng quyền VHM/VCSC/M/Au/T/A2	CVHM 2206	VHM	6	Mua	Châu Âu	5:1	86.000	25/03/2022	26/09/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
53	Chứng quyền STB/VCSC/M/Au/T/A3	CSTB 2206	STB	6	Mua	Châu Âu	2:1	37.500	25/03/2022	26/09/2022	3.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
54	Chứng quyền VIB/VCSC/M/Au/T/A1	CVIB2 301	VIB	6	Mua	Châu Âu	2:1	25.960	06/02/2023	07/08/2023	4.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
55	Chứng quyền HPG/VCSC/M/Au/T/A5	CHPG 2305	HPG	6	Mua	Châu Âu	2:1	23.200	06/02/2023	07/08/2023	4.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
56	Chứng quyền STB/VCSC/M/Au/T/A4	CSTB 2302	STB	6	Mua	Châu Âu	2:1	28.200	06/02/2023	07/08/2023	4.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
57	Chứng quyền TPB/VCSC/M/Au/T/A1	CTPB 2301	TPB	6	Mua	Châu Âu	3:1	26.000	06/02/2023	07/08/2023	4.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
58	Chứng quyền MBB/VCSC/M/Au/T/A4	CMBB 2303	MBB	6	Mua	Châu Âu	2:1	20.800	06/02/2023	07/08/2023	4.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
59	Chứng quyền ACB/VCSC/M/Au/T/A2	CACB 2301	ACB	6	Mua	Châu Âu	2:1	27.700	06/02/2023	07/08/2023	4.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
60	Chứng quyền FPT/VIETCA P/M/Au/T/A6	CFPT2 312	FPT	6	Mua	Châu Âu	5:1	92.600	14/08/2023	15/02/2024	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
61	Chứng quyền MSN/VIETCA P/M/Au/T/A6	CMSN 2312	MSN	6	Mua	Châu Âu	5:1	98.100	14/08/2023	15/02/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
62	Chứng quyền MWG/VIETCA P/M/Au/T/A 8	CMW G2311	MWG	6	Mua	Châu Âu	3:1	58.900	14/08/2023	15/02/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
63	Chứng quyền POW/VIETCA P/M/Au/T/A 2	CPOW 2311	POW	6	Mua	Châu Âu	1:1	15.500	14/08/2023	15/02/2024	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
64	Chứng quyền VNM/VIETCA P/M/Au/T/A4	CVNM 2309	VNM	6	Mua	Châu Âu	5:1	82.000	14/08/2023	15/02/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
65	Chứng quyền VRE/VIETCA P/M/Au/T/A3	CVRE 2314	VRE	6	Mua	Châu Âu	3:1	34.100	14/08/2023	15/02/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
66	Chứng quyền VPB/VIETCA P/M/Au/T/A6	CVPB 2313	VPB	6	Mua	Châu Âu	2:1	24.400	14/08/2023	15/02/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
67	Chứng quyền ACB/VIETCA P/M/Au/T/A3	CACB 2401	ACB	6	Mua	Châu Âu	2:1	25.000	18/12/2023	19/06/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
68	Chứng quyền HPG/VIETCA P/M/Au/T/A6	CHPG 2401	HPG	6	Mua	Châu Âu	3:1	31.000	18/12/2023	19/06/2024	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT

Stt	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Thời hạn (tháng)	Loại chứng quyền	Kiểu chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chào bán	Tình trạng thanh toán
69	Chứng quyền MBB/VIETCA P/M/Au/T/A5	CMBB 2401	MBB	6	Mua	Châu Âu	2:1	20.000	18/12/2023	19/06/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
70	Chứng quyền STB/VIETCA P/M/Au/T/A5	CSTB 2401	STB	6	Mua	Châu Âu	3:1	31.000	18/12/2023	19/06/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
71	Chứng quyền TCB/VIETCA P/M/Au/T/A5	CTCB 2401	TCB	6	Mua	Châu Âu	2:1	34.000	18/12/2023	19/06/2024	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
72	Chứng quyền TPB/VIETCA P/M/Au/T/A2	CTPB 2401	TPB	6	Mua	Châu Âu	2:1	18.500	18/12/2023	19/06/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
73	Chứng quyền VHM/VIETCA P/M/Au/T/A3	CVHM 2401	VHM	6	Mua	Châu Âu	4:1	43.000	18/12/2023	19/06/2024	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
74	Chứng quyền VIB/VIETCAP /M/Au/T/A2	CVIB2 401	VIB	6	Mua	Châu Âu	2:1	21.000	18/12/2023	19/06/2024	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
75	Chứng quyền ACB/VIETCA P/M/Au/T/A4	CACB 2506	ACB	6	Mua	Châu Âu	2:1	27.400	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
76	Chứng quyền FPT/VIETCA P/M/Au/T/A7	CFPT2 506	FPT	6	Mua	Châu Âu	8:1	164.000	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
77	Chứng quyền HDB/VIETCA P/M/Au/T/A2	CHDB 2501	HDB	6	Mua	Châu Âu	2:1	24.800	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
78	Chứng quyền HPG/VIETCA P/M/Au/T/A7	CHPG 2507	HPG	6	Mua	Châu Âu	2:1	29.600	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
79	Chứng quyền MBB/VIETCA P/M/Au/T/A6	CMBB 2506	MBB	6	Mua	Châu Âu	2:1	26.500	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
80	Chứng quyền MSN/VIETCA P/M/Au/T/A7	CMSN 2504	MSN	6	Mua	Châu Âu	4:1	77.700	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
81	Chứng quyền MWG/VIETC AP/M/Au/T/A 9	CMW G2506	MWG	6	Mua	Châu Âu	3:1	66.900	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
82	Chứng quyền STB/VIETCA P/M/Au/T/A6	CSTB 2506	STB	6	Mua	Châu Âu	2:1	38.100	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
83	Chứng quyền TCB/VIETCA P/M/Au/T/A6	CTCB 2505	TCB	6	Mua	Châu Âu	2:1	26.400	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
84	Chứng quyền TPB/VIETCA P/M/Au/T/A3	CTPB 2501	TPB	6	Mua	Châu Âu	1:1	17.700	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
85	Chứng quyền VHM/VIETCA P/M/Au/T/A4	CVHM 2504	VHM	6	Mua	Châu Âu	2:1	44.500	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán

Stt	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Thời hạn (tháng)	Loại chứng quyền	Kiểu chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chào bán	Tình trạng thanh toán
86	Chứng quyền VIB/VIETCAP /M/Au/T/A3	CVIB 2503	VIB	6	Mua	Châu Âu	1:1	21.200	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
87	Chứng quyền VIC/VIETCA P/M/Au/T/A3	CVIC 2503	VIC	6	Mua	Châu Âu	3:1	42.600	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
88	Chứng quyền VJC/VIETCA P/M/Au/T/A1	CVJC 2501	VJC	6	Mua	Châu Âu	6:1	106.100	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
89	Chứng quyền VNM/VIETCA P/M/Au/T/A5	CVNM 2505	VNM	6	Mua	Châu Âu	4:1	67.800	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
89	Chứng quyền VPB/VIETCA P/M/Au/T/A7	CVPB 2505	VPB	6	Mua	Châu Âu	1:1	21.000	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
91	Chứng quyền VRE/VIETCA P/M/Au/T/A4	CVRE 2504	VRE	6	Mua	Châu Âu	1:1	17.900	27/12/2024	30/06/2025	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
92	Chứng quyền ACB/VIETCA P/M/Au/T/A5	CACB 2518	ACB	6	Mua	Châu Âu	2:1	26.500	24/11/2025	26/05/2026	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
93	Chứng quyền FPT/VIETCA P/M/Au/T/A8	CFPT2 534	FPT	6	Mua	Châu Âu	9,8970:1	103.919	24/11/2025	26/05/2026	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
94	Chứng quyền HDB/VIETCA P/M/Au/T/A3	CHDB 2510	HDB	6	Mua	Châu Âu	2:1	33.500	24/11/2025	26/05/2026	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
95	Chứng quyền HPG/VIETCA P/M/Au/T/A8	CHPG 2542	HPG	6	Mua	Châu Âu	2:1	31.000	24/11/2025	26/05/2026	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
96	Chứng quyền MBB/VIETCA P/M/Au/T/A7	CMBB 2524	MBB	6	Mua	Châu Âu	2:1	25.000	24/11/2025	26/05/2026	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
97	Chứng quyền MSN/VIETCA P/M/Au/T/A8	CMSN 2523	MSN	6	Mua	Châu Âu	5:1	87.000	24/11/2025	26/05/2026	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
98	Chứng quyền MWG/VIETC AP/M/Au/T/A 10	CMW G2528	MWG	6	Mua	Châu Âu	5:1	92.000	24/11/2025	26/05/2026	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
99	Chứng quyền STB/VIETCA P/M/Au/T/A7	CSTB 2538	STB	6	Mua	Châu Âu	3:1	54.500	24/11/2025	26/05/2026	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
100	Chứng quyền TCB/VIETCA P/M/Au/T/A7	CTCB 2524	TCB	6	Mua	Châu Âu	3:1	39.000	24/11/2025	26/05/2026	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
101	Chứng quyền TPB/VIETCA P/M/Au/T/A4	CTPB 2511	TPB	6	Mua	Châu Âu	1:1	19.500	24/11/2025	26/05/2026	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
102	Chứng quyền VHM/VIETCA P/M/Au/T/A5	CVHM 2525	VHM	6	Mua	Châu Âu	6:1	107.000	24/11/2025	26/05/2026	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán

Stt	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Thời hạn (tháng)	Loại chứng quyền	Kiểu chứng quyền	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện (đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chào bán	Tình trạng thanh toán
103	Chứng quyền VIB/VIETCAP /M/Au/T/A4	CVIB 2514	VIB	6	Mua	Châu Âu	1:1	21.000	24/11/2025	26/05/2026	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
104	Chứng quyền VIC/VIETCAP /M/Au/T/A4	CVIC 2517	VIC	6	Mua	Châu Âu	5:1	122.500	24/11/2025	26/05/2026	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
105	Chứng quyền VJC/VIETCAP /M/Au/T/A2	CVJC 2507	VJC	6	Mua	Châu Âu	10:1	188.000	24/11/2025	26/05/2026	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
106	Chứng quyền VNM/VIETCAP /M/Au/T/A6	CVNM 2524	VNM	6	Mua	Châu Âu	6:1	65.000	24/11/2025	26/05/2026	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
107	Chứng quyền VPB/VIETCAP /M/Au/T/A8	CVPB 2533	VPB	6	Mua	Châu Âu	2:1	31.500	24/11/2025	26/05/2026	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
108	Chứng quyền VRE/VIETCAP /M/Au/T/A5	CVRE 2527	VRE	6	Mua	Châu Âu	2:1	35.600	24/11/2025	26/05/2026	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT
109	Chứng quyền DGC/VIETCAP /M/Au/T/A1	CDGC 2501	DGC	6	Mua	Châu Âu	9:1	109.000	24/11/2025	26/05/2026	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
110	Chứng quyền LPB/VIETCAP /M/Au/T/A1	CLPB2 510	LPB	6	Mua	Châu Âu	3:1	55.000	24/11/2025	26/05/2026	5.000.000	CW không có lãi, TCPH không thực hiện thanh toán
111	Chứng quyền SHB/VIETCAP /M/Au/T/A1	CSHB 2515	SHB	6	Mua	Châu Âu	1:1	18.200	24/11/2025	26/05/2026	5.000.000	CW có lãi, TCPH đã thực hiện thanh toán lãi bằng tiền cho NĐT

Nguồn: Vietcap

3. Tình hình tài chính

3.1 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc khế ước tiền vay. Công ty hiện không có khoản nợ quá hạn.

3.2 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản thuế và phải nộp cho nhà nước tại thời điểm 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026 như sau:

Bảng 6: Số dư thuế và các khoản khác phải nộp nhà nước

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	35.885	188.525	27.898
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	26.385	33.087	44.115

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Thuế thu nhập cá nhân	2.140	3.653	5.369
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	59	4.402	524
Tổng cộng	64.468	229.667	77.905

Nguồn: BCTC kiểm toán 2024, 2025 và BCTC soát xét bán niên 2026

3.3 Tổng dư nợ vay

Dưới đây là số dư các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026:

Bảng 7: Số dư các khoản vay ngắn hạn và dài hạn

Đơn vị: triệu đồng			
Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Khoản vay ngắn hạn	12.573.864	16.064.550	21.703.628
Vay ngắn hạn	12.573.864	16.064.550	21.703.628
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	-	-	-
Khoản vay dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	12.573.864	16.064.550	21.703.628

Nguồn: BCTC kiểm toán 2024, 2025 và BCTC soát xét bán niên 2026

Công ty không có khoản vay dài hạn. Các khoản vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay ngân hàng được trình bày chi tiết ở bảng dưới đây.

Bảng 8: Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị: triệu đồng		
Khoản vay	Số dư tại 30/06/2026	Thông tin
Vay ngân hàng trong nước	13.331.800	Dư nợ vay có tài sản đảm bảo là 4.129.000.000.000 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 3.063.000.000.000 Đồng)
Vay ngân hàng nước ngoài	6.562.828	Các khoản vay nước ngoài là các khoản vay hợp vốn, tín chấp, bằng Đô la Mỹ. Công ty đã thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá 100% dư nợ vay (2025: 87%) thông qua các giao dịch tài chính (như hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền, vay ngắn hạn có ký quỹ bằng Đô la Mỹ, v.v...). Các hợp đồng này đáo hạn tương ứng với thời điểm đáo hạn của các khoản vay. Lãi suất tham chiếu là lãi suất tài trợ qua đêm có bảo đảm kỳ hạn chia IA ("Term SOFR") do CME Group Benchmark Administration Limited (hoặc bất kỳ bên nào khác tiếp quản việc quản lý lãi suất đó) quản lý trong thời gian có liên quan do CME Group Benchmark Administration Limited (hoặc bất kỳ bên

Khoản vay	Số dư tại 30/06/2026	Thông tin
		nào khác tiếp quản việc công bố lãi suất đó) công bố.
Vay tổ chức trong nước	1.461.000	Bao gồm các khoản vay tín chấp với các công ty cổ phần trong nước và công ty tài chính trong nước.
Vay công ty tài chính trong nước	348.000	Bao gồm các khoản vay tín chấp với các công ty cổ phần trong nước và công ty tài chính trong nước.
Tổng cộng	21.703.628	

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2025 và BCTC soát xét bán niên 2026

Toàn bộ các khoản vay ngắn hạn của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Các khoản nợ của Vietcap tại thời điểm 31/12/2025 là 16.065 tỷ đồng, tăng 28% so với cuối năm 2024 và đạt 21.703 tỷ đồng vào thời điểm 30/06/2026. Tất cả các khoản nợ này đều là nợ ngắn hạn và chủ yếu được sử dụng để tài trợ cho hoạt động cho vay ký quỹ. Tỷ lệ tổng nợ vay trên VCSH của Vietcap giảm xuống mức 89,2% vào cuối năm 2025 so với mức 97,1% vào cuối năm 2024, tuy nhiên đã tăng lên mức 126,6% vào thời điểm 30/06/2026.

Công ty hiện không có bất kỳ khoản nợ quá hạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn nào.

3.4 Tình hình công nợ hiện nay

a. Các khoản phải thu

Bảng 9: Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Các khoản phải thu ngắn hạn	506.858	453.432	641.777
Các khoản phải thu	393.384	226.985	435.745
Trả trước cho người bán	99.839	217.840	136.502
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	31.373	33.119	44.042
Phải thu khác	-	-	50.000
Dự phòng các khoản phải thu	(17.737)	(24.512)	(24.512)
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	506.858	453.432	641.777

Nguồn: BCTC kiểm toán 2024, 2025 và BCTC soát xét bán niên 2026

b. Các khoản phải trả

Bảng 10: Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Nợ phải trả ngắn hạn	13.038.471	17.325.115	22.229.800
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	12.573.864	16.064.550	21.703.628
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	-	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16.570	54.957	19.678
Phải trả người bán ngắn hạn	41.322	106.456	2.578
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.743	16.310	20.492
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	64.468	229.667	77.905
Phải trả người lao động	185.773	172.030	39.810
Chi phí phải trả ngắn hạn	75.873	72.311	103.471
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	77.857	608.834	262.239
Nợ phải trả dài hạn	609.348	670.853	359.697
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	609.348	670.853	359.697
Tổng cộng	13.647.819	17.995.968	22.589.496

Nguồn: BCTC kiểm toán 2024, 2025 và BCTC soát xét bán niên 2026

3.5 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

a. Chỉ tiêu về an toàn tài chính

Bảng 11: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Giá trị vốn khả dụng	12.495.980	17.537.019	15.634.296
Tổng giá trị rủi ro thị trường (1)	1.579.889	2.385.587	3.546.959
Tổng giá trị rủi ro thanh toán (2)	167.472	237.938	360.297
Tổng giá trị rủi ro hoạt động (3)	463.557	640.057	685.840
Tổng giá trị rủi ro (4) =(1+2+3)	2.210.918	3.263.582	4.593.097
Tỷ lệ vốn khả dụng			
Giá trị vốn khả dụng / Tổng giá trị rủi ro	565%	537%	340%

Nguồn: Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính tại 31/12/2024; 31/12/2025 và 30/06/2026

Theo quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ tài chính quy định các tổ chức kinh doanh chứng khoán phải đảm bảo tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu không thấp hơn 180%. Vietcap luôn duy trì tỷ lệ vốn khả dụng ở mức rất cao, an toàn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 12: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ / Nợ ngắn hạn)	2,03	2,07	
Hệ số thanh toán nhanh ([TSLĐ - Hàng tồn kho]/ Nợ ngắn hạn)	2,03	2,07	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản	51,3%	50,0%	
Hệ số Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	105,4%	99,9%	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu hoạt động	24,6%	26,9%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	7,0%	7,5%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	3,4%	3,7%	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu hoạt động	29,4%	32,4%	
Thu nhập trên cổ phần (EPS – Đồng/ Cổ phiếu)	1.540	1.854	

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 và 2025

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của Vietcap lớn hơn 1 (2,03 tại 31/12/2024; 2,07 tại 31/12/2025) cho thấy mức độ an toàn trong việc đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của công ty là tương đối tốt.
- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Tại 31/12/2025, hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu là 99,9%, thấp hơn nhiều so với mức giới hạn 500% áp dụng cho công ty chứng khoán.
- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty như Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu hoạt động và Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu hoạt động trong năm 2024, 2025 đều đạt kết quả tốt. Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu trong hai năm 2024-2025 lần lượt đạt 7,0% và 7,5%, là mức sinh lời khá cao so với các công ty trong ngành.

VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Thông tin chung về chứng quyền có bảo đảm

Tên chứng quyền:	Chứng quyền MBB/VIETCAP/M/Au/T/7M/A8
Tên chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội
Mã chứng khoán cơ sở:	MBB
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội
Loại chứng quyền:	Chứng quyền mua
Kiểu thực hiện:	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng)
Thời hạn:	07 tháng
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán
Tài sản bảo đảm thanh toán:	Ký quỹ (Hợp đồng tiền gửi)
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán
Tổng số lượng chứng quyền dự kiến chào bán:	6.600.000 chứng quyền
Tổng giá trị chứng quyền dự kiến chào bán:	Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng
Khoảng giá chào bán dự kiến:	Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng
Ngày giao dịch theo kế hoạch:	Những ngày mà cả Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội dự kiến mở cửa giao dịch.
Sự kiện gián đoạn bổ sung:	Thay đổi luật pháp, nộp đơn phá sản, ngăn ngừa rủi ro, tăng chi phí bảo đảm, sự kiện tiền tệ, công ty cơ sở vỡ nợ.
Thời gian định giá:	Thời gian đóng cửa theo lịch biểu của giao dịch có

liên quan liên quan đến chứng khoán cơ sở.

Phương pháp tính giá chào bán:

Black Scholes Merton

- Trong giai đoạn ban đầu, chúng tôi sẽ sử dụng phương pháp lựa chọn Black Scholes Merton để tính toán chứng quyền có đảm bảo. Sau khi áp dụng phần mềm tính toán tự động, chúng tôi sẽ sử dụng sự kết hợp của các mô hình nội bộ và tính toán phần mềm. Hướng dẫn giám sát sẽ được thông qua để đảm bảo các biện pháp quản lý rủi ro thận trọng có thể được thực hiện.
- Phương pháp tính giá chào bán:** Giá chào bán chứng quyền được tính theo công thức Black-Scholes như sau

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)X e^{-r_c T}}{k}$$

Với:

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

C: giá lý thuyết của chứng quyền mua;

N(d1), N(d2) : xác suất phân phối chuẩn tích lũy;

X: giá thực hiện của chứng quyền;

S: giá chứng khoán cơ sở hiện tại;

T: thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm), là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/365;

rc : lãi suất phi rủi ro (tính theo năm);

σ: độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm);

k: Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền.

Chi tiết các tham số áp dụng vào công thức:

Giá chứng khoán cơ sở ¹ (S)	Giá cổ phiếu MBB tại thời điểm định giá
Giá thực hiện (X)	30.000 VNĐ

¹ Đây chỉ là giá tham khảo. Giá thực hiện sẽ được TCPH xác định vào ngày chào bán chính thức sau khi TCPH nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền của UBCKNN, và sẽ được ghi rõ trong Bản thông báo phát hành của chứng quyền.

Lãi suất phí rủi ro ²(do TCPH tự xác định) (rc)	6% - 10%
Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (do TCPH xác định) ³ (σ)	30% - 70%
Thời gian còn lại đến ngày đáo hạn (T)	0,7 (năm)
Tỷ lệ chuyển đổi (k)	2 : 1 (2 chứng quyền đổi lấy 1 cổ phiếu)

Các thông tin cụ thể về giá chứng khoán cơ sở:	(Xem thông tin chi tiết phần VI.2)
Lãi suất:	Không áp dụng
Độ biến động của chứng khoán cơ sở:	20% - 50% (Độ lệch chuẩn giá chứng khoán cơ sở trong năm 2020 chuẩn hóa theo năm).

- Thông tin về các đợt phát hành chứng quyền cùng loại trước đó (đối với trường hợp chào bán bổ sung): Đây là đợt phát hành chứng quyền lần đầu, không có đợt phát hành chứng quyền cùng loại trước đó.

2. Thông tin về chứng khoán cơ sở

2.1 Chứng khoán cơ sở

a. Thông tin chung

Tên chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội
Mã chứng khoán cơ sở:	MBB
Giá trị vốn hóa (tại ngày 13/08/2026):	202.885.310.182.750 đồng
Chỉ số giá/thu nhập hiện tại (P/E):	6,21 lần
Giá bình quân của chứng khoán cơ sở trong sáu (6) tháng gần nhất:	25.292 đồng/cổ phiếu

² Lãi suất phí rủi ro: do tổ chức phát hành xác định dựa trên chi phí cơ hội của nguồn vốn dành cho hoạt động kinh doanh chứng quyền (bao gồm tài sản đảm bảo thanh toán và nguồn vốn để thực hiện phòng ngừa rủi ro cho danh mục chứng quyền đang lưu hành). Dựa trên cơ sở là trung bình cộng của lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng tại 4 ngân hàng Vietcombank, BIDV, Vietinbank, Agribank và cộng với biên độ 2% tại thời điểm tổ chức phát hành nộp hồ sơ phát hành chứng quyền.

³ Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở: được tổ chức phát hành xác định dựa trên độ biến động giá lịch sử của chứng khoán cơ sở trong vòng 12 tháng gần nhất và áp thêm một biên dự phòng dành cho các khoản chi phí hoạt động, chi phí vốn cho việc phát hành chứng quyền (bao gồm tài sản bảo đảm thanh toán và nguồn vốn để mua chứng khoán cơ sở cho mục đích phòng ngừa rủi ro), và các rủi ro tiềm tàng có thể phát sinh trong quá trình thực hiện phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.

b. Tính thanh khoản, tình hình biến động giá trong năm gần nhất (đã điều chỉnh)

- Khối lượng giao dịch bình quân 12 tháng gần nhất: 25.817.970 cổ phiếu/ngày
- Giá đóng cửa điều chỉnh cao nhất 52 tuần: 23.200 đồng/cổ phiếu
- Giá đóng cửa điều chỉnh thấp nhất 52 tuần: 18.000 đồng/cổ phiếu
- Giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối tháng trong vòng 12 tháng gần nhất:

Tháng	Giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối tháng (đồng/cổ phiếu)
Tháng 08/2025	27.750
Tháng 09/2025	26.200
Tháng 10/2025	23.950
Tháng 11/2025	23.250
Tháng 12/2025	25.300
Tháng 01/2026	27.200
Tháng 02/2026	28.500
Tháng 03/2026	26.450
Tháng 04/2026	26.050
Tháng 05/2026	25.000
Tháng 06/2026	25.200
Tháng 07/2026	22.500

2.2 Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở

a. Thông tin chung ⁴

Tên công ty:	Ngân hàng TMCP Quân Đội
Logo:	
Trụ sở chính:	Tòa nhà MB, số 18 đường Lê Văn Lương, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại:	024 6266 1088
Fax:	024 6266 1080
Website:	http://www.mbbank.com.vn
Mã chứng khoán:	MBB

⁴ Vui lòng xem thêm thông tin tại <http://www.mbbank.com.vn>

Ngày niêm yết tại HSX:	01/11/2011
Sàn giao dịch:	HOSE
Nhóm ngành:	Ngân hàng

b. Kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở

Bảng 13: Kết quả kinh doanh

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2024	2025	% Tăng/(giảm) 2024-2025	6 tháng 2026
Tổng giá trị tài sản	1.128.801	1.615.764	43,1%	1.733.013
Vốn chủ sở hữu	117.060	142.023	21,3%	156.763
Nợ phải trả	1.011.741	1.473.741	45,7%	1.576.250
Thu nhập lãi thuần	41.152	51.610	25,4%	31.807
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.368	6.579	50,6%	3.514
Lãi (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.000	1.757	-12,2%	106
Lãi (lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	1.756	668	-61,9%	250
Lãi (lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	2.803	1.590	-43,3%	4
Lãi thuần từ hoạt động khác	3.281	5.314	62,0%	2.160
Lợi nhuận trước thuế	26.306	28.829	34,268	20.188
Lợi nhuận sau thuế	21.054	22.951	27,383	16.148

Nguồn: BCTC kiểm toán 2024,2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2026

Bảng 14: Các chỉ số tài chính chủ yếu trong 02 năm gần nhất

Chỉ số tài chính	2024	2025
Chỉ tiêu về tăng trưởng		
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần	6,4%	25,4%
Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế	9,6%	18,9%
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	9,0%	19,3%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản	89,6%	91,2%
Hệ số Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	864,3%	1037,7%

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (ROE)	21,5%	21,1%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	2,2%	2,0%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2024, 2025

c. Các sự kiện vi phạm pháp luật trong 01 năm gần nhất tính đến thời điểm hiện tại (nếu có)

Theo thông tin tổng hợp từ nguồn công bố thông tin chính thức tại website của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, sở giao dịch chứng khoán và UBCKNN, ngày 20/01/2026, Thanh tra Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quyết định số 67/QĐ-KPHQ, xác định Ngân hàng TMCP Quân đội đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán, cụ thể là sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán chứng khoán riêng lẻ không đúng với phương án đã được cấp có thẩm quyền thông qua và nội dung đã công bố cho nhà đầu tư. Theo quyết định, MB bị buộc thu hồi 6 trong 11 mã trái phiếu còn lưu hành, gồm MBBL2227006, MBBL2227007, MBBL2227008, MBBL2227015, MBBL2229016, MBBL2229020, đồng thời hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán cộng thêm tiền lãi phát sinh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà đầu tư. Ngoài sự kiện trên, Ngân hàng TMCP Quân đội không có khoản xử phạt vi phạm pháp luật nào khác trong 01 năm gần nhất tính đến thời điểm hiện tại.

3. Thời gian phân phối chứng quyền

Đối tượng nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và cá nhân. Thời gian phân phối dự kiến tối thiểu là (03) ba ngày làm việc. Vietcap sẽ thực hiện phân phối chứng quyền sau khi được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền, đã hoàn thành việc công bố thông tin theo quy định tại Khoản 5 Điều 41 Nghị định 155/2020/NĐ-CP (sửa đổi bởi điểm b Khoản 19 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP). Thời gian cụ thể sẽ theo thông báo của Vietcap tại Bản thông báo phát hành. Các mốc thời gian thực hiện dự kiến như sau, với giả định T là ngày làm việc:

- Thực hiện công bố thông tin bản cáo bạch và bản thông báo phát hành: TCPH dự kiến công bố Bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp, đồng thời công bố Bản thông báo phát hành và Bản cáo bạch chính thức trên trang thông tin điện tử của TCPH và Sở giao dịch chứng khoán trong vòng (03) ba ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền (T+0), từ ngày T+1 đến ngày T+3;
- Phân phối chứng quyền: dự kiến trong vòng 03 (ba) ngày làm việc tính từ ngày T+4 đến hết ngày T+6.

4. Đăng ký mua và phân phối chứng quyền

Đăng ký mua trực tiếp tại TCPH thực hiện chứng quyền. Trình tự đăng ký như sau:

- Bước 1:** Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận chào bán chứng quyền, TCPH công bố Bản cáo bạch và Bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp (*chỉ áp dụng đối với Bản thông báo phát hành*), trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán và của TCPH theo pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- **Bước 2:** Nhà đầu tư đến các chi nhánh của TCPH để đăng ký số lượng chứng quyền cần mua và thực hiện thanh toán theo Thông báo của TCPH. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền:

Số tài khoản: 864.001.9110 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

- **Bước 3:** TCPH phân bổ chứng quyền cho nhà đầu tư đăng ký, trong trường hợp số lượng chứng quyền đăng ký mua lớn hơn số lượng chứng quyền chào bán thì chứng quyền sẽ được phân phối theo nguyên tắc tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư. Số lượng chứng quyền phân bổ cho nhà đầu tư sẽ được làm tròn đến hàng trăm với nguyên tắc làm tròn xuống. Phần lẻ đơn vị sẽ bị hủy bỏ.
- **Bước 4:** TCPH thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký chứng quyền. Sau khi được VSDC cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng quyền, nhà đầu tư thực hiện lưu ký chứng quyền vào tài khoản chứng khoán.
- **Bước 5:** TCPH thực hiện các thủ tục niêm yết chứng quyền tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM. Sau khi được cấp Quyết định niêm yết, chứng quyền sẽ được giao dịch trên hệ thống của Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM.

Nguyên tắc giá phân phối chứng quyền:

Giá phân phối chứng quyền sẽ là một mức giá duy nhất được TCPH thông báo tại Bản thông báo phát hành chứng quyền sau khi TCPH được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền.

Số lượng chứng quyền đặt mua tối thiểu: 10.000 chứng quyền

Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua chứng quyền:

Trường hợp lệnh đăng ký mua chứng quyền không hợp lệ/ hoặc được phân phối theo tỷ lệ, trong vòng 05 ngày làm việc sau khi kết thúc đăng ký mua chứng quyền, TCPH sẽ chuyển trả lại tiền cho nhà đầu tư theo hình thức chuyển khoản về tài khoản nhà đầu tư đã đăng ký trong Giấy đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm.

5. Hủy bỏ chào bán chứng quyền

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, TCPH gửi Báo cáo kết quả đợt chào bán kèm theo xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm được xem là hoàn tất sau khi TCPH nhận được thông báo bằng văn bản của UBCKNN về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán theo quy định tại Khoản 8 Điều 41 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Ngược lại, đợt chào bán chứng quyền sẽ bị hủy bỏ nếu UBCKNN ban hành Quyết định hủy bỏ đợt chào bán. UBCKNN đăng tải thông tin về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán hoặc quyết định hủy bỏ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng trên trang thông tin điện tử của UBCKNN.

6. Thực hiện chứng quyền

6.1 Trường hợp thanh toán bằng tiền

- (1) Tổ chức phát hành (TCPH) gửi hồ sơ thông báo thực hiện chứng quyền đầy đủ, hợp lệ đến VSDC chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, trong đó có các thông tin sau:

- Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng: Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc thứ hai sau ngày giao dịch cuối cùng tại SGDCK. Trường hợp thực hiện chứng quyền do đáo hạn, ngày đăng ký cuối cùng là ngày đáo hạn chứng quyền.
 - Thông tin về ngày thanh toán: Ngày thanh toán là ngày làm việc thứ năm kể từ ngày đăng ký cuối cùng.
- (2) TCPH gửi văn bản thông báo về giá thanh toán chứng quyền đến VSDC chậm nhất vào ngày đăng ký cuối cùng.
 - (3) Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền chỉ áp dụng trong trường hợp chứng quyền có lãi.
 - (4) Trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của TCPH, VSDC lập và gửi cho HSX và các thành viên thông báo về việc chốt danh sách người sở hữu để thực hiện chứng quyền.
 - (5) Chậm nhất vào 9h ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSDC lập và chuyển danh sách người sở hữu chứng quyền lưu ký dưới dạng chứng từ điện tử cho thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.
 - (6) Thành viên lưu ký (TVLK), tổ chức mở tài khoản trực tiếp có trách nhiệm đối chiếu thông tin người sở hữu chứng khoán trong Danh sách do VSDC cung cấp với thông tin do thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp đang quản lý và gửi cho VSDC Thông báo xác nhận dưới dạng chứng từ điện tử chậm nhất vào 15h30 ngày làm việc thứ hai kể từ ngày đăng ký cuối cùng để xác nhận chấp thuận hoặc không chấp thuận các thông tin trong Danh sách. Trường hợp không chấp thuận do có sai sót hoặc sai lệch số liệu, Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp phải gửi thêm cho VSDC văn bản trong đó nêu rõ các thông tin sai sót hoặc sai lệch để phối hợp với VSDC điều chỉnh. Ngay sau khi điều chỉnh, VSDC sẽ cung cấp lại danh sách đã hiệu chỉnh dưới dạng chứng từ điện tử cho TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.
 - (7) Vào ngày làm việc thứ hai sau ngày đăng ký cuối cùng, VSDC gửi TCPH danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền.
 - (8) TCPH gửi Thông báo xác nhận Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền cho VSDC chậm nhất vào ngày làm việc thứ ba sau ngày đăng ký cuối cùng. Trường hợp không chấp thuận thông tin trong danh sách, TCPH phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSDC nêu rõ lý do.
 - (9) Trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày nhận được Thông báo xác nhận của TCPH, VSDC gửi văn bản thông báo cho TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có liên quan xác nhận việc phân bổ tiền do thực hiện chứng quyền.
 - (10) Chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày thanh toán tiền, TCPH chuyển đủ số tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký vào tài khoản tiền theo thông báo của VSDC. Trường hợp chậm chuyển tiền thanh toán, chậm nhất một (01) ngày làm việc trước ngày thanh toán, TCPH phải thông báo bằng văn bản cho VSDC nêu rõ lý do chậm chuyển tiền. Căn cứ vào công văn của tổ chức phát hành, VSDC sẽ thông báo cho thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có liên quan.

- (11) Tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký được VSDC phân bổ vào tài khoản của TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp liên quan trong ngày làm việc liền trước ngày thanh toán. TVLK chịu trách nhiệm phân bổ tiền cho khách hàng sở hữu chứng quyền lưu ký trong ngày thanh toán.
- (12) Trường hợp TCPH thông báo chứng quyền không có lãi và không phải thanh toán cho người sở hữu chứng quyền, trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày nhận được văn bản của TCPH, VSDC gửi thông báo cho SGDC và các thành viên về việc hủy đợt chốt danh sách thực hiện chứng quyền.
- Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền là số tiền trên một đơn vị chứng quyền trong trường hợp Giá thanh toán lớn hơn Giá thực hiện, được tính từ chênh lệch Giá thanh toán và Giá thực hiện, bằng $[(\text{Giá thanh toán} - \text{Giá thực hiện}) / \text{Tỷ lệ chuyển đổi}]$.
 - Số tiền thanh toán ròng là số tiền thanh toán giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (nếu có).
 - Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lãi được tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào ngày đáo hạn.

6.2 Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán

Trường hợp bị mất khả năng thanh toán, Công ty sẽ sử dụng các nguồn sau để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty đối với người sở hữu chứng quyền có bảo đảm:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký

7. Quyền của người sở hữu chứng quyền

7.1 Quyền của người sở hữu chứng quyền mua

- Người sở hữu chứng quyền mua được nhận khoản tiền chênh lệch khi giá của chứng khoán cơ sở (giá thanh toán) cao hơn giá thực hiện tại thời điểm thực hiện.

7.2 Các trường hợp khác

- Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.
- Trong trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do tổ chức phát hành đình chỉ, tạm ngừng hoạt động; hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; khi bị phát hiện hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết; hoặc do Sở Giao dịch chứng khoán xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư, thì giá thanh toán được áp dụng là trung bình giá đóng cửa của chứng quyền trong 05 ngày giao dịch liền kề trước ngày hủy niêm yết chứng quyền có hiệu lực.
- Trong vòng 24 giờ kể từ ngày có quyết định hủy niêm yết chứng quyền, Công ty sẽ công bố cách thức xác định giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực.

- Kể từ ngày công bố thông tin hủy chứng quyền đến ngày liền trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực, Công ty thực hiện việc mua lại chứng quyền thông qua hoạt động tạo lập thị trường. Giá mua lại là mức giá thanh toán đã công bố và theo quy chế của Sở Giao dịch chứng khoán.

8. Điều chỉnh chứng quyền

8.1 Các trường hợp điều chỉnh chứng quyền

Tổ chức phát hành phải điều chỉnh chứng quyền trong các trường hợp sau: Giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, chia cổ tức bằng cổ phiếu, thưởng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu mới, chia tách cổ phiếu...

8.2 Cách thức xác định mức độ điều chỉnh

- Công thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền khi chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh như sau:
 - Thời điểm thực hiện điều chỉnh: Ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở.
 - Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền / Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
 - Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền / Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
- Tỷ lệ thực hiện hoặc giá thực hiện điều chỉnh cần làm tròn tới 4 chữ số thập phân.
- Việc điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của Sở Giao dịch Chứng khoán, TCPH sẽ thực hiện điều chỉnh.

9. Các khoản phí, lệ phí, thuế phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền

9.1 Phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch chứng quyền có bảo đảm

- Phí mua chứng quyền tại Công ty: là giá chào bán chứng quyền x Số lượng chứng quyền đăng ký mua.
- Phí môi giới tại Công ty.
- Phí giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán: 0,02% trên giá trị giao dịch.
- Phí lưu ký tại VSDC: 0,3 đồng/chứng quyền/tháng.

9.2 Biểu thuế

Theo Công văn hướng dẫn số 1468/BTC-CST ngày 05/02/2018 của Bộ Tài chính về chính sách thuế đối với chứng quyền có bảo đảm, nhà đầu tư sẽ phải chịu mức thuế khi giao dịch chứng quyền có bảo đảm như sau:

a) Về thuế TNCN:

Trường hợp trước ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền

Thuế được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%.

Trong đó: Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần là giá khớp lệnh chứng quyền trên Sở giao dịch chứng khoán nhân (x) Số lượng chứng quyền.

Trường hợp trước ngày đáo hạn, chứng quyền bị hủy niêm yết

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền được xác định bằng Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%.

Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm được tính như sau:

- + Giá mua lại theo mức giá thị trường của tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường nhân (x) số lượng chứng quyền (trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực); hoặc
- + Giá thanh toán chứng quyền do tổ chức phát hành công bố nhân (x) số lượng chứng quyền (sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực)

Tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền

Tại thời điểm thực hiện quyền chuyển giao bằng tiền, thu nhập của nhà đầu tư áp dụng mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần.

Trong đó, Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần bằng giá thanh toán của chứng khoán cơ sở nhân (x) (Số lượng chứng quyền chia (:) cho Tỷ lệ chuyển đổi)

b) Về thuế TNDN:

Đối với doanh nghiệp trong nước:

Doanh nghiệp có thu nhập từ chứng quyền có bảo đảm thì khoản thu nhập này phải kê khai, nộp thuế TNDN với mức thuế suất 20% theo quy định.

Khoản chênh lệch tăng/giảm do đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm và tài sản cơ sở cuối năm tài chính, doanh nghiệp không tính vào thu nhập/chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Đối với doanh nghiệp nước ngoài:

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm áp dụng tỷ lệ thuế 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Trong đó, cách tính giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần áp dụng tương tự như cách tính thuế TNCN tại công văn 1468.

c) Về thuế GTGT:

Các hoạt động liên quan tới chào bán, niêm yết, giao dịch, tạo lập thị trường, kinh doanh chứng khoán, bù trừ, thanh toán chứng quyền thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

10. Hoạt động tạo lập thị trường

Nhằm đảm bảo thanh khoản cho các chứng quyền đang lưu hành, Vietcap có nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền do mình phát hành, cụ thể:

10.1 Nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

- Vietcap tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng (05) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:
- Chỉ có lệnh bên mua hoặc bên bán chứng quyền;
- Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền;

- Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%. Tỷ lệ chênh lệch giá là tỷ lệ phần trăm của (giá chào bán thấp nhất - giá chào mua cao nhất)/giá chào mua cao nhất.
- Khi tham gia đặt lệnh, tổ chức tạo lập thị trường phải tuân thủ:
- Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền;
- Giá đặt lệnh phải đảm bảo không vượt tỷ lệ chênh lệch giá 5%;
- Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, tổ chức tạo lập thị trường phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán);
- Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (01) phút.

10.2 Miễn trừ nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Trong các trường hợp sau, Vietcap không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:

- Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa, năm (05) phút đầu sau khi kết thúc đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa thị trường và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa;
- Tài sản cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch;
- Khi giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại bản cáo bạch của Vietcap nhỏ hơn hoặc bằng 10 đồng;
- Số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng số lượng tối thiểu 100 chứng quyền, Vietcap được miễn đặt lệnh bán;
- Khi chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp Vietcap chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), Vietcap được miễn đặt lệnh mua;
- Trường hợp thực hiện hủy niêm yết chứng quyền, Vietcap được miễn đặt lệnh bán;
- Giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), Vietcap được miễn đặt lệnh bán hoặc Giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), Vietcap được miễn đặt lệnh mua;
- Giá chứng khoán cơ sở tăng kịch trần (dư mua trần), Vietcap được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua;
- Giá chứng khoán cơ sở giảm kịch sàn (dư bán sàn), Vietcap được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền mua;
- Chứng quyền đang ở trạng thái có lãi từ 30% trở lên (tức chứng quyền mua đang có giá chứng khoán cơ sở cao hơn 30% so với giá thực hiện, Vietcap được miễn đặt lệnh bán;
- Trong mười bốn (14) ngày trước khi chứng quyền đáo hạn;
- Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh...
- Các trường hợp khác được SGDCK áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

VII. PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM THANH TOÁN CHO NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền được bảo đảm bằng các nguồn tài sản sau:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký;
- Bảo lãnh thanh toán hoặc tài sản khác (nếu có).

2. Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

VIII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Quy trình quản trị rủi ro

1.1 Mục tiêu

- Nhận diện được các rủi ro tiềm năng có thể xảy ra đối với hoạt động kinh doanh chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành.
- Xử lý một cách nhanh chóng và hiệu quả đối với các vấn đề liên quan đến các rủi ro đã được nhận diện.
- Đảm bảo tính thống nhất giữa các bộ phận có liên quan trong quá trình quản trị rủi ro, đảm bảo hạn chế ở mức thấp nhất các rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh sản phẩm chứng quyền có bảo đảm.

1.2 Các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro của Vietcap

a. Hệ thống quản trị rủi ro

- Vietcap xây dựng, thiết lập và vận hành một hệ thống quản trị rủi ro chung cho toàn Công ty bao gồm một cơ cấu tổ chức hoàn chỉnh và một cơ chế vận hành thống nhất với một bộ quy trình quản trị rủi ro.
- Hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập nhằm mục tiêu:
- Nhận diện được các rủi ro tiềm năng có thể xảy ra đối với hoạt động kinh doanh chứng quyền của tổ chức phát hành;
- Xử lý một cách nhanh chóng và hiệu quả đối với các vấn đề liên quan đến các rủi ro đã được nhận diện;
- Đảm bảo tính thống nhất giữa các bộ phận có liên quan trong quá trình quản trị rủi ro, đảm bảo hạn chế ở mức thấp nhất các rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh sản phẩm chứng quyền có bảo đảm.
- Hệ thống quản trị rủi ro của Công ty đảm bảo:
- Sự tham gia và giám sát chặt chẽ của Ban kiểm soát;
- Chiến lược quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch thể hiện qua chính sách rủi ro của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể;

- Kế hoạch triển khai quản trị rủi ro thông qua các chính sách, quy trình đầy đủ;
- Công tác quản lý, kiểm tra, rà soát thường xuyên của BOM;
- Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro, thiết lập hoạt động thông tin quản trị rủi ro phù hợp.
- Hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng một cách hiệu quả dựa trên việc phân công trách nhiệm trong toàn công ty, mỗi trường phòng, nhân viên của từng Phòng/ Ban đều có trách nhiệm trong hệ thống quản trị rủi ro thông qua các quy định của pháp luật, các quy trình, chính sách nội bộ của Công ty và được áp dụng thống nhất toàn Công ty.
- Hệ thống quản trị rủi ro thúc đẩy hiệu quả hoạt động của Công ty thông qua việc nâng cao trách nhiệm, đánh giá năng lực mỗi nhân viên.

Trong hệ thống quản trị rủi ro chung, Vietcap tách biệt vận hành quy trình quản trị rủi ro riêng đối với từng hoạt động kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo tính thống nhất trong toàn bộ hệ thống

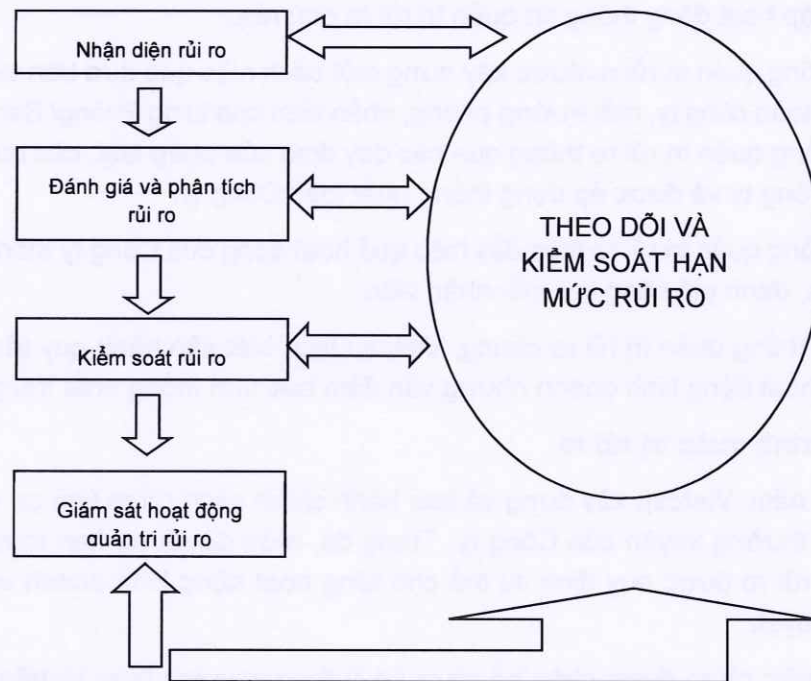
b. Quy trình quản trị rủi ro

- Hàng năm, Vietcap xây dựng và ban hành chính sách rủi ro làm cơ sở cho hoạt động quản trị rủi ro thường xuyên của Công ty, Trong đó, mức độ rủi ro, hạn mức rủi ro và khả năng chấp nhận rủi ro được quy định cụ thể cho từng hoạt động kinh doanh và được Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Hạn mức rủi ro được phân bổ và quản lý theo phương thức từ trên xuống cho từng bộ phận hoặc từng đối tác, giao dịch.
- Trong hoạt động phát hành chứng quyền, Vietcap thiết lập một hạn mức rủi ro cho danh mục chứng quyền của Vietcap, Đồng thời, xây dựng phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền và phương án phòng ngừa rủi ro cho từng chứng quyền.
- Hạn mức rủi ro cho danh mục chứng quyền do phòng Đầu tư, phòng Quản lý rủi ro, phòng Phân tích và phòng Kế toán tính toán, thiết lập dựa trên sự phân bổ các nguồn vốn, các yếu tố về rủi ro trọng yếu và khả năng chấp nhận rủi ro tối đa của Vietcap.
- Phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền do phòng Kế toán xây dựng chi tiết, cụ thể cho từng Chứng quyền dựa trên việc cân đối, tính toán các nguồn vốn hay tài sản để đảm bảo cho việc thanh toán thực hiện chứng quyền.
- Phương án PNRR cho từng Chứng quyền do phòng Đầu tư, phòng Phân tích và Phòng Quản trị rủi ro phối hợp xây dựng dựa trên việc tính toán số lượng chứng khoán cơ sở đủ để đảm bảo việc phòng ngừa rủi ro cho hoạt động PHCQ.

c. Mô hình quản trị rủi ro

- Quản trị rủi ro là một quá trình liên tục được vận hành xuyên suốt trong quá trình thực hiện các chiến lược của Công ty, cân bằng giữa nguy cơ và cơ hội, tạo ra một khuôn khổ giúp định hướng sự gia tăng tính hiệu quả của quyết định.
- Quy trình quản trị rủi ro được tích hợp với văn hóa doanh nghiệp, Văn hóa rủi ro tập hợp giá trị cá nhân và doanh nghiệp, thái độ, năng lực, hành vi giúp Công ty xác định phương pháp quản trị rủi ro và xây dựng hệ thống quản trị rủi ro phù hợp.
- Quy trình quản trị rủi ro được vận hành cho toàn bộ Công ty và cho từng hoạt động kinh doanh của Vietcap được khái quát theo mô hình dưới đây:

Hình 6: Mô hình quản trị rủi ro



▪ **Bước 1: Nhận diện rủi ro**

- Quá trình nhận diện rủi ro là việc phát hiện và liệt kê tất cả các yếu tố tác động bên trong và bên ngoài có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Các yếu tố tác động bên trong có thể là những hiện tượng, hành vi vi phạm tuân thủ các quy định của pháp luật, của Vietcap hoặc những lỗi do hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống kế toán, bộ phận nghiệp vụ...
- Các yếu tố tác động bên ngoài là những yếu tố có thể ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán như lỗi hệ thống giao dịch chung, diễn biến giá chứng khoán cơ sở, thay đổi các chính sách, luật và quy định liên quan đến thị trường chứng khoán và tiền tệ.
- Đối với hoạt động PHCQ của Vietcap, những rủi ro chính gồm nhưng không giới hạn:
 - **Rủi ro thanh toán**: Rủi ro khi tổ chức phát hành không thể thực hiện được các nghĩa vụ đã cam kết đối với nhà đầu tư, chẳng hạn như tổ chức phát hành chứng quyền bị mất khả năng thanh toán khi nhà đầu tư thực hiện quyền.
 - **Rủi ro thị trường**: Rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm và giá của tài sản cơ sở.
 - **Rủi ro pháp lý**: Rủi ro khi tổ chức phát hành vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định và quy tắc của pháp luật hiện hành, dẫn đến bị phạt, cảnh cáo, tạm ngừng hoạt động hoặc bị rút giấy phép nghiệp vụ, đăng ký kinh doanh.
 - **Rủi ro hoạt động**: Rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi công nghệ, lỗi hệ thống phần mềm, phần cứng và quy trình nghiệp vụ, lỗi do con người trong quá trình thực hiện nghiệp vụ hoặc rủi ro liên quan về việc thay đổi về vốn gây tác động tới các chỉ tiêu giới hạn của sản phẩm chứng quyền và các nguyên nhân khách quan bất khả kháng khác (thiên tai, chiến tranh, hoả hoạn...).

- **Rủi ro thanh khoản:** Rủi ro thanh khoản là rủi ro khi chứng khoán cơ sở của Chứng quyền không giao dịch hoặc giao dịch với khối lượng rất thấp khiến cho NĐT không thể đóng trạng thái giao dịch đủ nhanh để ngăn ngừa hoặc giảm thiểu thiệt hại.
- **Bước 2: Đánh giá và phân tích rủi ro**
- Dựa trên các rủi ro liệt kê ở bước 1, Phòng Quản trị trong công ty sẽ đánh giá về khả năng hay xác suất rủi ro đó xảy ra và mức độ tác động.
- Sau khi các rủi ro được xác định ở bước trên, Phòng Quản trị Rủi ro phối hợp với các đơn vị liên quan đánh giá để xem xét về mức độ khả năng rủi ro đó xảy ra (được xếp theo thang điểm từ A-Gần như chắc chắn đến E- Hiếm khi xảy ra) và mức ảnh hưởng (Xếp theo thang điểm 5-Trầm Trọng đến 1- Thấp) của chúng tới việc hoàn thành các mục tiêu của Vietcap. Kết quả của việc đánh giá rủi ro sẽ giúp các nhà quản lý: So sánh các rủi ro với các chính sách và chiến lược rủi ro; xác định những rủi ro của Vietcap không thể chấp nhận (rủi ro cao); và cung cấp cơ sở để chọn lựa và xếp hạng ưu tiên các biện pháp phù hợp để giảm thiểu của các rủi ro đó.
- **Rủi ro thanh toán:** là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính của công ty đối với nhà đầu tư. Rủi ro thanh toán phát sinh khi Vietcap hoặc đối tác của công ty không thể thực hiện đúng hạn hoặc đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán theo cam kết. Điều này có thể dẫn đến việc Vietcap phải sử dụng thêm các nguồn vốn ngoài kế hoạch hoặc chi trả các khoản chi phí phát sinh để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho nhà đầu tư sở hữu chứng quyền. Khả năng đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán ngắn hạn và dài hạn của Vietcap được đo lường qua các chỉ số như hệ số khả năng thanh toán, ảnh hưởng trực tiếp đến độ tin cậy và uy tín của công ty trên thị trường. Với quy mô của Vietcap cũng như lịch sử về việc quản trị nguồn tiền và tài sản thì mức độ xảy ra rủi ro này tại Vietcap là thấp, bên cạnh đó Vietcap cũng thực hiện hoạt động hedging theo quy định để đảm bảo cổ phiếu thanh toán cho khách hàng khi đến ngày thực hiện quyền.
- **Rủi ro thị trường:** Bất kỳ biến động giá chứng quyền, giá chứng khoán cơ sở và biến động của thị trường chứng quyền sẽ là có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh chứng quyền của Vietcap. Sản phẩm chứng quyền của Vietcap có thể bị ảnh hưởng do biến động ngoài dự kiến về giá chứng khoán, hàng hóa và lãi suất, do tình hình thị trường và/hoặc do những thay đổi về chính sách tiền tệ, chính sách vĩ mô và/hoặc vi mô của Chính phủ Việt Nam cũng như quốc tế và những thay đổi về quy định pháp luật khác. Đây là rủi ro lớn nhất và có khả năng xảy ra cao nhất đồng thời là rủi ro khó phòng ngừa nhất trong hoạt động kinh doanh và phát hành chứng quyền có đảm bảo; khi rủi ro phát sinh cũng gây thiệt hại lớn trong hoạt động kinh doanh của Vietcap.
- **Rủi ro pháp lý:** Rủi ro pháp lý là những rủi ro xuất hiện từ những hoạt động liên quan về pháp chế tại các bộ phận trong quá trình hoạt động kinh doanh. Rủi ro pháp lý có thể xảy ra từ các nguyên nhân sau: (i) Không đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền; (ii) Nhận thức về việc thực hiện quản trị rủi ro chưa có sự thống nhất nên chưa tuân thủ đúng các quy trình nghiệp vụ theo quy định của cơ quan nhà nước trong quá trình kinh doanh chứng quyền; (iii) Quy trình, quy định nội bộ của Vietcap được ban hành chưa phù hợp với quy định của pháp luật; (iv) Cung cấp dịch vụ, thực hiện hoạt động kinh doanh chứng quyền khi chưa đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định pháp luật.
- **Rủi ro hoạt động:** Khả năng xảy ra cao trong các hoạt động sau: (i) Trong hoạt động thực hiện nghiệp vụ giao dịch hàng ngày: Rủi ro đặt nhầm lệnh, sai sót trong giao dịch thực hiện dẫn đến mua/bán khống. Thực hiện các quy định đối với các tài khoản giao dịch chứng khoán của khách

hàng thiếu công bằng và chính trực; (ii) Trong hoạt động vận hành hệ thống công nghệ thông tin: Có thể xảy ra lỗi làm mất/sai lệch dữ liệu giao dịch, giao dịch không thực hiện được hoặc gián đoạn giao dịch. Có thể sẽ dẫn đến tổn thất nghiêm trọng nếu xảy ra rủi ro trong hoạt động vận hành hệ thống công nghệ thông tin; (iii) Trong hoạt động báo cáo, công bố thông tin: Vi phạm trong việc công bố thông tin có thể dẫn đến việc Vietcap bị Ủy ban Chứng khoán xử lý vi phạm hành chính.

- **Rủi ro thanh khoản:** Trong điều kiện thị trường bình thường với các cổ phiếu lớn thì rủi ro này thấp. Tuy nhiên vẫn có thể xảy ra rủi ro thanh khoản do có các thông tin tốt/xấu đột biến của doanh nghiệp, hoặc các thông tin có tác động tiêu cực tới toàn thị trường.
- Quá trình phân tích và đánh giá rủi ro giúp cho việc xác định được rủi ro trọng yếu ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính và khả năng hoạt động liên tục của Công ty, từ đó xây dựng các phương pháp xử lý tập trung chủ yếu vào một hoặc một vài rủi ro trọng yếu.
- **Bước 3: Kiểm soát rủi ro**
- Việc phân tích, đánh giá rủi ro sẽ giúp công ty xây dựng được chiến lược kiểm soát rủi ro thông qua việc lựa chọn chiến lược giải quyết hay đối phó với các rủi ro cho phù hợp. Các chiến lược thường được áp dụng để giải quyết hay đối phó với rủi ro là: tránh rủi ro, chuyển giao rủi ro, giảm nhẹ rủi ro, chấp nhận rủi ro.
- Chẳng hạn, sau khi xác định được các rủi ro trọng yếu, Phòng quản trị rủi ro và phòng ban liên quan cần phối hợp để tính toán và đưa ra các mức cảnh báo hoặc các tham số mục tiêu, từ đó đưa ra các phương án cũng như chiến lược để phòng ngừa rủi ro nhằm kiểm soát các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh chứng quyền của công ty.
- Các hoạt động kiểm soát được xây dựng để bảo đảm các phương pháp xử lý rủi ro đang được thực hiện một cách hữu hiệu và hiệu quả. Các hoạt động này bao gồm:
 - Kiểm soát có tính chất phòng ngừa: nhằm ngăn chặn các giao dịch, sự kiện, sai sót không mong muốn xảy ra hay các tình huống bất ngờ. Ví dụ phân quyền phân nhiệm; bảo mật mật khẩu và giới hạn quyền truy cập hệ thống, đào tạo.
 - Kiểm soát có tính chất phát hiện: nhằm phát hiện nhanh chóng các giao dịch, sự kiện, sai sót không mong muốn xảy ra hay các tình huống bất ngờ, từ đó có biện pháp xử kịp thời. Ví dụ: xác nhận, đối chiếu, kiểm kê, báo lỗi.
 - Kiểm soát có tính chất sửa chữa: nhằm đưa tình hình về trạng thái thích hợp, hoặc ít nhất giảm thiểu hậu quả hoặc thiệt hại phát sinh từ giao dịch, sự kiện, sai phạm không mong muốn hay tình huống bất ngờ gây ra. Ví dụ: kế hoạch kinh doanh liên tục, kế hoạch khắc phục thảm họa.
- Dựa trên việc đánh giá các rủi ro trọng yếu có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh chứng quyền tại Vietcap, công ty xây dựng biện pháp kiểm soát rủi ro cụ thể cho từng loại rủi ro như sau :

i. Rủi ro thanh toán:

Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro:

- Duy trì các hệ số an toàn tài chính để kiểm soát liên tục và định kỳ.
- Đảm bảo tính tuân thủ về việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.

Cách thực hiện:

- Đa dạng đối tác huy động vốn.
- Thực hiện công tác trích lập dự phòng theo quy định của pháp luật và quy định tại từng thời điểm.
- Theo dõi và báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng hàng tháng hoặc khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền theo quy định.
- Xây dựng hệ thống kiểm soát nguồn vốn chặt chẽ nhằm phân bổ vốn hiệu quả.
- Xây dựng hệ thống đánh giá các chỉ tiêu an toàn tài chính phù hợp.
- Lựa chọn (các) ngân hàng để phân bổ tiền gửi (nếu có) và chọn hình thức giao dịch phù hợp với nhu cầu thực hiện hoạt động kinh doanh của Vietcap.
- Thiết lập quy định về cập nhật dòng tiền và báo cáo hàng ngày.
- Xây dựng Phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.

Cơ sở vật chất thực hiện: Hệ thống phần mềm giao dịch, phần mềm excel, hệ thống BI, các báo cáo giám sát.

ii. **Rủi ro thị trường:**

Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro:

- Dự báo các thông tin có tác động xấu để tìm ra phương án giảm nhẹ rủi ro.
- Duy trì hệ số phòng ngừa rủi ro trung hoà Delta.

Cách thực hiện:

- Theo dõi, phân tích, đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, các vấn đề chính trị có thể ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán hoặc một nhóm ngành cụ thể theo định kỳ, đột xuất hoặc khi có yêu cầu.
- Mua/bán chứng khoán cơ sở hoặc mua chứng quyền của tổ chức phát hành theo các tham số tỷ lệ đã được thông qua.
- Dự báo thị trường nhằm đưa ra phương án phòng ngừa hiệu quả và lựa chọn, điều chỉnh chiến lược kiểm soát rủi ro phù hợp.
- Phòng tự doanh kết hợp cùng phòng Quản trị Rủi ro sẽ thực hiện việc thông qua hệ thống giao dịch và báo cáo cho các bộ phận liên quan cũng như các cơ quan quản lý theo quy định.

Cơ sở vật chất thực hiện: Hệ thống phần mềm giao dịch, phần mềm excel, các quy trình làm việc.

iii. **Rủi ro pháp lý**

Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro:

- Đảm bảo tuân thủ nghĩa vụ tạo lập thị trường.

Cách thực hiện:

- Chủ động xây dựng các chương trình nhằm tuân thủ đúng các quy định về tạo lập thị trường theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán.
- Thường xuyên rà soát, cập nhật quy trình, quy định nội bộ của Vietcap để phù hợp với quy định pháp luật tại từng thời điểm.

- Đảm bảo tuân thủ các quy định về giao dịch, chào bán, phân phối, niêm yết, thanh toán chứng quyền, nghĩa vụ tạo lập thị trường.
- Kịp thời cập nhật và đánh giá các thay đổi của quy định pháp luật nhằm bảo đảm cho hoạt động kinh doanh của Vietcap tuân thủ quy định pháp luật.
- Thiết lập, xây dựng hệ thống tự động về tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro.
- Thiết lập quy trình, quy định nội bộ cho các hoạt động nghiệp vụ tại Vietcap.
- Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao ý thức tuân thủ quy định nội của Vietcap và quy định của pháp luật.

Cơ sở vật chất thực hiện: Các văn bản pháp luật, các chính sách, quy trình của Vietcap.

iv. Rủi ro hoạt động

Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro:

- Nhận diện các rủi ro có thể xảy ra với Vietcap từ đó xây dựng các quy trình, chính sách, hệ thống để giảm thiểu những rủi ro để giúp tối ưu hoá chi phí hoạt động kinh doanh.

Cách thực hiện:

- Ban hành chế độ báo cáo định kỳ theo yêu cầu, phân định trách nhiệm cụ thể của các đơn vị và cá nhân liên quan.
- Nâng cao tính tuân thủ về bảo mật khi truy cập thông tin và nhận thức của nhân viên về sử dụng hệ thống công nghệ thông tin và an ninh mạng của Vietcap.
- Thiết lập quy trình, quy định nhằm bảo đảm các hoạt động nghiệp vụ có sự kiểm tra chéo lẫn nhau để tăng cường sự kiểm tra, giám sát và sớm phát hiện sai phạm có thể xảy ra.
- Xây dựng quy trình vận hành và kiểm soát mang tính phòng ngừa và bắt buộc, bao gồm cả việc sao lưu, bảo mật dữ liệu, xây dựng các đường truyền dữ liệu chính phụ và biện pháp an ninh mạng, mua bảo hiểm thiết bị, kiểm tra hệ thống định kỳ, ký hợp đồng bảo hành, bảo trì với nhà cung cấp, chuẩn bị kịch bản xử lý khủng hoảng khi xảy ra lỗi hệ thống.
- Trang bị hệ thống giao dịch dự phòng bên cạnh hệ thống giao dịch chính để giảm thiểu khả năng mất kết nối làm gián đoạn khả năng giao dịch của nhà đầu tư.

Cơ sở vật chất thực hiện: Các quy trình làm việc, các tài liệu hướng dẫn và đào tạo.

▪ Bước 4: Giám sát hoạt động quản trị rủi ro

- Hoạt động cuối cùng trong quy trình quản trị rủi ro là hoạt động giám sát và trao đổi thông tin nhằm đánh giá lại toàn bộ quá trình nhận diện rủi ro, phân tích rủi ro, kiểm soát và đối phó với rủi ro của Công ty. Tiến độ thực hiện các kế hoạch kiểm soát rủi ro cho các rủi ro cụ thể cần được thông báo lên cấp trên và các phòng ban liên quan để chủ động thực hiện các hành động sửa chữa phù hợp.
- Định kỳ, Phòng quản trị rủi ro thực hiện đánh giá hoạt động quản trị rủi ro và đề xuất các giải pháp điều chỉnh hoạt động quản trị rủi ro, chính sách quản trị rủi ro, báo cáo BOM.

1.3 Vai trò của nhà quản lý cấp cao trong việc theo dõi quản trị rủi ro

a. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị có trách nhiệm thành lập Tiểu ban Quản trị rủi ro hoặc cử thành viên phụ trách để hỗ trợ các vai trò của Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện triển khai hoạt động quản trị rủi ro theo chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt.
- Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau:
- Tiến hành rà soát và phê duyệt định kỳ hàng năm các chính sách, hạn mức rủi ro.
- Chỉ đạo xử lý kịp thời các tồn tại trong công tác quản trị rủi ro trên cơ sở các báo cáo của Tổng Giám đốc, Bộ phận quản trị rủi ro và các bộ phận khác có liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro.
- Kiểm tra, đánh giá đầy đủ tính hiệu quả và hiệu lực của Bộ phận quản trị rủi ro.
- Các biên bản được lập đối với các cuộc họp của Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc, bộ phận quản trị rủi ro.

b. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc:

- Tổng Giám đốc có trách nhiệm thành lập Bộ phận Quản trị rủi ro hoạt động độc lập với các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ khác, Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm trưởng bộ phận quản trị rủi ro của Tổng Giám đốc phải được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.
- Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị trong việc triển khai chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Tổng Giám đốc thực hiện các công việc sau:
- Xây dựng chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Xây dựng các tiêu chuẩn quản trị rủi ro.
- Định kỳ hàng quý báo cáo Hội đồng quản trị việc triển khai thực hiện quản trị rủi ro, đánh giá tính phù hợp của chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình quản trị rủi ro.
- Đảm bảo hệ thống quản trị rủi ro được hiểu và vận hành thống nhất từ trên xuống dưới trong công ty phù hợp với chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt.
- Xây dựng và triển khai các quy trình xử lý rủi ro phù hợp với chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro, sức chịu đựng rủi ro của công ty chứng khoán.
- Đảm bảo các quy trình quản trị rủi ro và bộ phận quản trị rủi ro được thiết lập và tổ chức đầy đủ, rõ ràng, đủ nhân sự và nguồn lực tài chính.
- Báo cáo Hội đồng quản trị về trạng thái rủi ro trọng yếu.

c. Trách nhiệm của Phòng quản trị rủi ro:

- Bộ phận quản trị rủi ro có trách nhiệm:
- Thường xuyên theo dõi, đánh giá và đo lường các rủi ro của công ty chứng khoán.
- Rà soát, điều chỉnh các mô hình định giá và hệ thống đánh giá các công cụ tài chính được sử dụng bởi các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh.

- Đề xuất các chính sách quản trị rủi ro cho Tổng Giám đốc.
- Đề xuất hạn mức rủi ro cho các bộ phận nghiệp vụ.
- Đánh giá mức độ rủi ro và trạng thái tập trung rủi ro, thiệt hại thực tế phát sinh và thiệt hại được dự báo bởi bộ phận quản trị rủi ro.
- Theo dõi để đảm bảo việc thực hiện trên thực tế các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt.
- Lập báo cáo định kỳ hàng tháng về quản trị rủi ro thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ để báo cáo Tổng Giám đốc.
- Trưởng bộ phận quản trị rủi ro thực hiện theo dõi, đánh giá hàng ngày trạng thái rủi ro của công ty chứng khoán.

d. Vai trò quản trị rủi ro tại các bộ phận nghiệp vụ:

- Quản trị rủi ro là bộ phận không mang tính tách rời trong hệ thống quản trị của công ty, Các trưởng phòng/ban có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện tuân thủ, quy định quản trị rủi ro đối với từng hoạt động nghiệp vụ.
- Các quy trình thuộc bộ phận nghiệp vụ cần có tối thiểu các nội dung về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quyết định, trách nhiệm, các quy định hạn chế rủi ro và các quy tắc đảm bảo nghĩa vụ tuân thủ các quy định pháp luật.

1.4 Sự kiểm soát giao dịch, hạn mức tín dụng và ký quỹ

a. Kiểm soát giao dịch

Kiểm soát rủi ro hoạt động giao dịch chứng khoán ký quỹ là việc Phòng Quản trị rủi ro phối hợp với Phòng DVKH thực hiện các biện pháp giám sát, quản lý đối với các phòng nghiệp vụ để kiểm soát các rủi ro đã được phát hiện, cảnh báo, Theo dõi diễn biến thị trường, các chính sách các văn bản pháp luật để kịp thời phát hiện rủi ro trong hoạt động giao dịch ký quỹ, Các công việc bao gồm:

- Theo dõi, giám sát quá trình tác nghiệp GDKQ của từng cá nhân, từng cán bộ trong phòng nghiệp vụ, Chi nhánh, Phòng giao dịch để đảm bảo tuân thủ đúng quy trình nghiệp vụ, phát hiện những hành vi vi phạm các quy trình nghiệp vụ, vi phạm quy định của pháp luật hoặc các hành vi có thể xâm phạm lợi ích của Công ty, lợi ích của Khách hàng và phòng tránh các rủi ro khác có thể phát sinh.
- Theo dõi, giám sát các giao dịch của các phòng nghiệp vụ có liên quan để đảm bảo các giao dịch của các phòng nghiệp vụ không phát sinh các rủi ro, tuân thủ đúng các quy trình nghiệp vụ, quyền hạn, hạn mức đã được cấp, các yêu cầu về tính minh bạch, sự an toàn của giao dịch và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.
- Theo dõi diễn biến của thị trường để xác định các rủi ro thị trường có thể tác động đến hoạt động GQKQ, Báo cáo Ban lãnh đạo các nội dung liên quan đến hoạt động GQKQ, bao gồm:
- Tình hình, kết quả thực hiện mua ký quỹ trong ngày bao gồm Tổng dư nợ cho vay giao dịch mua ký quỹ, tổng mức cho vay GDKQ đối với một Khách hàng, tổng dư nợ cho vay GDKQ của một công ty chứng khoán đối với một loại chứng khoán, tổng số chứng khoán cho vay GDKQ;
- Đề xuất về thay đổi các tiêu chí (nếu có);
- Tình hình biến động các cổ phiếu trong DMCKKQ (giá, thanh khoản của cổ phiếu, các tiêu chí tài chính...);

- Các kiến nghị, đề xuất khác của Phòng Quản trị rủi ro và các phòng ban có liên quan (nếu có).
- Theo dõi các chính sách, các văn bản pháp luật, văn bản pháp quy của Nhà nước và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành để xác định rõ các thay đổi trong chính sách có thể ảnh hưởng, tác động đến hoạt động giao dịch ký quỹ.

b. Hạn mức tín dụng và ký quỹ

- Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán không được vượt quá 200% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán.
- Tổng mức cho vay giao dịch ký quỹ của công ty chứng khoán đối với một khách hàng không được vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán.
- Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán đối với một loại chứng khoán không được vượt quá 10% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán.
- Tổng số chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán không được vượt quá 5% tổng số chứng khoán niêm yết của một tổ chức niêm yết.

1.5 Tổ chức đánh giá tín dụng:

Không có

2. Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến

a. Mục đích phòng ngừa rủi ro

Để đảm bảo khả năng thanh toán cho người sở hữu chứng quyền, hạn chế một cách hiệu quả những tổn thất do rủi ro gây ra đối với Vietcap và người sở hữu chứng quyền. Đồng thời, để tổng chi phí bỏ ra trong suốt thời gian từ khi phát hành đến khi đáo hạn tiến đến gần sát, không được quá chênh lệch khoản phí chứng quyền hợp lý, trong trường hợp nếu có chênh lệch thì chỉ ở mức độ chấp nhận được.

b. Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro

i. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị:

- Chỉ đạo xây dựng chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro chứng quyền;
- Phân công trách nhiệm giám sát việc thực hiện quy trình quản trị rủi ro chứng quyền đã được cấp có thẩm quyền ban hành;
- Theo dõi kết quả thực hiện và chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về việc thực hiện quyền và trách nhiệm trong công tác quản trị rủi ro chứng quyền.

ii. Trách nhiệm của Tổng giám đốc và Ban Tổng Giám đốc:

- Báo cáo HĐQT về việc thực hiện quản trị rủi ro, đánh giá tính phù hợp của quản trị rủi ro, giới hạn rủi ro, quy trình quản trị rủi ro;
- Đảm bảo hệ thống quản trị rủi ro được hiểu và vận hành nhất quán từ trên xuống trong Công ty và phù hợp với các chính sách và giới hạn rủi ro đã được HĐQT phê duyệt;
- Báo cáo tình hình rủi ro chính cho HĐQT.

iii. Trách nhiệm của Phòng quản trị rủi ro:

- Theo dõi, giám sát hoạt động phòng ngừa rủi ro của bộ phận trực tiếp tham gia phòng ngừa rủi ro chứng quyền;

- Cảnh báo về các hạn mức của Vietcap, của Sở Giao Dịch Chứng Khoán và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước liên quan đến chào bán chứng quyền và phòng ngừa rủi ro chứng quyền;
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa và xử lý rủi ro chứng quyền;
- Bảo đảm các rủi ro được quản lý theo quy định, quy trình nội bộ của Vietcap và bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan về Quản trị Rủi ro chứng quyền.

iv. Trách nhiệm của Phòng Tự doanh:

- Theo dõi số dư và biến động hàng ngày của danh mục chứng quyền và danh mục tài sản dùng để phòng ngừa rủi ro (bao gồm chứng khoán cơ sở và các loại chứng khoán khác có cùng tài sản cơ sở như chứng quyền, hợp đồng tương lai, nếu có);
- Thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở các loại chứng khoán khác để phòng ngừa rủi ro cho số lượng chứng quyền đang lưu hành, bảo đảm đáp ứng các điều kiện về hạn mức rủi ro tối đa đã được thiết lập;
- Thiết lập các mô hình phân tích rủi ro cho toàn danh mục chứng quyền đang lưu hành và tài sản dùng phòng ngừa rủi ro; theo dõi và đánh giá rủi ro khi có các thay đổi lớn trong các tham số đầu vào gây ảnh hưởng lớn đến giá trị danh mục;
- Báo cáo vị thế danh mục cuối ngày và các hoạt động phòng ngừa rủi ro đã thực hiện cho cấp có thẩm quyền và các bộ phận có liên quan khi có yêu cầu.

Thông tin về các nhân sự tại bộ phận trực tiếp thực hiện hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền:

- Ông Nguyễn Văn Khoa - Trưởng bộ phận quản trị rủi ro cho nghiệp vụ Chứng quyền bảo đảm
- Học vấn: Cử nhân Tài chính kế toán và Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ – Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Kinh nghiệm: Có 7 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích và đầu tư chứng khoán.

c. Nguyên tắc thực hiện tổng quát

Vietcap áp dụng phương án phòng ngừa rủi ro trung hòa delta, tức cùng với việc phát hành chứng quyền có bảo đảm, tổ chức phát hành sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở để giữ cho tổng vị thế của tổ chức phát hành là trung hòa delta (delta = 0) khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi.

▪ **Chứng khoán phòng ngừa rủi ro:**

Chứng khoán cơ sở của chứng quyền có bảo đảm.

Các loại chứng khoán khác có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền (nếu có), bao gồm chứng quyền trên cùng tài sản cơ sở do các tổ chức khác phát hành.

▪ **Vị thế phòng ngừa rủi ro:**

- Cách tính hệ số phòng ngừa rủi ro

Hệ số phòng ngừa rủi ro được tổ chức phát hành áp dụng là hệ số delta.

Delta: là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi rất nhỏ trong giá chứng khoán cơ sở. Delta được tính toán dựa trên công thức Black Scholes như sau:

$$\Delta_{CALL} = N(d_1)$$

Trong đó:

Δ_{CALL} : giá trị delta của chứng quyền mua;

$N(d_1)$: xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d_1 được xác định theo công thức định giá Black Scholes như sau:

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

X: giá thực hiện của chứng quyền;

S: giá chứng khoán cơ sở hiện tại;

T: thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm), là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/365;

r_c : lãi suất phi rủi ro (tính theo năm);

σ : độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm);

Chi tiết cách xác định các tham số đưa vào công thức

Tham số	Cơ sở tính toán	Ví dụ
Giá chứng khoán cơ sở (S)	Là giá trị biến đổi Lấy theo giá giao dịch trong phiên hoặc giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở vào cuối ngày.	50.000 VNĐ
Giá thực hiện (X)	Là giá trị cố định Lấy theo giá thực hiện mà tổ chức phát hành công bố trong Bản thông báo phát hành chứng quyền. Giá thực hiện này được điều chỉnh khi có sự kiện doanh nghiệp của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở.	400.000 VNĐ
Lãi suất phi rủi ro (do TCPH tự xác định) (r_c)	Là giá trị cố định, nhưng có thể được điều chỉnh khi thay đổi trên 1%. Lãi suất được xác định dựa trên chi phí cơ hội của nguồn vốn dành cho hoạt động kinh doanh chứng quyền (bao gồm tài sản đảm bảo thanh toán và nguồn vốn để thực hiện phòng ngừa rủi ro cho danh mục chứng quyền đang lưu hành). Dựa trên cơ sở là trung bình cộng của lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng tại 4 ngân hàng Vietcombank, BIDV, Vietinbank, Agribank và cộng với biên độ 2%.	6% - 10%
Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (do TCPH xác định) (σ)	Là giá trị cố định, nhưng có thể được điều chỉnh khi độ biến động giá CKCS có thay đổi lớn. Được xác định dựa trên cơ sở độ biến động giá lịch sử của chứng khoán cơ sở trong vòng 12 tháng gần nhất và áp thêm kỳ vọng tương lai về biến động giá chứng khoán cơ sở.	30% - 70%

Thời gian còn lại đến ngày đáo hạn (T)	Là giá trị biến đổi. Giá trị này được tính theo năm, và giảm dần theo thời gian còn lại của chứng quyền. Giá trị này bằng 0 tại thời điểm đáo hạn.	0,7 (năm)
--	---	-----------

Công thức tính toán vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết, công thức quy đổi vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết theo số lượng chứng khoán cơ sở nếu tổ chức phát hành sử dụng các loại chứng khoán phòng ngừa rủi ro khác không phải là chứng khoán cơ sở.

▪ **Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết**

Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết là số lượng chứng khoán cơ sở (và/hoặc các loại chứng khoán cho phép khác) mà tổ chức phát hành dự kiến cần phải nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho các chứng quyền đang lưu hành.

Công thức tính vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết theo nguyên tắc trung hòa delta và sử dụng chứng khoán cơ sở để làm tài sản phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền mua:

$$Q_{CKCS} = \Delta_{Call(TCPH)} \times \frac{OI_{CKS}}{k}$$

Trong đó:

Q_{CKCS} : Số lượng chứng khoán cơ sở dự kiến nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền;

$\Delta_{Call(TCPH)}$: Hệ số delta của chứng quyền cần phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành;

OI_{CKS} : Số lượng chứng quyền của tổ chức phát hành sẽ được phòng ngừa rủi ro bằng chứng khoán cơ sở;

k : Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền của tổ chức phát hành.

Công thức quy đổi khi sử dụng chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở do các công ty khác phát hành để làm tài sản phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền mua và áp dụng nguyên tắc trung hòa Delta:

$$Q_{khác} = \frac{\Delta_{Call(TCPH)}}{\Delta_{Call(khác)}} \times OI_{khác} \times \frac{k_{(khác)}}{k_{(TCPH)}}$$

Trong đó:

$Q_{khác}$: Số lượng chứng quyền do các công ty khác phát hành mà tổ chức phát hành dự kiến nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền của mình;

$\Delta_{Call(TCPH)}$: Hệ số Delta của chứng quyền mua của tổ chức phát hành;

$\Delta_{Call(khác)}$: Hệ số Delta của chứng quyền mua của các công ty khác;

$OI_{khác}$: Số lượng chứng quyền của tổ chức phát hành sẽ thực hiện phòng ngừa rủi ro bằng các chứng quyền của các công ty khác;

$k_{(TCPH)}$: Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền của tổ chức phát hành cần thực hiện phòng ngừa rủi ro.

$k_{(khác)}$: Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền của công ty khác mà tổ chức phát hành sử dụng làm công cụ phòng ngừa rủi ro.

▪ **Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế:**

Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế được xác định bằng số lượng chứng khoán cơ sở thực có dùng cho mục đích phòng ngừa rủi ro và số tiền đã nộp trên tài khoản tự doanh của tổ chức phát hành tương ứng với phần chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế để phòng ngừa rủi ro.

Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế (QTT) của tổ chức phát hành được xác định như sau:

$$Q_{TT} = Q_T + Q_{QĐ}$$

Q_T : Số lượng chứng khoán cơ sở tổ chức phát hành thực tế nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền trong ngày T;

$Q_{QĐ}$: Số lượng chứng khoán được quy đổi từ số tiền có trong tài khoản tự doanh để phòng ngừa rủi ro chứng quyền của tổ chức phát hành. Công thức tính như sau: lấy số tiền tổ chức phát hành đã nộp vào tài khoản tự doanh chia cho giá đóng cửa chứng khoán cơ sở tại ngày tính toán.

Độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T của chứng quyền:

$$\Delta Q_{TT}\% = (Q_{CKCS} - Q_{TT}) / Q_{CKCS} \times 100\%$$

Trong đó:

$\Delta Q_{TT}\%$ = Độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T của chứng quyền.

Q_{CKCS} : Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết trong ngày T của chứng quyền.

Q_{TT} : Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T của chứng quyền.

Vietcap thực hiện các giao dịch mua/bán chứng khoán cơ sở và/hoặc chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở do công ty khác phát hành để đảm bảo độ chênh lệch vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày không vượt quá 20%.

Đảm bảo tuân thủ các hạn mức và tỷ lệ liên quan đến phòng ngừa rủi ro theo quy định của pháp luật hoặc khi có yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền của tổ chức phát hành

Bộ phận đầu tư của Vietcap phụ trách việc lựa chọn chứng khoán cơ sở, tạo lập thị trường cho CW hàng ngày, và kết hợp với Bộ phận Quản trị rủi ro để quản trị rủi ro cho các chứng quyền phát hành. Các nhân sự phụ trách đã được đào tạo đầy đủ về các nội dung và nghiệp vụ liên quan.

Đến nay, Vietcap đã có nhiều năm kinh nghiệm thực hiện các đợt phát hành và niêm yết chứng quyền có bảo đảm, và luôn đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của TCPH theo quy định pháp luật trong công tác phát hành, niêm yết, tạo lập thị trường, thanh toán thực hiện chứng quyền có bảo đảm. Với ưu thế về số lượng khách hàng, tiềm lực tài chính tốt, các chỉ tiêu an toàn tài chính luôn duy trì ở mức cao so với quy định, hệ thống công nghệ hiện đại, quản trị rủi ro chặt chẽ, Vietcap có khả năng thanh toán đầy đủ các chứng quyền với nhà đầu tư, đồng thời đáp ứng nhu cầu mua hoặc bán lại chứng quyền của nhà đầu tư với số lượng đã chào bán, đảm bảo thanh khoản cho các chứng quyền do Vietcap phát hành.

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Ngân hàng lưu ký nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán

Tên ngân hàng:	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Tên viết tắt:	BIDV
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại:	+84 (0)28 3821 8812
Website	www.bidv.com.vn

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tiền thân là Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam, được thành lập theo Quyết định 177/TTg ngày 26/04/1957 của Thủ tướng Chính phủ, với chức năng ban đầu là cấp phát và quản lý vốn kiến thiết cơ bản từ nguồn vốn ngân sách phục vụ tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Ngày 08/11/1994 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 654/QĐ-TTg về việc chuyển giao nhiệm vụ cấp phát vốn ngân sách và tín dụng theo Kế hoạch nhà nước từ BIDV về Tổng cục Đầu tư (trực thuộc Bộ Tài chính) và Quyết định 293/QĐ-NH9 ngày 18/11/1994 của Thống đốc NHNN Việt Nam cho phép BIDV được kinh doanh đa năng như một Ngân hàng Thương mại, BIDV đã thực hiện những bước chuyển đổi cấu trúc cơ bản, định hướng kinh doanh mạnh mẽ theo hướng một ngân hàng thương mại đa năng, hoạt động đa ngành, kinh doanh đa lĩnh vực vì mục tiêu lợi nhuận. Những nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên BIDV đã góp phần tích cực trong sự nghiệp đổi mới kinh tế, thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước; khẳng định vai trò và vị trí của BIDV trong hoạt động ngân hàng; và đặc biệt, đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận với danh hiệu “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới”.

Qua 66 năm trưởng thành và phát triển, đến nay BIDV là một trong bốn ngân hàng thương mại lớn nhất ở Việt Nam, được tổ chức hoạt động theo mô hình Ngân hàng thương mại cổ phần, trong đó Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối.

Hoạt động chính của BIDV là thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thanh toán giữa các tổ chức và cá nhân; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu, các giấy tờ có giá khác và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

Ngân hàng lưu ký BIDV không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.

2. Tổ chức kiểm toán

Tên công ty: Công Ty TNHH PwC (Việt Nam)



Tên viết tắt: PwC Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 (0)28 3823 0796

Website: www.pwc.com/vn

PwC Việt Nam thành lập văn phòng tại Hà Nội và Tp.HCM năm 1994 với đội ngũ chuyên gia hơn 1000 người Việt Nam và nước ngoài am hiểu sâu sắc môi trường kinh doanh tại Việt Nam. PwC Việt Nam cung cấp các dịch vụ tư vấn về chính sách và thủ tục đầu tư, thuế, pháp luật, kế toán và tư vấn tài chính doanh nghiệp trên cả nước, PwC Việt Nam có một công ty luật được Bộ Tư pháp cấp giấy phép có trụ sở chính tại Tp.HCM và chi nhánh tại Hà Nội.

X. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Chúng tôi và các chi nhánh của chúng tôi tham gia vào một loạt các hoạt động ngân hàng đầu tư, đầu tư, môi giới và các hoạt động khác và có thể có các thông tin quan trọng về Công ty và/ hoặc các CKCS hoặc phát hành hoặc cập nhật các báo cáo nghiên cứu về Công ty và/ hoặc CKCS. Các hoạt động, thông tin và/ hoặc các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến Công ty và/ hoặc các CKCS và có thể gây ra những hậu quả bất lợi cho Nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn quyền lợi liên quan đến việc phát hành Chứng quyền. Chúng tôi không có nghĩa vụ công bố những thông tin như vậy và có thể phát hành báo cáo nghiên cứu và tham gia vào bất kỳ hoạt động nào như vậy mà không liên quan đến việc phát hành Chứng quyền.

Trong quá trình kinh doanh thông thường, chúng tôi và các chi nhánh của chúng tôi có thể thực hiện các giao dịch cho tài khoản của chúng tôi hoặc cho các khách hàng của chúng tôi và có thể tham gia vào một hoặc nhiều giao dịch liên quan đến Công ty và/ hoặc các CKCS hoặc các sản phẩm phái sinh liên quan. Điều này có thể gián tiếp ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà đầu tư.

Vietcap không phải là người có liên quan của Ngân hàng lưu ký và tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở.

XI. CAM KẾT

Vietcap cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong bản cáo bạch này.

XII. PHỤ LỤC

- Giấy phép thành lập và hoạt động của CTCP Chứng khoán Vietcap.
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị thông qua quyết định chào bán chứng quyền có bảo đảm.

Tp. HCM, ngày 18 tháng 8 năm 2026

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP**

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT *hsz*



**TÔN MINH PHƯƠNG
TỔNG GIÁM ĐỐC**

R **XÁC NHẬN CỦA NGÂN HÀNG LƯU KÝ** *h*
ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG LƯU KÝ



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Châu





NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP
BOARD OF DIRECTORS RESOLUTION
VIETCAP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

(Về việc: Điều chỉnh nội dung tại Phụ lục đính kèm Nghị quyết Hội đồng quản trị số 10/2026/NQ-HĐQT.VIETCAP ngày 01/04/2026 về việc chào bán và niêm yết các loại chứng quyền có bảo đảm)

(For: Adjustment to the Appendix attached to the Board of Directors Resolution No. 10/2026/NQ-HĐQT.VIETCAP dated April 01, 2026 for the issuance and listing of covered warrants)

Nguyễn Thị Bích Trâm
Trưởng Phòng Hành Chính

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BOARD OF DIRECTORS

- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ.VCSC ngày 22/04/2019 thông qua việc phát hành và niêm yết chứng quyền có bảo đảm;
Pursuant to the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders No. 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ.VCSC dated 22 April 2019 on the issuance and listing of covered warrants;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐQT.VIETCAP và Biên bản họp Hội đồng quản trị số 10/2026/BB-HĐQT.VIETCAP vào ngày 01/04/2026 về việc chào bán và niêm yết các loại chứng quyền có bảo đảm.
Pursuant to the Resolution No. 10/2026/NQ-HĐQT.VIETCAP and the Minutes of the Board of Directors No. 10/2026/BB-HĐQT.VIETCAP on April 01, 2026 for the issuance and listing of covered warrants.
- Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng quản trị số 27/2026/BB-HĐQT.VIETCAP vào ngày 23/06/2026 về việc Điều chỉnh nội dung tại Phụ lục đính kèm Nghị quyết Hội đồng quản trị số 10/2026/NQ-HĐQT.VIETCAP ngày 01/04/2026 về việc chào bán và niêm yết các loại chứng quyền có bảo đảm.
Pursuant to the Minutes of the Board of Directors meeting no. 27/2026/BB-HĐQT.VIETCAP on 23 June 2026 regarding the adjustment to the Appendix attached to the Board of Directors Resolution No. 10/2026/NQ-HĐQT.VIETCAP dated April 01, 2026 for the issuance and listing of covered warrants.

QUYẾT NGHỊ
DECISION

Điều 1: Thông qua việc điều chỉnh nội dung tại Phụ lục đính kèm Nghị quyết Hội đồng quản trị số 10/2026/NQ-HĐQT.VIETCAP ngày 01/04/2026 về việc chào bán và niêm yết các loại chứng quyền có bảo đảm ("Nghị quyết số 10") như sau:

- Nội dung Phụ lục sau khi điều chỉnh: Được đính kèm Nghị quyết này.
- Các nội dung khác của Nghị quyết số 10 không thay đổi và vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Article 1: Approving the adjustment to the Appendix attached to the Board of Directors Resolution No. 10/2026/NQ-HĐQT.VIETCAP dated April 01, 2026 for the issuance and listing of covered warrants ("Resolution No.10") with the following details:

- Contents of the Appendix after adjustment: attached to this Resolution.
- Other contents of the Resolution No.10 are not changed and still in effect.

Điều 2: Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban có liên quan của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Article 2: Members of the Board of Directors, the Board of Management and other relevant Departments of the Vietcap Securities Joint Stock Company are responsible for implementing this Resolution.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký, và được lập thành 3 bản gốc có giá trị thực hiện như nhau.

Article 3: This Resolution takes effect from the date of signing, and is made in 3 originals with equal validity.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
REPRESENTATIVE OF BOARD OF DIRECTORS

CHAI WONG MAN

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
VIETCAP
QUẬN 1 T.P. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THANH PHƯỢNG

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở FPT/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities FPT*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 9/ *Issuance in 2026 (Series) - 9*

Tên chứng quyền:	Chứng quyền FPT/VIETCAP/M/Au/T/7M/A9
<i>Covered warrant name:</i>	<i>Covered warrant FPT/VIETCAP/M/Au/T/7M/A9</i>
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty cổ phần FPT (FPT)
<i>Name (ticker) of underlying securities:</i>	<i>FPT Corporation (FPT)</i>
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty cổ phần FPT
<i>Issuers of underlying securities:</i>	<i>FPT Corporation</i>
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
<i>Type of covered warrant</i>	<i>Call warrant</i>
Kiểu thực hiện:	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
<i>Exercise Style:</i>	<i>A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng)
<i>Method of exercising covered warrant:</i>	<i>Cash settlement (Vietnam Dong)</i>
Thời hạn của chứng quyền:	07 tháng
<i>Duration:</i>	<i>07 months</i>
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
<i>Expected issuance date:</i>	<i>The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.</i>
Ngày đáo hạn dự kiến:	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành
<i>Expected expiry date:</i>	<i>7 (seven) months from the issuance date</i>
Tỷ lệ chuyển đổi:	8:1 (8 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
<i>Conversion ratio:</i>	<i>8:1 (8 covered warrants are equivalent to 1 share)</i>

Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%.

Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán.

Giá thực hiện dự kiến:

Expected strike price:

The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.

The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering

Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:

Value of collateral for payment:

Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.

At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered

Khoảng giá chào bán:

Offering range price:

Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng

From 1,000 VND to 2,000 VND

Tổng số lượng chào bán:

Total number of offering:

6.600.000 chứng quyền

6,600,000 covered warrants

Tổng giá trị chào bán:

Total value of offering:

Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng

From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND

Phương thức phát hành:

Issuance method:

Phát hành chứng quyền ra công chúng.

Issuing covered warrants to the public.

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở MSN/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities MSN*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 9/ *Issuance in 2026 (Series) - 9*

Tên chứng quyền:	Chứng quyền MSN/VIETCAP/M/Au/T/7M/A9
<i>Covered warrant name:</i>	<i>Covered warrant MSN/VIETCAP/M/Au/T/7M/A9</i>
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)
<i>Name (ticker) of underlying securities:</i>	<i>Masan Group Corporation (MSN)</i>
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
<i>Issuers of underlying securities:</i>	<i>Masan Group Corporation</i>
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
<i>Type of covered warrant</i>	<i>Call warrant</i>
Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
<i>Exercise Style:</i>	<i>A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng)
<i>Method of exercising covered warrant:</i>	<i>Cash settlement (Vietnam Dong)</i>
Thời hạn:	07 tháng
<i>Duration:</i>	<i>07 months</i>
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
<i>Expected issuance date:</i>	<i>The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.</i>
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành
<i>Expected expiry date:</i>	<i>7 (seven) months from the issuance date</i>

Tỷ lệ chuyển đổi:

6:1 (6 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)

Conversion ratio:

6:1 (6 covered warrants are equivalent to 1 share)

Giá thực hiện dự kiến:

Expected strike price:

Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%.

Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán.

The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.

The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering

Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:

Value of collateral for payment:

Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.

At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered

Khoảng giá chào bán:

Offering range price:

Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng

From 1,000 VND to 2,000 VND

Tổng số lượng chào bán:

Total number of offering:

6.600.000 chứng quyền

6,600,000 covered warrants

Tổng giá trị chào bán:

Total value of offering:

Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng

From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND

Phương thức phát hành:

Issuance method:

Phát hành chứng quyền ra công chúng.

Issuing covered warrants to the public.

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở MWG/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities MWG*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 11/ *Issuance in 2026 (Series) - 11*

Tên chứng quyền:	Chứng quyền MWG/VIETCAP/M/Au/T/7M/A11
<i>Covered warrant name:</i>	<i>Covered warrant MWG/VIETCAP/M/Au/T/7M/A11</i>
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)
<i>Name (ticker) of underlying securities:</i>	<i>Mobile World Investment Corporation (MWG)</i>
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động
<i>Issuers of underlying securities:</i>	<i>Mobile World Investment Corporation</i>
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
<i>Type of covered warrant</i>	<i>Call warrant</i>
Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
<i>Exercise Style:</i>	<i>A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng)
<i>Method of exercising covered warrant:</i>	<i>Cash settlement (Vietnam Dong)</i>
Thời hạn:	07 tháng
<i>Duration:</i>	<i>07 months</i>
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
<i>Expected issuance date:</i>	<i>The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.</i>
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành
<i>Expected expiry date:</i>	<i>7 (seven) months from the issuance date</i>
Tỷ lệ chuyển đổi:	7:1 (7 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
<i>Conversion ratio:</i>	<i>7:1 (7 covered warrants are equivalent to 1 share)</i>

Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%.

Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán.

Giá thực hiện dự kiến:

Expected strike price:

The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.

The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering

Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:

Value of collateral for payment:

Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.

At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered

Khoảng giá chào bán:

Offering range price:

Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng

From 1,000 VND to 2,000 VND

Tổng số lượng chào bán:

Total number of offering:

6.600.000 chứng quyền

6,600,000 covered warrants

Tổng giá trị chào bán:

Total value of offering:

Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng

From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND

Phương thức phát hành:

Issuance method:

Phát hành chứng quyền ra công chúng.

Issuing covered warrants to the public.

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở VNM/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities VNM*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 7/ Issuance in 2026 (Series) - 7

Tên chứng quyền:	Chứng quyền VNM/VIETCAP/M/Au/T/7M/A7
Covered warrant name:	Covered warrant VNM/VIETCAP/M/Au/T/7M/A7
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)
Name (ticker) of underlying securities:	Viet Nam Dairy Products Joint Stock Company (VNM)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Issuers of underlying securities:	Viet Nam Dairy Products Joint Stock Company
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
Type of covered warrant	Call warrant
Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
Exercise Style:	A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng)
Method of exercising covered warrant:	Cash settlement (Vietnam Dong)
Thời hạn:	07 tháng
Duration:	07 months
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
Expected issuance date:	The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành
Expected expiry date:	7 (seven) months from the issuance date

Tỷ lệ chuyển đổi:

5:1 (5 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)

Conversion ratio:

5:1 (5 covered warrants are equivalent to 1 share)

Giá thực hiện dự kiến:

Expected strike price:

Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%.

Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán.

The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.

The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering

Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:

Value of collateral for payment:

Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.

At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered

Khoảng giá chào bán:

Offering range price:

Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng

From 1,000 VND to 2,000 VND

Tổng số lượng chào bán:

Total number of offering:

6.600.000 chứng quyền

6,600,000 covered warrants

Tổng giá trị chào bán:

Total value of offering:

Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng

From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND

Phương thức phát hành:

Issuance method:

Phát hành chứng quyền ra công chúng.

Issuing covered warrants to the public.

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở VPB/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities VPB*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 9/ *Issuance in 2026 (Series) - 9*

Tên chứng quyền:	Chứng quyền VPB/VIETCAP/M/Au/T/7M/A9
Covered warrant name:	Covered warrant VPB/VIETCAP/M/Au/T/7M/A9
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)
Name (ticker) of underlying securities:	Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank (VPB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng
Issuers of underlying securities:	Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
Type of covered warrant	Call warrant
Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
Exercise Style:	A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng)
Method of exercising covered warrant:	Cash settlement (Vietnam Dong)
Thời hạn:	07 tháng
Duration:	07 months
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
Expected issuance date:	The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành
Expected expiry date:	7 (seven) months from the issuance date
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Conversion ratio:	2:1 (2 covered warrants are equivalent to 1 share)

Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%.

Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán.

Giá thực hiện dự kiến:

Expected strike price:

The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.

The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering

Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:

Value of collateral for payment:

Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.

At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered

Khoảng giá chào bán:

Offering range price:

Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng

From 1,000 VND to 2,000 VND

Tổng số lượng chào bán:

Total number of offering:

6.600.000 chứng quyền

6,600,000 covered warrants

Tổng giá trị chào bán:

Total value of offering:

Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng

From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND

Phương thức phát hành:

Issuance method:

Phát hành chứng quyền ra công chúng.

Issuing covered warrants to the public.

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở ACB/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities ACB*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 6/ *Issuance in 2026 (Series) - 6*

Tên chứng quyền:	Chứng quyền ACB/VIETCAP/M/Au/T/7M/A6
Covered warrant name:	Covered warrant ACB/VIETCAP/M/Au/T/7M/A6
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB)
Name (ticker) of underlying securities:	Asia Commercial Joint Stock Bank (ACB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu
Issuers of underlying securities:	Asia Commercial Joint Stock Bank
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
Type of covered warrant	Call warrant
Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
Exercise Style:	A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng)
Method of exercising covered warrant:	Cash settlement (Vietnam Dong)
Thời hạn:	07 tháng
Duration:	07 months
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
Expected issuance date:	The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành
Expected expiry date:	7 (seven) months from the issuance date
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Conversion ratio:	2:1 (2 covered warrants are equivalent to 1 share)

Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%.

Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán.

Giá thực hiện dự kiến:

Expected strike price:

The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.

The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering

Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:

Value of collateral for payment:

Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.

At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered

Khoảng giá chào bán:

Offering range price:

Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng

From 1,000 VND to 2,000 VND

Tổng số lượng chào bán:

Total number of offering:

6.600.000 chứng quyền

6,600,000 covered warrants

Tổng giá trị chào bán:

Total value of offering:

Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng

From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND

Phương thức phát hành:

Issuance method:

Phát hành chứng quyền ra công chúng.

Issuing covered warrants to the public.

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở HPG/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities HPG*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 9/ *Issuance in 2026 (Series) - 9*

Tên chứng quyền:	Chứng quyền HPG/VIETCAP/M/Au/T/7M/A9
<i>Covered warrant name:</i>	<i>Covered warrant HPG/VIETCAP/M/Au/T/7M/A9</i>
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)
<i>Name (ticker) of underlying securities:</i>	<i>Hoa Phat Group Joint Stock Company (HPG)</i>
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
<i>Issuers of underlying securities:</i>	<i>Hoa Phat Group Joint Stock Company</i>
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
<i>Type of covered warrant</i>	<i>Call warrant</i>
Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
<i>Exercise Style:</i>	<i>A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng)
<i>Method of exercising covered warrant:</i>	<i>Cash settlement (Vietnam Dong)</i>
Thời hạn:	07 tháng
<i>Duration:</i>	<i>07 months</i>
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
<i>Expected issuance date:</i>	<i>The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.</i>
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành
<i>Expected expiry date:</i>	<i>7 (seven) months from the issuance date</i>
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
<i>Conversion ratio:</i>	<i>2:1 (2 covered warrants are equivalent to 1 share)</i>

Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%.

Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán.

Giá thực hiện dự kiến:

Expected strike price:

The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.

The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering

Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:

Value of collateral for payment:

Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.

At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered

Khoảng giá chào bán:

Offering range price:

Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng

From 1,000 VND to 2,000 VND

Tổng số lượng chào bán:

Total number of offering:

6.600.000 chứng quyền

6,600,000 covered warrants

Tổng giá trị chào bán:

Total value of offering:

Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng

From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND

Phương thức phát hành:

Issuance method:

Phát hành chứng quyền ra công chúng.

Issuing covered warrants to the public.

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở MBB/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities MBB*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 8/ *Issuance in 2026 (Series) - 8*

Tên chứng quyền:	Chứng quyền MBB/VIETCAP/M/Au/T/7M/A8
<i>Covered warrant name:</i>	<i>Covered warrant MBB/VIETCAP/M/Au/T/7M/A8</i>
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MBB)
<i>Name (ticker) of underlying securities:</i>	<i>Military Commercial Joint Stock Bank (MBB)</i>
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội
<i>Issuers of underlying securities:</i>	<i>Military Commercial Joint Stock Bank</i>
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
<i>Type of covered warrant</i>	<i>Call warrant</i>
Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
<i>Exercise Style:</i>	<i>A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng)
<i>Method of exercising covered warrant:</i>	<i>Cash settlement (Vietnam Dong)</i>
Thời hạn:	07 tháng
<i>Duration:</i>	<i>07 months</i>
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
<i>Expected issuance date:</i>	<i>The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.</i>
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành
<i>Expected expiry date:</i>	<i>7 (seven) months from the issuance date</i>
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
<i>Conversion ratio:</i>	<i>2:1 (2 covered warrants are equivalent to 1 share)</i>

Giá thực hiện dự kiến: <i>Expected strike price:</i>	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán. <i>The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.</i> <i>The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering</i>
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: <i>Value of collateral for payment:</i>	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán. <i>At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered</i>
Khoảng giá chào bán: <i>Offering range price:</i>	Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng <i>From 1,000 VND to 2,000 VND</i>
Tổng số lượng chào bán: <i>Total number of offering:</i>	6.600.000 chứng quyền <i>6,600,000 covered warrants</i>
Tổng giá trị chào bán: <i>Total value of offering:</i>	Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng <i>From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND</i>
Phương thức phát hành: <i>Issuance method:</i>	Phát hành chứng quyền ra công chúng. <i>Issuing covered warrants to the public.</i>

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở STB/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities STB*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 8/ *Issuance in 2026 (Series) - 8*

Tên chứng quyền:	Chứng quyền STB/VIETCAP/M/Au/T/7M/A8
Covered warrant name:	Covered warrant STB/VIETCAP/M/Au/T/7M/A8
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Tài LỘC (STB)
Name (ticker) of underlying securities:	Saigon Treasure Commercial Joint Stock Bank (STB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Tài LỘC
Issuers of underlying securities:	Saigon Treasure Commercial Joint Stock Bank
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
Type of covered warrant	Call warrant
Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
Exercise Style:	A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng)
Method of exercising covered warrant:	Cash settlement (Vietnam Dong)
Thời hạn:	07 tháng
Duration:	07 months
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
Expected issuance date:	The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành
Expected expiry date:	7 (seven) months from the issuance date
Tỷ lệ chuyển đổi:	3:1 (3 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Conversion ratio:	3:1 (3 covered warrants are equivalent to 1 share)

Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%.

Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán.

Giá thực hiện dự kiến:

Expected strike price:

The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.

The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering

Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:

Value of collateral for payment:

Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.

At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered

Khoảng giá chào bán:

Offering range price:

Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng

From 1,000 VND to 2,000 VND

Tổng số lượng chào bán:

Total number of offering:

6.600.000 chứng quyền

6,600,000 covered warrants

Tổng giá trị chào bán:

Total value of offering:

Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng

From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND

Phương thức phát hành:

Issuance method:

Phát hành chứng quyền ra công chúng.

Issuing covered warrants to the public.

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở TCB/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities TCB*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 8/ *Issuance in 2026 (Series) - 8*

Tên chứng quyền:	Chứng quyền TCB/VIETCAP/M/Au/T/7M/A8
Covered warrant name:	Covered warrant TCB/VIETCAP/M/Au/T/7M/A8
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (TCB)
Name (ticker) of underlying securities:	Vietnam Technological And Commercial Joint Stock Bank (TCB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Issuers of underlying securities:	Vietnam Technological And Commercial Joint Stock Bank
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
Type of covered warrant	Call warrant
Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
Exercise Style:	A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng)
Method of exercising covered warrant:	Cash settlement (Vietnam Dong)
Thời hạn:	07 tháng
Duration:	07 months
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
Expected issuance date:	The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành
Expected expiry date:	7 (seven) months from the issuance date
Tỷ lệ chuyển đổi:	3:1 (3 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Conversion ratio:	3:1 (3 covered warrants are equivalent to 1 share)

Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%.

Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán.

Giá thực hiện dự kiến:

Expected strike price:

The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.

The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering

Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:

Value of collateral for payment:

Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.

At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered

Khoảng giá chào bán:

Offering range price:

Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng

From 1,000 VND to 2,000 VND

Tổng số lượng chào bán:

Total number of offering:

6.600.000 chứng quyền

6,600,000 covered warrants

Tổng giá trị chào bán:

Total value of offering:

Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng

From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND

Phương thức phát hành:

Issuance method:

Phát hành chứng quyền ra công chúng.

Issuing covered warrants to the public.

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở SHB/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities SHB*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 2/ *Issuance in 2026 (Series) - 2*

Tên chứng quyền:	Chứng quyền SHB/VIETCAP/M/Au/T/7M/A2
<i>Covered warrant name:</i>	<i>Covered warrant SHB/VIETCAP/M/Au/T/7M/A2</i>
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (SHB)
<i>Name (ticker) of underlying securities:</i>	<i>Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank (SHB)</i>
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội
<i>Issuers of underlying securities:</i>	<i>Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank</i>
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
<i>Type of covered warrant</i>	<i>Call warrant</i>
Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
<i>Exercise Style:</i>	<i>A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng)
<i>Method of exercising covered warrant:</i>	<i>Cash settlement (Vietnam Dong)</i>
Thời hạn:	07 tháng
<i>Duration:</i>	<i>07 months</i>
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
<i>Expected issuance date:</i>	<i>The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.</i>
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành
<i>Expected expiry date:</i>	<i>7 (seven) months from the issuance date</i>
Tỷ lệ chuyển đổi:	1:1 (1 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
<i>Conversion ratio:</i>	<i>1:1 (1 covered warrants are equivalent to 1 share)</i>

Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%.

Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán.

Giá thực hiện dự kiến:

Expected strike price:

The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.

The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering

Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán:

Value of collateral for payment:

Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán.

At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered

Khoảng giá chào bán:

Offering range price:

Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng

From 1,000 VND to 2,000 VND

Tổng số lượng chào bán:

Total number of offering:

6.600.000 chứng quyền

6,600,000 covered warrants

Tổng giá trị chào bán:

Total value of offering:

Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng

From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND

Phương thức phát hành:

Issuance method:

Phát hành chứng quyền ra công chúng.

Issuing covered warrants to the public.



**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP
BOARD OF DIRECTORS RESOLUTION
VIETCAP SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**

(Về việc: Chào bán và niêm yết các loại chứng quyền có bảo đảm)
(For: The issuance and listing of covered warrants)

Nguyễn Thị Bích Trâm
Trưởng Phòng Hành Chính

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BOARD OF DIRECTORS**

- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ.VCSC ngày 22/04/2019 thông qua việc phát hành và niêm yết chứng quyền có bảo đảm;
Pursuant to the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders No. 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ.VCSC dated 22 April 2019 on the issuance and listing of covered warrants;
- Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng quản trị vào ngày 1.4.2026 về việc phát hành và niêm yết các loại chứng quyền có bảo đảm.
Pursuant to the Minutes of the Board of Directors meeting on 1. April. 2026 on the issuance and listing of covered warrants.

**QUYẾT NGHỊ
DECISION**

Điều 1: Thông qua việc Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap ("Vietcap" hoặc "Công ty") phát hành và niêm yết các loại chứng quyền có bảo đảm với nội dung chi tiết sau:

- 1.1 Thông tin chi tiết về việc chào bán và niêm yết mã chứng quyền có bảo đảm tại các phụ lục đính kèm Nghị quyết này.
- 1.2 Quy định về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư sở hữu chứng quyền:
 - Quyền được thanh toán bằng tiền theo điều kiện và phương thức do Vietcap công bố trong bản cáo bạch của từng đợt chào bán.
 - Quyền được thanh toán bằng tiền khi chứng quyền bị hủy niêm yết theo quy định của pháp luật.
 - Quyền chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế, cầm cố, vay mượn trong các quan hệ dân sự theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - Quyền được ưu tiên thanh toán trong trường hợp Vietcap bị giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật.
 - Các quyền khác theo quy định của pháp luật cho phép tùy từng thời điểm.
- 1.3 Thông qua phương án bảo đảm thanh toán cho nhà đầu tư theo mã chứng quyền trong các phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

on the issuance and list
d to this Resolution.

- announced by
in accordance with the
accordance
bankrupt in

Article 2: Assign and authorize the CEO to perform and submit the application for the issuance and listing of covered warrants at the State Securities Commission, the Stock Exchange, and Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation, and carry out other related tasks to complete the issuance and listing in accordance with the law.

Article 3: This Resolution takes effect from the date of signing, and is made in 3 originals with equal validity.

DIRECTORS
CHAIRWOMAN
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
VIETCAP

my

my

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở FPT/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities FPT*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 9/ *Issuance in 2026 (Series) - 9*

Tên chứng quyền:	Chứng quyền FPT/VIETCAP/M/Au/T/A9
<i>Covered warrant name:</i>	<i>Covered warrant FPT/VIETCAP/M/Au/T/A9</i>
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty cổ phần FPT (FPT)
<i>Name (ticker) of underlying securities:</i>	<i>FPT Corporation (FPT)</i>
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty cổ phần FPT
<i>Issuers of underlying securities:</i>	<i>FPT Corporation</i>
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
<i>Type of covered warrant</i>	<i>Call warrant</i>
Kiểu thực hiện:	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
<i>Exercise Style:</i>	<i>A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng)
<i>Method of exercising covered warrant:</i>	<i>Cash settlement (Vietnam Dong)</i>
Thời hạn của chứng quyền:	07 tháng
<i>Duration:</i>	<i>07 months</i>
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
<i>Expected issuance date:</i>	<i>The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.</i>
Ngày đáo hạn dự kiến:	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành
<i>Expected expiry date:</i>	<i>7 (seven) months from the issuance date</i>
Tỷ lệ chuyển đổi:	8:1 (8 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
<i>Conversion ratio:</i>	<i>8:1 (8 covered warrants are equivalent to 1 share)</i>

Giá thực hiện dự kiến: <i>Expected strike price:</i>	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán. <i>The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.</i> <i>The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering</i>
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: <i>Value of collateral for payment:</i>	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán. <i>At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered</i>
Khoảng giá chào bán: <i>Offering range price:</i>	Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng <i>From 1,000 VND to 2,000 VND</i>
Tổng số lượng chào bán: <i>Total number of offering:</i>	6.600.000 chứng quyền <i>6,600,000 covered warrants</i>
Tổng giá trị chào bán: <i>Total value of offering:</i>	Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng <i>From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND</i>
Phương thức phát hành: <i>Issuance method:</i>	Phát hành chứng quyền ra công chúng. <i>Issuing covered warrants to the public.</i>

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở HDB/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities HDB*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 4/ *Issuance in 2026 (Series) - 4*

Tên chứng quyền:	Chứng quyền HDB/VIETCAP/M/Au/T/A4
<i>Covered warrant name:</i>	<i>Covered warrant HDB/VIETCAP/M/Au/T/A4</i>
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh (HDB)
<i>Name (ticker) of underlying securities:</i>	<i>Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank (HDB)</i>
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh
<i>Issuers of underlying securities:</i>	<i>Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank</i>
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
<i>Type of covered warrant</i>	<i>Call warrant</i>
Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
<i>Exercise Style:</i>	<i>A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng)
<i>Method of exercising covered warrant:</i>	<i>Cash settlement (Vietnam Dong)</i>
Thời hạn:	07 tháng
<i>Duration:</i>	<i>07 months</i>
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
<i>Expected issuance date:</i>	<i>The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.</i>
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành
<i>Expected expiry date:</i>	<i>7 (seven) months from the issuance date</i>
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
<i>Conversion ratio:</i>	<i>2:1 (2 covered warrants are equivalent to 1 share)</i>

Giá thực hiện dự kiến: Expected strike price:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán. <i>The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.</i> <i>The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering</i>
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: Value of collateral for payment:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán. <i>At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered</i>
Khoảng giá chào bán: Offering range price:	Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng <i>From 1,000 VND to 2,000 VND</i>
Tổng số lượng chào bán: Total number of offering:	6.600.000 chứng quyền <i>6,600,000 covered warrants</i>
Tổng giá trị chào bán: Total value of offering:	Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng <i>From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND</i>
Phương thức phát hành: Issuance method:	Phát hành chứng quyền ra công chúng. <i>Issuing covered warrants to the public.</i>

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở MSN/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities MSN*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 9/ *Issuance in 2026 (Series) - 9*

Tên chứng quyền:	Chứng quyền MSN/VIETCAP/M/Au/T/A9
<i>Covered warrant name:</i>	<i>Covered warrant MSN/VIETCAP/M/Au/T/A9</i>
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)
<i>Name (ticker) of underlying securities:</i>	<i>Masan Group Corporation (MSN)</i>
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
<i>Issuers of underlying securities:</i>	<i>Masan Group Corporation</i>
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
<i>Type of covered warrant</i>	<i>Call warrant</i>
Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
<i>Exercise Style:</i>	<i>A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng)
<i>Method of exercising covered warrant:</i>	<i>Cash settlement (Vietnam Dong)</i>
Thời hạn:	07 tháng
<i>Duration:</i>	<i>07 months</i>
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
<i>Expected issuance date:</i>	<i>The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.</i>
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành
<i>Expected expiry date:</i>	<i>7 (seven) months from the issuance date</i>

Tỷ lệ chuyển đổi: <i>Conversion ratio:</i>	6:1 (6 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu) 6:1 (6 covered warrants are equivalent to 1 share)
Giá thực hiện dự kiến: <i>Expected strike price:</i>	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán. <i>The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.</i> <i>The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering</i>
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: <i>Value of collateral for payment:</i>	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán. <i>At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered</i>
Khoảng giá chào bán: <i>Offering range price:</i>	Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng <i>From 1,000 VND to 2,000 VND</i>
Tổng số lượng chào bán: <i>Total number of offering:</i>	6.600.000 chứng quyền <i>6,600,000 covered warrants</i>
Tổng giá trị chào bán: <i>Total value of offering:</i>	Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng <i>From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND</i>
Phương thức phát hành: <i>Issuance method:</i>	Phát hành chứng quyền ra công chúng. <i>Issuing covered warrants to the public.</i>

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở MWG/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities MWG*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 11/ *Issuance in 2026 (Series) - 11*

Tên chứng quyền:	Chứng quyền MWG/VIETCAP/M/Au/T/A11
<i>Covered warrant name:</i>	<i>Covered warrant MWG/VIETCAP/M/Au/T/A11</i>
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)
<i>Name (ticker) of underlying securities:</i>	<i>Mobile World Investment Corporation (MWG)</i>
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động
<i>Issuers of underlying securities:</i>	<i>Mobile World Investment Corporation</i>
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
<i>Type of covered warrant</i>	<i>Call warrant</i>
Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
<i>Exercise Style:</i>	<i>A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng)
<i>Method of exercising covered warrant:</i>	<i>Cash settlement (Vietnam Dong)</i>
Thời hạn:	07 tháng
<i>Duration:</i>	<i>07 months</i>
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
<i>Expected issuance date:</i>	<i>The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.</i>
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành
<i>Expected expiry date:</i>	<i>7 (seven) months from the issuance date</i>
Tỷ lệ chuyển đổi:	7:1 (7 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
<i>Conversion ratio:</i>	<i>7:1 (7 covered warrants are equivalent to 1 share)</i>

Giá thực hiện dự kiến: Expected strike price:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán. <i>The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.</i> <i>The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering</i>
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: Value of collateral for payment:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán. <i>At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered</i>
Khoảng giá chào bán: Offering range price:	Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng <i>From 1,000 VND to 2,000 VND</i>
Tổng số lượng chào bán: Total number of offering:	6.600.000 chứng quyền <i>6,600,000 covered warrants</i>
Tổng giá trị chào bán: Total value of offering:	Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng <i>From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND</i>
Phương thức phát hành: Issuance method:	Phát hành chứng quyền ra công chúng. <i>Issuing covered warrants to the public.</i>

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở VNM/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities VNM*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 7/ *Issuance in 2026 (Series) - 7*

Tên chứng quyền:	Chứng quyền VNM/VIETCAP/M/Au/T/A7
<i>Covered warrant name:</i>	<i>Covered warrant VNM/VIETCAP/M/Au/T/A7</i>
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)
<i>Name (ticker) of underlying securities:</i>	<i>Viet Nam Dairy Products Joint Stock Company (VNM)</i>
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
<i>Issuers of underlying securities:</i>	<i>Viet Nam Dairy Products Joint Stock Company</i>
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
<i>Type of covered warrant</i>	<i>Call warrant</i>
Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
<i>Exercise Style:</i>	<i>A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng)
<i>Method of exercising covered warrant:</i>	<i>Cash settlement (Vietnam Dong)</i>
Thời hạn:	07 tháng
<i>Duration:</i>	<i>07 months</i>
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
<i>Expected issuance date:</i>	<i>The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.</i>
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành
<i>Expected expiry date:</i>	<i>7 (seven) months from the issuance date</i>

Tỷ lệ chuyển đổi: <i>Conversion ratio:</i>	5:1 (5 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu) <i>5:1 (5 covered warrants are equivalent to 1 share)</i>
Giá thực hiện dự kiến: <i>Expected strike price:</i>	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán. <i>The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.</i> <i>The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering</i>
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: <i>Value of collateral for payment:</i>	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán. <i>At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered</i>
Khoảng giá chào bán: <i>Offering range price:</i>	Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng <i>From 1,000 VND to 2,000 VND</i>
Tổng số lượng chào bán: <i>Total number of offering:</i>	6.600.000 chứng quyền <i>6,600,000 covered warrants</i>
Tổng giá trị chào bán: <i>Total value of offering:</i>	Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng <i>From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND</i>
Phương thức phát hành: <i>Issuance method:</i>	Phát hành chứng quyền ra công chúng. <i>Issuing covered warrants to the public.</i>

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở VPB/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities VPB*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 9/ *Issuance in 2026 (Series) - 9*

Tên chứng quyền:	Chứng quyền VPB/VIETCAP/M/Au/T/A9
<i>Covered warrant name:</i>	<i>Covered warrant VPB/VIETCAP/M/Au/T/A9</i>
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)
<i>Name (ticker) of underlying securities:</i>	<i>Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank (VPB)</i>
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng
<i>Issuers of underlying securities:</i>	<i>Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank</i>
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
<i>Type of covered warrant</i>	<i>Call warrant</i>
Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
<i>Exercise Style:</i>	<i>A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng)
<i>Method of exercising covered warrant:</i>	<i>Cash settlement (Vietnam Dong)</i>
Thời hạn:	07 tháng
<i>Duration:</i>	<i>07 months</i>
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
<i>Expected issuance date:</i>	<i>The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.</i>
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành
<i>Expected expiry date:</i>	<i>7 (seven) months from the issuance date</i>
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
<i>Conversion ratio:</i>	<i>2:1 (2 covered warrants are equivalent to 1 share)</i>

Giá thực hiện dự kiến: Expected strike price:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán. <i>The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.</i> <i>The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering</i>
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: Value of collateral for payment:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán. <i>At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered</i>
Khoảng giá chào bán: Offering range price:	Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng <i>From 1,000 VND to 2,000 VND</i>
Tổng số lượng chào bán: Total number of offering:	6.600.000 chứng quyền <i>6,600,000 covered warrants</i>
Tổng giá trị chào bán: Total value of offering:	Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng <i>From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND</i>
Phương thức phát hành: Issuance method:	Phát hành chứng quyền ra công chúng. <i>Issuing covered warrants to the public.</i>

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở ACB/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities ACB*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 6/ *Issuance in 2026 (Series) - 6*

Tên chứng quyền: <i>Covered warrant name:</i>	Chứng quyền ACB/VIETCAP/M/Au/T/A6 <i>Covered warrant ACB/VIETCAP/M/Au/T/A6</i>
Tên (mã) chứng khoán cơ sở: <i>Name (ticker) of underlying securities:</i>	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB) <i>Asia Commercial Joint Stock Bank (ACB)</i>
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: <i>Issuers of underlying securities:</i>	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu <i>Asia Commercial Joint Stock Bank</i>
Loại chứng quyền <i>Type of covered warrant</i>	Chứng quyền mua <i>Call warrant</i>
Kiểu thực hiện <i>Exercise Style:</i>	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn. <i>A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
Phương thức thực hiện chứng quyền: <i>Method of exercising covered warrant:</i>	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng) <i>Cash settlement (Vietnam Dong)</i>
Thời hạn: <i>Duration:</i>	07 tháng <i>07 months</i>
Ngày phát hành dự kiến: <i>Expected issuance date:</i>	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. <i>The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.</i>
Ngày đáo hạn: <i>Expected expiry date:</i>	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành <i>7 (seven) months from the issuance date</i>
Tỷ lệ chuyển đổi: <i>Conversion ratio:</i>	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu) <i>2:1 (2 covered warrants are equivalent to 1 share)</i>

Giá thực hiện dự kiến: Expected strike price:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán. <i>The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.</i> <i>The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering</i>
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: Value of collateral for payment:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán. <i>At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered</i>
Khoảng giá chào bán: Offering range price:	Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng <i>From 1,000 VND to 2,000 VND</i>
Tổng số lượng chào bán: Total number of offering:	6.600.000 chứng quyền <i>6,600,000 covered warrants</i>
Tổng giá trị chào bán: Total value of offering:	Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng <i>From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND</i>
Phương thức phát hành: Issuance method:	Phát hành chứng quyền ra công chúng. <i>Issuing covered warrants to the public.</i>

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở HPG/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities HPG*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 9/ *Issuance in 2026 (Series) - 9*

Tên chứng quyền: <i>Covered warrant name:</i>	Chứng quyền HPG/VIETCAP/M/Au/T/A9 <i>Covered warrant HPG/VIETCAP/M/Au/T/A9</i>
Tên (mã) chứng khoán cơ sở: <i>Name (ticker) of underlying securities:</i>	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG) <i>Hoa Phat Group Joint Stock Company (HPG)</i>
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: <i>Issuers of underlying securities:</i>	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát <i>Hoa Phat Group Joint Stock Company</i>
Loại chứng quyền <i>Type of covered warrant</i>	Chứng quyền mua <i>Call warrant</i>
Kiểu thực hiện <i>Exercise Style:</i>	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn. <i>A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
Phương thức thực hiện chứng quyền: <i>Method of exercising covered warrant:</i>	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng) <i>Cash settlement (Vietnam Dong)</i>
Thời hạn: <i>Duration:</i>	07 tháng <i>07 months</i>
Ngày phát hành dự kiến: <i>Expected issuance date:</i>	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. <i>The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.</i>
Ngày đáo hạn: <i>Expected expiry date:</i>	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành <i>7 (seven) months from the issuance date</i>
Tỷ lệ chuyển đổi: <i>Conversion ratio:</i>	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu) <i>2:1 (2 covered warrants are equivalent to 1 share)</i>

Giá thực hiện dự kiến: Expected strike price:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán. <i>The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.</i> <i>The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering</i>
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: Value of collateral for payment:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán. <i>At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered</i>
Khoảng giá chào bán: Offering range price:	Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng <i>From 1,000 VND to 2,000 VND</i>
Tổng số lượng chào bán: Total number of offereing:	6.600.000 chứng quyền <i>6,600,000 covered warrants</i>
Tổng giá trị chào bán: Total value of offering:	Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng <i>From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND</i>
Phương thức phát hành: Issuance method:	Phát hành chứng quyền ra công chúng. <i>Issuing covered warrants to the public.</i>

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở MBB/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities MBB*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 8/ *Issuance in 2026 (Series) - 8*

Tên chứng quyền:	Chứng quyền MBB/VIETCAP/M/Au/T/A8
<i>Covered warrant name:</i>	<i>Covered warrant MBB/VIETCAP/M/Au/T/A8</i>
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MBB)
<i>Name (ticker) of underlying securities:</i>	<i>Military Commercial Joint Stock Bank (MBB)</i>
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội
<i>Issuers of underlying securities:</i>	<i>Military Commercial Joint Stock Bank</i>
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
<i>Type of covered warrant</i>	<i>Call warrant</i>
Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
<i>Exercise Style:</i>	<i>A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng)
<i>Method of exercising covered warrant:</i>	<i>Cash settlement (Vietnam Dong)</i>
Thời hạn:	07 tháng
<i>Duration:</i>	<i>07 months</i>
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
<i>Expected issuance date:</i>	<i>The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.</i>
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành
<i>Expected expiry date:</i>	<i>7 (seven) months from the issuance date</i>
Tỷ lệ chuyển đổi:	2:1 (2 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
<i>Conversion ratio:</i>	<i>2:1 (2 covered warrants are equivalent to 1 share)</i>

Giá thực hiện dự kiến: Expected strike price:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán. <i>The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.</i> <i>The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering</i>
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: Value of collateral for payment:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán. <i>At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered</i>
Khoảng giá chào bán: Offering range price:	Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng <i>From 1,000 VND to 2,000 VND</i>
Tổng số lượng chào bán: Total number of offering:	6.600.000 chứng quyền <i>6,600,000 covered warrants</i>
Tổng giá trị chào bán: Total value of offering:	Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng <i>From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND</i>
Phương thức phát hành: Issuance method:	Phát hành chứng quyền ra công chúng. <i>Issuing covered warrants to the public.</i>

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở STB/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities STB*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 8/ *Issuance in 2026 (Series) - 8*

Tên chứng quyền:	Chứng quyền STB/VIETCAP/M/Au/T/A8
<i>Covered warrant name:</i>	<i>Covered warrant STB/VIETCAP/M/Au/T/A8</i>
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (STB)
<i>Name (ticker) of underlying securities:</i>	<i>Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (STB)</i>
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín
<i>Issuers of underlying securities:</i>	<i>Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank</i>
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
<i>Type of covered warrant</i>	<i>Call warrant</i>
Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
<i>Exercise Style:</i>	<i>A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng)
<i>Method of exercising covered warrant:</i>	<i>Cash settlement (Vietnam Dong)</i>
Thời hạn:	07 tháng
<i>Duration:</i>	<i>07 months</i>
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
<i>Expected issuance date:</i>	<i>The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.</i>
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành
<i>Expected expiry date:</i>	<i>7 (seven) months from the issuance date</i>
Tỷ lệ chuyển đổi:	3:1 (3 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
<i>Conversion ratio:</i>	<i>3:1 (3 covered warrants are equivalent to 1 share)</i>

Giá thực hiện dự kiến: <i>Expected strike price:</i>	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán. <i>The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.</i> <i>The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering</i>
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: <i>Value of collateral for payment:</i>	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán. <i>At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered</i>
Khoảng giá chào bán: <i>Offering range price:</i>	Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng <i>From 1,000 VND to 2,000 VND</i>
Tổng số lượng chào bán: <i>Total number of offering:</i>	6.600.000 chứng quyền <i>6,600,000 covered warrants</i>
Tổng giá trị chào bán: <i>Total value of offering:</i>	Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng <i>From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND</i>
Phương thức phát hành: <i>Issuance method:</i>	Phát hành chứng quyền ra công chúng. <i>Issuing covered warrants to the public.</i>

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở TCB/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities TCB*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 8/ *Issuance in 2026 (Series) - 8*

Tên chứng quyền:	Chứng quyền TCB/VIETCAP/M/Au/T/A8
Covered warrant name:	Covered warrant TCB/VIETCAP/M/Au/T/A8
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (TCB)
Name (ticker) of underlying securities:	Vietnam Technological And Commercial Joint Stock Bank (TCB)
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Issuers of underlying securities:	Vietnam Technological And Commercial Joint Stock Bank
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
Type of covered warrant	Call warrant
Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
Exercise Style:	A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng)
Method of exercising covered warrant:	Cash settlement (Vietnam Dong)
Thời hạn:	07 tháng
Duration:	07 months
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
Expected issuance date:	The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành
Expected expiry date:	7 (seven) months from the issuance date
Tỷ lệ chuyển đổi:	3:1 (3 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
Conversion ratio:	3:1 (3 covered warrants are equivalent to 1 share)

Giá thực hiện dự kiến: Expected strike price:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán. <i>The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.</i> <i>The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering</i>
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: Value of collateral for payment:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán. <i>At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered</i>
Khoảng giá chào bán: Offering range price:	Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng <i>From 1,000 VND to 2,000 VND</i>
Tổng số lượng chào bán: Total number of offering:	6.600.000 chứng quyền <i>6,600,000 covered warrants</i>
Tổng giá trị chào bán: Total value of offering:	Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng <i>From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND</i>
Phương thức phát hành: Issuance method:	Phát hành chứng quyền ra công chúng. <i>Issuing covered warrants to the public.</i>

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở TPB/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities TPB*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 5/ *Issuance in 2026 (Series) - 5*

Tên chứng quyền:	Chứng quyền TPB/VIETCAP/M/Au/T/A5
<i>Covered warrant name:</i>	<i>Covered warrant TPB/VIETCAP/M/Au/T/A5</i>
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TPB)
<i>Name (ticker) of underlying securities:</i>	<i>Tien Phong Commercial Joint Stock Bank (TPB)</i>
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong
<i>Issuers of underlying securities:</i>	<i>Tien Phong Commercial Joint Stock Bank</i>
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
<i>Type of covered warrant</i>	<i>Call warrant</i>
Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
<i>Exercise Style:</i>	<i>A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng)
<i>Method of exercising covered warrant:</i>	<i>Cash settlement (Vietnam Dong)</i>
Thời hạn:	07 tháng
<i>Duration:</i>	<i>07 months</i>
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
<i>Expected issuance date:</i>	<i>The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.</i>
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành
<i>Expected expiry date:</i>	<i>7 (seven) months from the issuance date</i>
Tỷ lệ chuyển đổi:	1:1 (1 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
<i>Conversion ratio:</i>	<i>1:1 (1 covered warrants are equivalent to 1 share)</i>

Giá thực hiện dự kiến: Expected strike price:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán. <i>The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.</i> <i>The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering</i>
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: Value of collateral for payment:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán. <i>At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered</i>
Khoảng giá chào bán: Offering range price:	Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng <i>From 1,000 VND to 2,000 VND</i>
Tổng số lượng chào bán: Total number of offering:	6.600.000 chứng quyền <i>6,600,000 covered warrants</i>
Tổng giá trị chào bán: Total value of offering:	Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng <i>From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND</i>
Phương thức phát hành: Issuance method:	Phát hành chứng quyền ra công chúng. <i>Issuing covered warrants to the public.</i>

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở VIB/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities VIB*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 5/ *Issuance in 2026 (Series) - 5*

Tên chứng quyền:	Chứng quyền VIB/VIETCAP/M/Au/T/A5
<i>Covered warrant name:</i>	<i>Covered warrant VIB/VIETCAP/M/Au/T/A5</i>
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB)
<i>Name (ticker) of underlying securities:</i>	<i>Vietnam International Commercial Joint Stock Bank (VIB)</i>
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam
<i>Issuers of underlying securities:</i>	<i>Vietnam International Commercial Joint Stock Bank</i>
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
<i>Type of covered warrant</i>	<i>Call warrant</i>
Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
<i>Exercise Style:</i>	<i>A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng)
<i>Method of exercising covered warrant:</i>	<i>Cash settlement (Vietnam Dong)</i>
Thời hạn:	07 tháng
<i>Duration:</i>	<i>07 months</i>
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
<i>Expected issuance date:</i>	<i>The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.</i>
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành
<i>Expected expiry date:</i>	<i>7 (seven) months from the issuance date</i>
Tỷ lệ chuyển đổi:	1:1 (1 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
<i>Conversion ratio:</i>	<i>1:1 (1 covered warrants are equivalent to 1 share)</i>

Giá thực hiện dự kiến: <i>Expected strike price:</i>	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán. <i>The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.</i> <i>The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering</i>
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: <i>Value of collateral for payment:</i>	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán. <i>At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered</i>
Khoảng giá chào bán: <i>Offering range price:</i>	Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng <i>From 1,000 VND to 2,000 VND</i>
Tổng số lượng chào bán: <i>Total number of offering:</i>	6.600.000 chứng quyền <i>6,600,000 covered warrants</i>
Tổng giá trị chào bán: <i>Total value of offering:</i>	Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng <i>From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND</i>
Phương thức phát hành: <i>Issuance method:</i>	Phát hành chứng quyền ra công chúng. <i>Issuing covered warrants to the public.</i>

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở DGC/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities DGC*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 2/ *Issuance in 2026 (Series) - 2*

Tên chứng quyền: <i>Covered warrant name:</i>	Chứng quyền DGC/VIETCAP/M/Au/T/A2 <i>Covered warrant DGC/VIETCAP/M/Au/T/A2</i>
Tên (mã) chứng khoán cơ sở: <i>Name (ticker) of underlying securities:</i>	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (DGC) <i>Duc Giang Chemicals Group JSC (DGC)</i>
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: <i>Issuers of underlying securities:</i>	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang <i>Duc Giang Chemicals Group JSC</i>
Loại chứng quyền <i>Type of covered warrant</i>	Chứng quyền mua <i>Call warrant</i>
Kiểu thực hiện <i>Exercise Style:</i>	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn. <i>A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
Phương thức thực hiện chứng quyền: <i>Method of exercising covered warrant:</i>	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng) <i>Cash settlement (Vietnam Dong)</i>
Thời hạn: <i>Duration:</i>	07 tháng <i>07 months</i>
Ngày phát hành dự kiến: <i>Expected issuance date:</i>	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. <i>The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.</i>
Ngày đáo hạn: <i>Expected expiry date:</i>	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành <i>7 (seven) months from the issuance date</i>
Tỷ lệ chuyển đổi: <i>Conversion ratio:</i>	5:1 (5 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu) <i>5:1 (5 covered warrants are equivalent to 1 share)</i>

Giá thực hiện dự kiến: <i>Expected strike price:</i>	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán. <i>The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.</i> <i>The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering</i>
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: <i>Value of collateral for payment:</i>	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán. <i>At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered</i>
Khoảng giá chào bán: <i>Offering range price:</i>	Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng <i>From 1,000 VND to 2,000 VND</i>
Tổng số lượng chào bán: <i>Total number of offering:</i>	6.600.000 chứng quyền <i>6,600,000 covered warrants</i>
Tổng giá trị chào bán: <i>Total value of offering:</i>	Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng <i>From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND</i>
Phương thức phát hành: <i>Issuance method:</i>	Phát hành chứng quyền ra công chúng. <i>Issuing covered warrants to the public.</i>

8 -
 NG
 PH
 IG KH
 ETC
 P h

PHỤ LỤC/ APPENDIX

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở SHB/ *Detailed information on the offering of covered warrant of the underlying securities SHB*

Đợt phát hành năm 2026 (Series) – 2/ *Issuance in 2026 (Series) - 2*

Tên chứng quyền:	Chứng quyền SHB/VIETCAP/M/Au/T/A2
<i>Covered warrant name:</i>	<i>Covered warrant SHB/VIETCAP/M/Au/T/A2</i>
Tên (mã) chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (SHB)
<i>Name (ticker) of underlying securities:</i>	<i>Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank (SHB)</i>
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội
<i>Issuers of underlying securities:</i>	<i>Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank</i>
Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
<i>Type of covered warrant</i>	<i>Call warrant</i>
Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
<i>Exercise Style:</i>	<i>A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
Phương thức thực hiện chứng quyền:	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền (đồng)
<i>Method of exercising covered warrant:</i>	<i>Cash settlement (Vietnam Dong)</i>
Thời hạn:	07 tháng
<i>Duration:</i>	<i>07 months</i>
Ngày phát hành dự kiến:	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
<i>Expected issuance date:</i>	<i>The specific time is decided by the CEO after being approved by the competent authority.</i>
Ngày đáo hạn:	Ngày tròn 7 (bảy) tháng kể từ Ngày phát hành
<i>Expected expiry date:</i>	<i>7 (seven) months from the issuance date</i>
Tỷ lệ chuyển đổi:	1:1 (1 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu)
<i>Conversion ratio:</i>	<i>1:1 (1 covered warrants are equivalent to 1 share)</i>



Giá thực hiện dự kiến: Expected strike price:	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán. <i>The difference between the strike price and the closing price of the underlying stock on the trading day immediately preceding the date of the issuance announcement does not exceed +/-20%.</i> <i>The specific strike price is decided by the CEO at the time of offering</i>
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: Value of collateral for payment:	Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán. <i>At least 50% of the value of the covered warrant expected to be offered</i>
Khoảng giá chào bán: Offering range price:	Từ 1.000 đồng đến 2.000 đồng <i>From 1,000 VND to 2,000 VND</i>
Tổng số lượng chào bán: Total number of offering:	6.600.000 chứng quyền <i>6,600,000 covered warrants</i>
Tổng giá trị chào bán: Total value of offering:	Từ 6.600.000.000 đồng đến 13.200.000.000 đồng <i>From 6,600,000,000 VND to 13,200,000,000 VND</i>
Phương thức phát hành: Issuance method:	Phát hành chứng quyền ra công chúng. <i>Issuing covered warrants to the public.</i>

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 18 Tháng 8. Năm 2026

Mẫu 01/CW

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
Về việc cung cấp dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm thanh toán
Số: 01/2026/1888162/HĐNT/BIDV-VCSC

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP
với tư cách là Tổ Chức Phát Hành

VÀ

NGÂN HÀNG TMCP ĐT&PT VIỆT NAM
CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA
với tư cách là Ngân Hàng Lưu Ký



Nguyễn Thị Bích Trâm
Trưởng Phòng Hành Chính

SAO Y BẢN CHÍNH
TP. Hồ Chí Minh, Ngày 18 tháng 8 năm 2026
CN. NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NKNN
GIÁM ĐỐC



Ngày 14 tháng 05 năm 2026

Võ Thanh Trúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Về việc cung cấp dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm thanh toán

Hợp đồng nguyên tắc về việc cung cấp dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm thanh toán (“**Hợp Đồng**”) được ký kết vào ngày tháng năm giữa:

A. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Địa chỉ : Tầng 15, Tháp Tài chính Bitexco, Số 2 Hải Triều,
Phường Sài Gòn, TP.HCM
Giấy phép thành lập : 68/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
(UBCKNN) cấp ngày 06/11/2007
Điện thoại : (028) 3914 3588 Fax: (028) 3914 3209
Người đại diện : Chức vụ :
Văn bản ủy quyền :

(Sau đây gọi là “**Bên A**” hoặc “**Tổ Chức Phát Hành**”)

và

B. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM, CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA

Địa chỉ : Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11
Tòa nhà TASCOSố 66, 68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường Sài Gòn, TPHCM.
Giấy CNĐKDN : 0100150619-079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp
lần đầu ngày 29/11/2004, sửa đổi theo từng thời kỳ
Giấy phép HĐLK : Quyết định số 106/QĐ-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán
Nhà Nước cấp ngày 14 tháng 5 năm 2003
Điện thoại : 028.38218812 Fax : 028.39144714
Người đại diện : **PHÓ GIÁM ĐỐC** Chức vụ : Phó giám đốc

Nguyễn Chi Minh Châu
Theo ủy quyền số 3825/QĐ-BIDV ngày 30/05/2025 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP
Đầu tư và Phát triển Việt Nam

(Sau đây gọi là “**Bên B**” hoặc “**Ngân Hàng Lưu Ký**”)

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**Các Bên**”)

XÉT RẰNG:

- (a) Bên A là Công ty Chứng khoán có chức năng phát hành chứng quyền có bảo đảm theo quy định của Pháp luật Việt Nam, và mong muốn hợp tác một Ngân hàng có chức năng lưu ký, quản lý tài sản kỹ quỹ cho Bên A;
- (b) Bên B là ngân hàng thương mại được thành lập tại Việt Nam, có giấy phép hoạt động lưu ký do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp sẵn sàng hợp tác để cung cấp các dịch vụ đáp ứng yêu cầu của Bên A phù hợp theo quy định của Pháp luật;

NAY, VÌ VẬY, Các Bên đồng ý ký kết **Hợp Đồng** này với các điều khoản và điều kiện sau đây:

1. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Trong phạm vi **Hợp Đồng** này, các thuật ngữ được hiểu như sau:

- “**Người Sở Hữu Chứng Quyền**” là nhà đầu tư bao gồm các cá nhân, tổ chức sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của Tổ Chức Phát Hành và không phải là Tổ Chức Phát Hành.
- “**Danh Sách Người Sở Hữu Chứng Quyền**” là danh sách do **Tổ chức phát hành** gửi cho Ngân Hàng Lưu Ký có đầy đủ thông tin của **Người Sở Hữu Chứng Quyền**.
- “**Tài Sản Bảo Đảm**” là tiền, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Bên A ký quỹ tại Bên B hoặc Thư bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng lưu ký. Tài sản bảo đảm này không được dùng để cầm cố, thế chấp, làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay hoặc các nghĩa vụ tài chính khác của Bên A hay của bất của bên thứ ba khác.
- “**Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán**” là hợp đồng được Các Bên ký kết trước khi Bên A được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền cho từng đợt phát hành chứng quyền.

2. MỤC ĐÍCH VÀ THỜI HẠN KÝ QUỸ

- a) Mục đích: Ký quỹ đảm bảo khả năng thanh toán/Bảo lãnh đảm bảo khả năng thanh toán cho từng đợt Phát hành chứng quyền của Bên A.
- b) Thời hạn ký quỹ, số tiền ký quỹ và hình thức ký quỹ sẽ được quy định cụ thể tại Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán giữa Bên A và Bên B trước khi Bên A được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền cho từng đợt phát hành chứng quyền.

3. PHÍ DỊCH VỤ

TU VÀ PH

II NHÃNH
Ý KHÔI NGH

TỔ CHÍ MINH

J VÀ PH

I NHÃNH
Ý KHÔI NGH

HỒ CHÍ MINH

8 - C. T

NG TY
PHÂN
G KHOẢN
TCAP

P HỒ CHÍ MINH

68 - C

CÔNG T
CỔ PHẦN
HỮNG KH
VIETC

1 - T. P H

Phí dịch vụ, cách tính và thời hạn thanh toán sẽ được Các Bên quy định cụ thể tại từng Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán Các Bên.

4. CAM KẾT CỦA BÊN A

- a) Thực hiện ký quỹ Tài sản bảo đảm để đảm bảo khả năng thanh toán cho từng đợt phát hành chứng quyền theo quy định của pháp luật;
- b) Khi có sự thay đổi bất kỳ liên quan đến giá trị Tài sản bảo đảm của Bên A, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B để thực hiện nghĩa vụ báo cáo các cơ quan chức năng có liên quan;
- c) Thực hiện ký quỹ bổ sung để đáp ứng tỷ lệ ký quỹ tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- d) Thực hiện chứng quyền bằng tài sản ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký hoặc thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền khi Tổ chức phát hành chứng quyền thực hiện sử dụng chính Tài sản bảo đảm để chi trả cho Người Sở Hữu Chứng Quyền;
- e) Thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp Đồng này, Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán và quy định của pháp luật.

5. CAM KẾT CỦA BÊN B

- a) Tiếp nhận đầy đủ, kịp thời việc quản lý Tài sản bảo đảm cho Bên A khi Bên A có yêu cầu;
- b) Bên B thực hiện phong toả/giải toả tiền gửi không kỳ hạn trên tài khoản của Bên A/Hợp đồng tiền gửi/Chứng chỉ tiền gửi theo từng thời điểm của Bên A gửi tại Bên B phù hợp với Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán và quy định của pháp luật;
- c) Lưu giữ bản gốc Hợp đồng tiền/Chứng chỉ tiền gửi và/hoặc các văn bản có liên quan đến Hợp đồng tiền/Chứng chỉ tiền gửi của Bên A;
- d) Quản lý tách biệt Tài sản bảo đảm với tài sản khác của Bên A, và các tài sản khác của Bên B;
- e) Thực hiện hoạt động thu, chi, thanh toán và chuyển giao tiền liên quan đến hoạt động phát hành chứng quyền của Bên A;
- f) Xác nhận báo cáo do Bên A lập có liên quan đến Tài sản bảo đảm;
- g) Thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp Đồng này, Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán và quy định của pháp luật.

6. LUẬT ÁP DỤNG, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- a) Hợp Đồng này được lập và điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.

- b) Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này (“**Tranh Chấp**”) sẽ được giải quyết trên cơ sở thương lượng bình đẳng giữa Các Bên. Trường hợp không thương lượng được thì Tranh Chấp sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm này.

7. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- a) Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt khi Các Bên có thỏa thuận bằng văn bản được ký tên, đóng dấu hợp lệ của mỗi Bên về việc chấm dứt hiệu lực Hợp Đồng này.
- b) Việc sửa đổi, bổ sung nội dung Hợp Đồng này phải được cả Các Bên đồng ý và lập thành văn bản do đại diện có thẩm quyền của Các Bên ký, đóng dấu. Những sửa đổi, bổ sung đó có hiệu lực thay thế, bổ sung các điều khoản tương ứng trong Hợp Đồng là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này.
- c) Hợp Đồng này được lập làm 03 (ba) bản gốc, có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản gốc để thực hiện, 01 (một) bản gốc gửi cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên)



ĐOÀN MINH THIỆN
Phó Tổng Giám Đốc

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên)



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Châu





1944. 1945. 1946. 1947. 1948. 1949. 1950. 1951. 1952. 1953. 1954. 1955. 1956. 1957. 1958. 1959. 1960. 1961. 1962. 1963. 1964. 1965. 1966. 1967. 1968. 1969. 1970. 1971. 1972. 1973. 1974. 1975. 1976. 1977. 1978. 1979. 1980. 1981. 1982. 1983. 1984. 1985. 1986. 1987. 1988. 1989. 1990. 1991. 1992. 1993. 1994. 1995. 1996. 1997. 1998. 1999. 2000. 2001. 2002. 2003. 2004. 2005. 2006. 2007. 2008. 2009. 2010. 2011. 2012. 2013. 2014. 2015. 2016. 2017. 2018. 2019. 2020. 2021. 2022. 2023. 2024. 2025. 2026. 2027. 2028. 2029. 2030. 2031. 2032. 2033. 2034. 2035. 2036. 2037. 2038. 2039. 2040. 2041. 2042. 2043. 2044. 2045. 2046. 2047. 2048. 2049. 2050. 2051. 2052. 2053. 2054. 2055. 2056. 2057. 2058. 2059. 2060. 2061. 2062. 2063. 2064. 2065. 2066. 2067. 2068. 2069. 2070. 2071. 2072. 2073. 2074. 2075. 2076. 2077. 2078. 2079. 2080. 2081. 2082. 2083. 2084. 2085. 2086. 2087. 2088. 2089. 2090. 2091. 2092. 2093. 2094. 2095. 2096. 2097. 2098. 2099. 2100. 2101. 2102. 2103. 2104. 2105. 2106. 2107. 2108. 2109. 2110. 2111. 2112. 2113. 2114. 2115. 2116. 2117. 2118. 2119. 2120. 2121. 2122. 2123. 2124. 2125. 2126. 2127. 2128. 2129. 2130. 2131. 2132. 2133. 2134. 2135. 2136. 2137. 2138. 2139. 2140. 2141. 2142. 2143. 2144. 2145. 2146. 2147. 2148. 2149. 2150. 2151. 2152. 2153. 2154. 2155. 2156. 2157. 2158. 2159. 2160. 2161. 2162. 2163. 2164. 2165. 2166. 2167. 2168. 2169. 2170. 2171. 2172. 2173. 2174. 2175. 2176. 2177. 2178. 2179. 2180. 2181. 2182. 2183. 2184. 2185. 2186. 2187. 2188. 2189. 2190. 2191. 2192. 2193. 2194. 2195. 2196. 2197. 2198. 2199. 2200. 2201. 2202. 2203. 2204. 2205. 2206. 2207. 2208. 2209. 2210. 2211. 2212. 2213. 2214. 2215. 2216. 2217. 2218. 2219. 2220. 2221. 2222. 2223. 2224. 2225. 2226. 2227. 2228. 2229. 2230. 2231. 2232. 2233. 2234. 2235. 2236. 2237. 2238. 2239. 2240. 2241. 2242. 2243. 2244. 2245. 2246. 2247. 2248. 2249. 2250. 2251. 2252. 2253. 2254. 2255. 2256. 2257. 2258. 2259. 2260. 2261. 2262. 2263. 2264. 2265. 2266. 2267. 2268. 2269. 2270. 2271. 2272. 2273. 2274. 2275. 2276. 2277. 2278. 2279. 2280. 2281. 2282. 2283. 2284. 2285. 2286. 2287. 2288. 2289. 2290. 2291. 2292. 2293. 2294. 2295. 2296. 2297. 2298. 2299. 2300. 2301. 2302. 2303. 2304. 2305. 2306. 2307. 2308. 2309. 2310. 2311. 2312. 2313. 2314. 2315. 2316. 2317. 2318. 2319. 2320. 2321. 2322. 2323. 2324. 2325. 2326. 2327. 2328. 2329. 2330. 2331. 2332. 2333. 2334. 2335. 2336. 2337. 2338. 2339. 2340. 2341. 2342. 2343. 2344. 2345. 2346. 2347. 2348. 2349. 2350. 2351. 2352. 2353. 2354. 2355. 2356. 2357. 2358. 2359. 2360. 2361. 2362. 2363. 2364. 2365. 2366. 2367. 2368. 2369. 2370. 2371. 2372. 2373. 2374. 2375. 2376. 2377. 2378. 2379. 2380. 2381. 2382. 2383. 2384. 2385. 2386. 2387. 2388. 2389. 2390. 2391. 2392. 2393. 2394. 2395. 2396. 2397. 2398. 2399. 2400. 2401. 2402. 2403. 2404. 2405. 2406. 2407. 2408. 2409. 2410. 2411. 2412. 2413. 2414. 2415. 2416. 2417. 2418. 2419. 2420. 2421. 2422. 2423. 2424. 2425. 2426. 2427. 2428. 2429. 2430. 2431. 2432. 2433. 2434. 2435. 2436. 2437. 2438. 2439. 2440. 2441. 2442. 2443. 2444. 2445. 2446. 2447. 2448. 2449. 2450. 2451. 2452. 2453. 2454. 2455. 2456. 2457. 2458. 2459. 2460. 2461. 2462. 2463. 2464. 2465. 2466. 2467. 2468. 2469. 2470. 2471. 2472. 2473. 2474. 2475. 2476. 2477. 2478. 2479. 2480. 2481. 2482. 2483. 2484. 2485. 2486. 2487. 2488. 2489. 2490. 2491. 2492. 2493. 2494. 2495. 2496. 2497. 2498. 2499. 2500. 2501. 2502. 2503. 2504. 2505. 2506. 2507. 2508. 2509. 2510. 2511. 2512. 2513. 2514. 2515. 2516. 2517. 2518. 2519. 2520. 2521. 2522. 2523. 2524. 2525. 2526. 2527. 2528. 2529. 2530. 2531. 2532. 2533. 2534. 2535. 2536. 2537. 2538. 2539. 2540. 2541. 2542. 2543. 2544. 2545. 2546. 2547. 2548. 2549. 2550. 2551. 2552. 2553. 2554. 2555. 2556. 2557. 2558. 2559. 2560. 2561. 2562. 2563. 2564. 2565. 2566. 2567. 2568. 2569. 2570. 2571. 2572. 2573. 2574. 2575. 2576. 2577. 2578. 2579. 2580. 2581. 2582. 2583. 2584. 2585. 2586. 2587. 2588. 2589. 2590. 2591. 2592. 2593. 2594. 2595. 2596. 2597. 2598. 2599. 2600. 2601. 2602. 2603. 2604. 2605. 2606. 2607. 2608. 2609. 2610. 2611. 2612. 2613. 2614. 2615. 2616. 2617. 2618. 2619. 2620. 2621. 2622. 2623. 2624. 2625. 26

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 18 Tháng 08 Năm 2026

HỢP ĐỒNG KÝ QUỸ BẢO ĐẢM THANH TOÁN

Số: 01/2026/TT/BIDV-VIETCAP

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

với tư cách là Tổ Chức Phát Hành

- và -

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA**

với tư cách là Ngân Hàng Lưu Ký



Nguyễn Thị Bích Trâm
Trưởng Phòng Hành Chính

NGÀY 18 THÁNG 08 NĂM 2026

HỢP ĐỒNG KÝ QUỸ BẢO ĐẢM THANH TOÁN này được lập vào ngày **18/08/2026** (sau đây gọi là “**Hợp Đồng**”) giữa:

A. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Địa chỉ : Tầng 15 Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, TPHCM
Giấy phép thành lập : 68/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 06/11/2007
Điện thoại : Fax :
Người đại diện : Đoàn Minh Thiện Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc
Văn bản ủy quyền : 72/2025/QĐ-TGD.VIETCAP ngày 27/11/2025 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VietCap về việc Ủy quyền Phó Tổng Giám đốc ký thay Tổng Giám đốc.

(Sau đây gọi là “**Tổ Chức Phát Hành**”)

và

B. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM, CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA

Địa chỉ : Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11
Tòa nhà TASCOT số 66, 68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Giấy CNĐKDN : 0100150619079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp
ngày 09/05/2012
Giấy phép HĐLK : Quyết định số 106/QĐ-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán
Nhà Nước cấp ngày 14 tháng 5 năm 2003
Điện thoại : 028.38218812 Fax : 028.39144714
Người đại diện : Chức vụ : Phó giám đốc
Văn bản ủy quyền : 5259/QĐ-BIDV ngày 01/07/2026 của Người đại diện theo
pháp luật của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt
Nam về việc Ủy quyền ký và tổ chức thực hiện các hợp
đồng, văn bản liên quan đến hoạt động đại lý lưu ký, ngân
hàng giám sát, thanh toán bù trừ và kinh doanh chứng
khoán.

(Sau đây gọi là “**Ngân Hàng Lưu Ký**”)

(Tổ Chức Phát Hành, Ngân Hàng Lưu Ký sau đây gọi riêng là mỗi “**Bên**” và gọi chung là “**Các Bên**”).

Các bên thỏa thuận ký kết **Hợp Đồng** này với các điều khoản sau:

I. CƠ SỞ XÁC LẬP HỢP ĐỒNG:

- (i) Tổ Chức Phát Hành sẽ phát hành Chứng quyền có bảo đảm cụ thể theo **Phụ lục 1** đính kèm Hợp Đồng này (sau đây gọi là “**Chứng Quyền**”)
- (ii) Tổ Chức Phát Hành đã ban hành Bản Cáo Bạch liên quan đến việc phát hành Chứng Quyền, bao gồm cả các điều khoản và điều kiện của Chứng Quyền (“**Bản Cáo Bạch**”).
- (iii) Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các chứng quyền phát hành khi đến hạn, Tổ Chức Phát Hành đồng ý ký quỹ các Tài Sản Ký Quỹ (được định nghĩa dưới đây) tại Ngân Hàng Lưu Ký theo quy định tại Bản Cáo Bạch chào bán chứng quyền và Hợp Đồng này.

II. CÁC BÊN THỎA THUẬN như sau:

1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

1.1. Định nghĩa

Trong Hợp Đồng này, bên cạnh các từ ngữ được định nghĩa tại các điều khoản cụ thể:

- “**Biện Pháp Bảo Đảm**” nghĩa là Tổ Chức Phát Hành ký quỹ các Tài Sản Ký Quỹ tại Ngân Hàng Lưu Ký để bảo đảm cho việc thực hiện và hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán vào Ngày Đáo Hạn Chứng Quyền.

- “**Chứng Quyền Có Lãi**” là chứng quyền mua có giá thực hiện (chỉ số thực hiện) thấp hơn giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở hoặc chứng quyền bán có giá thực hiện (chỉ số thực hiện) cao hơn giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở.

- “**Người Sở Hữu Chứng Quyền**” là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của Tổ Chức Phát Hành và không phải là Tổ Chức Phát Hành chứng quyền.

- “**Ngày Định Giá**” là bất kỳ ngày nào trong thời gian có hiệu lực của chứng quyền.

- “**Ngày Làm Việc**” có nghĩa là ngày không phải ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ kể cả nghỉ bù, mà vào ngày đó các ngân hàng mở cửa hoạt động kinh doanh bình thường tại Hà Nội.

- “**Ngày Đáo Hạn**” là ngày cuối cùng mà Người Sở Hữu Chứng Quyền được thực hiện chứng quyền.

- **“Giá Trị Ký Quỹ”** là giá trị của Tài Sản Ký Quỹ mà Tổ Chức Phát Hành cam kết dùng để làm Biện Pháp Bảo Đảm căn cứ theo Hợp Đồng này.

- **“Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu Tại Thời Điểm Chào Bán”** có nghĩa bằng **50%** Tổng giá trị Chứng Quyền tối đa dự kiến chào bán căn cứ trên Bản Cáo Bạch.

- **“Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu”** có nghĩa bằng **50%** Tổng giá trị Chứng Quyền đã phát hành và đăng ký phát hành.

- **“Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán”** nghĩa là (những) Thỏa thuận sửa đổi của Hợp Đồng này về cơ bản theo mẫu được quy định tại **Phụ Lục 4** (*Mẫu Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán*) sẽ được Tổ Chức Phát Hành và Ngân Hàng Lưu Ký ký kết và cung cấp căn cứ theo Hợp Đồng này.

- **“Tài Sản Ký Quỹ”** có nghĩa là tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành. Tài sản này không được dùng để ký quỹ, thế chấp, làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay hoặc nghĩa vụ tài chính khác của Tổ Chức Phát Hành hay bất cứ bên thứ ba nào khác.

- **“Tài Sản Ký Quỹ Bổ Sung”** có nghĩa được quy định tại Điều 2.4(a) (Điều Chính Biện Pháp Bảo Đảm).

- **“Tài Sản Ký Quỹ Rút Bớt”** có nghĩa được quy định tại Điều 2.4(b) (Điều Chính Biện Pháp Bảo Đảm).

- **“Tài Sản Ký Quỹ Thay Thế”** có nghĩa được quy định tại Điều 2.4(c) (Điều Chính Biện Pháp Bảo Đảm)

- **Tổng Giá Trị Chứng Quyền đã phát hành, đăng ký phát hành của Tổ Chức Phát Hành** (*không tính số chứng quyền đã hủy niêm yết hoặc đã đáo hạn*):

• **“Tổng Giá trị Chứng Quyền đăng ký phát hành”** = [Giá Đăng ký chào bán chứng quyền] x [Số lượng Chứng Quyền đăng ký chào bán]

• **“Tổng Giá trị Chứng Quyền đã phát hành”** = [Giá Chào bán (đối với chứng quyền chưa niêm yết)] x [Số lượng chứng quyền chưa niêm yết] + [Giá Đóng cửa của Chứng Quyền tại ngày giao dịch gần nhất (Đối với Chứng Quyền niêm yết)] x [Số lượng Chứng Quyền niêm yết]

- **“Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật”** có nghĩa là bất kỳ văn bản nào nêu tại Điều 4 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2015, và trong trường hợp các Điều này được sửa đổi hoặc bổ sung thì bao gồm cả bất kỳ văn bản nào sau này được định nghĩa là văn bản quy phạm pháp luật theo quy định sửa đổi hoặc bổ sung đó.

- **“VSDC”** nghĩa là Tổng Công ty Lưu Ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam.

1.2. Giải thích

(a) Các thuật ngữ viết hoa được sử dụng nhưng không định nghĩa trong Hợp Đồng này sẽ có nghĩa tương tự như trong Bản Cáo Bạch chào bán Chứng Quyền.

(b) Trừ khi có quy định khác đi, dẫn chiếu trong Hợp Đồng này đến:

(i) Những từ chỉ số ít sẽ bao gồm cả từ số nhiều và ngược lại;

(ii) Bên hoặc bất cứ người nào khác sẽ được hiểu là bao gồm cả bên kế nhiệm hoặc bên nhận chuyển nhượng hợp pháp của bên đó;

(iii) **Các tài sản** bao gồm cả các tài sản, doanh thu và các quyền dưới mọi hình thức ở hiện tại và trong tương lai;

(iv) Thuật ngữ **Biện Pháp Bảo Đảm** này nghĩa là bất kỳ biện pháp bảo đảm nào được tạo lập bằng Hợp Đồng này;

(v) Một Điều, một Khoản, một Đoạn, hoặc một Phụ Lục được hiểu là các dẫn chiếu tới điều, khoản, đoạn hoặc một phụ lục của Hợp Đồng này;

(vi) Một loại tiền tệ là dẫn chiếu đến loại tiền tệ hợp pháp đang lưu hành tại quốc gia có liên quan;

(vii) Một người sẽ được hiểu là bao gồm cả cá nhân, doanh nghiệp, công ty, chính phủ, nhà nước hoặc cơ quan nhà nước hoặc công ty liên doanh, hiệp hội, công ty hợp danh, hội đồng hoặc tổ chức đại diện cho người lao động (cho dù có phải là một pháp nhân riêng rẽ hay không);

(viii) Một bên kế nhiệm sẽ được hiểu là bao gồm một bên nhận chuyển nhượng hoặc kế nhiệm quyền của bên đó và bất cứ người nào mà theo luật pháp nơi người đó được thành lập hoặc cư trú, tiếp nhận quyền và nghĩa vụ của bên đó theo Hợp Đồng này hoặc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ cho bên đó;

(ix) Một quy định pháp luật là dẫn chiếu đến quy định đã được sửa đổi hoặc thay thế;

(x) Hợp Đồng này hoặc bất cứ văn bản nào khác là dẫn chiếu đến Hợp Đồng này hoặc văn bản khác đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế;

(xi) Trừ khi có quy định khác đi, thời gian của ngày là dẫn chiếu đến thời gian tại Hà Nội, Việt Nam; và

(xii) Một văn bản sửa đổi bao gồm văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. CHỈ ĐỊNH NGÂN HÀNG LƯU KÝ VÀ TẠO LẬP BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM

2.1 Chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký

(a) Bằng Hợp Đồng này, Tổ Chức Phát Hành chỉ định và Ngân Hàng Lưu Ký đồng ý với

(i) việc chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký là ngân hàng thực hiện việc lưu giữ và quản lý tài sản do Tổ Chức Phát Hành ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các Chứng Quyền đã phát hành và

(ii) các nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền, thẩm quyền và quyền quyết định được quy định cụ thể cho Ngân Hàng Lưu Ký theo quy định tại Hợp Đồng này

(b) Việc chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký quy định tại Điều 2.1(a) ở trên là chỉ định duy nhất và chừng nào việc chỉ định đó vẫn còn hiệu lực và không bị chấm dứt theo Hợp Đồng này thì Tổ Chức Phát Hành sẽ không chỉ định hay giao cho người khác cung cấp dịch vụ liên quan đến Chứng Quyền tương tự như dịch vụ Ngân Hàng Lưu Ký sẽ cung cấp theo Hợp Đồng này.

2.2 Tạo lập Biện Pháp Bảo Đảm

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán kịp thời, đầy đủ khi đến hạn các nghĩa vụ đang tồn tại hoặc sẽ phát sinh trong tương lai của Tổ Chức Phát Hành đối với Người Sở Hữu Chứng Quyền theo Bản Cáo Bạch, Tổ Chức Phát Hành đồng ý ký quỹ tại Ngân Hàng Lưu Ký tất cả các Tài Sản Ký Quỹ của Tổ Chức Phát Hành với thông tin chi tiết của Tài Sản Ký Quỹ và Giá Trị Ký Quỹ tại ngày ký Hợp Đồng này được nêu tại **Phụ Lục 2** của Hợp Đồng này và tại từng thời điểm sau này như được cập nhật tại Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán.

2.3 Phương pháp xác định giá trị Tài Sản Ký Quỹ

a) Loại tài sản (bao gồm nhưng không giới hạn các tài sản sau dưới đây):

(i) Ngoại tệ: Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của BIDV tại Ngày Làm Việc liền kề trước Ngày Định Giá. Các loại ngoại tệ Ngân Hàng Lưu Ký nhận làm tài sản ký quỹ bao gồm: *(Chi nhánh thỏa thuận với khách hàng về các loại ngoại tệ nhận làm tài sản bảo đảm)*

(ii) Tiền gửi không kỳ hạn: Số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán tại thời điểm định giá của Ngày Định Giá.

(iii) Tiền gửi có kỳ hạn (Hợp đồng tiền gửi/ Chứng chỉ tiền gửi): Giá trị tiền gửi trừ đi lãi đã được thanh toán tính tới ngày trước Ngày định giá

b) Tổ Chức Phát Hành bảo đảm rằng Giá Trị Ký Quỹ được xác định theo quy định tại Hợp Đồng này. Tại thời điểm sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy Chứng Nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm đối với Chứng Quyền, Giá Trị Ký Quỹ được xác định tối thiểu bằng Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu Tại Thời Điểm Chào Bán. Tại thời điểm sau khi Tổ Chức Phát Hành ban hành thông báo phát hành Chứng Quyền và trong suốt thời gian có hiệu lực của chứng quyền, Giá Trị Ký Quỹ không thấp hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu.

2.4 Điều Chỉnh Biện Pháp Bảo Đảm

(a) Trong trường hợp Giá Trị Ký Quỹ thấp hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu thì trong vòng 24 giờ kể từ khi phát hiện Giá Trị Ký Quỹ thấp hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu, Ngân Hàng Lưu Ký sẽ gửi văn bản thông báo cho Tổ Chức Phát Hành để tiến hành các thủ tục bổ sung Tài Sản Ký Quỹ. Tổ Chức Phát Hành sẽ, trong thời gian sớm nhất có thể ký và cung cấp:

(i) Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán

(ii) Bất kỳ tài liệu nào theo quy định của pháp luật để thể chấp, bổ sung Tài Sản Ký Quỹ Bổ Sung thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành, phù hợp với các cam đoan nêu tại Hợp Đồng này ("**Tài Sản Ký Quỹ Bổ Sung**").

Tùng Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán sẽ được bao gồm trong Hợp Đồng này và tạo thành một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này.

(b) Trường hợp Giá Trị Ký Quỹ cao hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu, Tổ Chức Phát Hành có quyền yêu cầu rút bớt Tài Sản Ký Quỹ bằng cách gửi yêu cầu bằng văn bản tới Ngân Hàng Lưu Ký nếu được Ngân Hàng Lưu Ký đồng ý. Trong vòng ba (03) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được yêu cầu từ Tổ Chức Phát Hành, Ngân Hàng Lưu Ký và Tổ Chức Phát Hành sẽ ký Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán để rút bớt số Tài Sản Ký Quỹ vượt quá đó ("**Tài Sản Ký Quỹ Rút Bớt**") cho Tổ Chức Phát Hành sao cho Giá Trị Ký Quỹ sau khi được rút bớt như vậy tối thiểu phải bằng Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu. Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán đó sẽ là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này.

(c) Tổ Chức Phát Hành có thể yêu cầu thay thế bất cứ Tài Sản Ký Quỹ nào bằng Tài Sản Ký Quỹ khác thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành, phù hợp với các cam đoan nêu tại Hợp Đồng này ("**Tài Sản Ký Quỹ Thay Thế**") bằng cách gửi văn bản tới Ngân Hàng Lưu Ký nếu được Ngân Hàng Lưu Ký đồng ý. Nếu Giá Trị Ký Quỹ sau khi được thay thế tối thiểu bằng Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu, Ngân Hàng Lưu Ký và Tổ Chức Phát Hành ký Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán trong vòng năm (03) Ngày Làm Việc kể từ khi nhận được yêu cầu đề nghị thay thế Tài sản Ký Quỹ của Tổ Chức Phát Hành. Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán đó sẽ là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này. Việc thay thế Tài Sản Ký Quỹ bằng Tài Sản Ký Quỹ Thay Thế trong mọi trường hợp phải bảo đảm nguyên tắc, các thủ

tục ký quỹ, thế chấp và phong tỏa Tài Sản Ký Quỹ Thay Thế phải hoàn thành trước khi Tài Sản Ký Quỹ được giải tỏa.

(d) Trường hợp Tổ Chức Phát Hành thực hiện phát hành bổ sung chứng quyền thì phải bổ sung Tài Sản Ký Quỹ phù hợp với quy định tại Hợp Đồng này, BIDV thực hiện phong tỏa phần tài sản bảo đảm thanh toán bổ sung và ký Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán.

(e) Trường hợp Tổ Chức Phát Hành phải hủy niêm yết một phần chứng quyền chưa lưu hành theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành, Ngân Hàng Lưu Ký thực hiện điều chỉnh rút bớt Tài Sản Ký Quỹ tương tự như mục 2.4(b) trên đây.

3. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

3.1 Nghĩa vụ:

(a) Thực hiện Hợp Đồng này, các Thỏa Thuận Sửa Đổi và các văn bản khác có liên quan đến Chứng Quyền (nếu có).

(b) Thực hiện ký quỹ Tài Sản Ký Quỹ để bảo đảm khả năng thanh toán cho đợt phát hành Chứng Quyền và duy trì Giá Trị Ký Quỹ tối thiểu **50 %** Tổng Giá Trị Chứng Quyền Đã Phát Hành, không tính số Chứng Quyền đã hủy niêm yết;

(c) Khi có sự thay đổi bất kỳ liên quan đến giá trị Tài Sản Ký Quỹ của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm thông báo cho Ngân Hàng Lưu Ký để Ngân Hàng Lưu Ký thực hiện nghĩa vụ báo cáo các cơ quan chức năng có liên quan;

(d) Ngay khi có yêu cầu của Ngân Hàng Ký Quỹ, Tổ Chức Phát Hành thực hiện ký quỹ bổ sung để đáp ứng Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu theo quy định của pháp luật và Hợp Đồng này;

(e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này và quy định của pháp luật.

3.2 Quyền hạn:

(a) Tổ Chức Phát Hành được thực hiện mọi quyền, quyền hạn, thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận số dư tài sản ký quỹ trong phạm vi phù hợp với quy định của pháp luật và Hợp Đồng này.

(b) Được Bên B hoàn trả Tài Sản Ký Quỹ sau khi trừ Phí dịch vụ và số tiền Bên B đã thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền (nếu có);

(c) Được Bên B bồi thường đối với những thiệt hại mà Tổ Chức Phát Hành phải gánh chịu phát sinh từ hành vi vi phạm Hợp Đồng của Bên B gây ra;

4. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA NGÂN HÀNG LƯU KÝ

4.1 Nghĩa vụ:

(a) Thực hiện Hợp Đồng này, các Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán và các văn bản khác có liên quan đến Chứng Quyền (nếu có).

(b) Lưu giữ Tài Sản Ký Quỹ của Tổ Chức Phát Hành; quản lý tách biệt Tài Sản Ký Quỹ với tài sản khác của Tổ Chức Phát Hành và các tài sản khác của Ngân Hàng Lưu Ký;

(c) Phong tỏa Tài Sản Ký Quỹ của Tổ Chức Phát Hành;

(d) Cho phép Tổ Chức Phát Hành thực hiện rút Tài Sản Ký Quỹ Rút Bớt, thay thế Tài Sản Ký Quỹ Thay Thế theo thỏa thuận tại Điều 2.4 Hợp đồng này;

(e) Hoàn trả Tài sản ký quỹ cho Tổ Chức Phát Hành sau khi trừ Phí dịch vụ và số tiền Ngân Hàng Lưu Ký đã thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền (nếu có)

(f) Thực hiện hoạt động thu, chi, thanh toán và chuyển giao tiền liên quan đến hoạt động của Tổ Chức Phát Hành theo yêu cầu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và Tổng Công ty Lưu Ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam;

(g) Kịp thời thông báo cho Tổ Chức Phát Hành ngay khi phát sinh trường hợp Giá Trị Ký Quỹ, như được xác định theo quy định tại Điều 2.3 Hợp Đồng này thấp hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu.

(h) Xác nhận báo cáo do Tổ Chức Phát Hành lập có liên quan đến Tài Sản Ký Quỹ;

(i) Định kỳ đánh giá việc tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm và nhiệm vụ của Tổ Chức Phát Hành về việc duy trì Tài Sản Ký Quỹ.

(j) Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi phát hiện Tổ Chức Phát Hành vi phạm quy định của pháp luật liên quan đến việc ký quỹ bảo đảm thanh toán cho Chứng Quyền;

(k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này và quy định của pháp luật.

4.2 Quyền hạn:

(a) Ngân Hàng Lưu Ký được thực hiện mọi quyền, quyền hạn, thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận số dư Tài Sản Ký Quỹ trong phạm vi phù hợp với quy định của pháp luật và Hợp Đồng này.

(b) Ngân Hàng Lưu Ký được định giá hoặc bằng chi phí do Ngân Hàng Lưu Ký chịu để yêu cầu bên thứ ba định giá Giá Trị Ký Quỹ theo quy định tại Điều 2.3 Hợp Đồng này.

(c) Được thu giá dịch vụ liên quan đến chứng quyền theo quy định pháp luật.

5. CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Tổ Chức Phát Hành cam đoan và bảo đảm với Ngân Hàng Lưu Ký rằng các tuyên bố và khẳng định dưới đây là chính xác và không gây nhầm lẫn:

5.1 Tư Cách Pháp Nhân

(a) Tổ Chức Phát Hành

(i) là một công ty cổ phần được thành lập hợp lệ và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam,

(ii) đã được cấp mọi giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận phải có theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam để Tổ Chức Phát Hành tiến hành hoạt động kinh doanh của mình. Tổ Chức Phát Hành đã tuân thủ các giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận đó về mọi khía cạnh trọng yếu. Các giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận đó đều còn đầy đủ hiệu lực và Tổ Chức Phát Hành chưa nhận được bất kỳ thông báo nào về việc thu hồi hay sửa đổi bất kỳ giấy phép, đăng ký, phê chuẩn hay chấp thuận nào như vậy và

(iii) có quyền hạn và năng lực để ký kết Hợp Đồng này, tạo lập bất kỳ Biện Pháp Bảo Đảm nào và thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định tại Hợp Đồng này.

(b) Các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo quy định tại Hợp Đồng này cấu thành nghĩa vụ hợp pháp, hợp lệ, ràng buộc và có khả năng thi hành đối với Tổ Chức Phát Hành theo các điều khoản của Hợp Đồng này. Tổ Chức Phát Hành có đầy đủ quyền, quyền hạn, thẩm quyền và đã thực hiện các thủ tục và đạt được các chấp thuận nội bộ cần thiết phù hợp với Điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Tổ Chức Phát Hành để ký kết và thực hiện Hợp Đồng này.

5.2 Tài Sản Ký Quỹ

(a) Tại thời điểm ký kết Hợp Đồng này, việc bảo đảm, thế chấp, ký quỹ, chuyển nhượng Tài Sản Ký Quỹ theo Hợp Đồng này không bị cấm theo quy định của pháp luật hiện hành.

(b) Tài Sản Ký Quỹ thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành và đang không có bất kỳ tranh chấp về quyền sở hữu đối với Tài Sản Ký Quỹ; theo quy định của pháp luật Tổ Chức Phát Hành có toàn quyền sử dụng để ký quỹ bảo đảm thực hiện nghĩa vụ tại Ngân Hàng Lưu Ký.

Tổ Chức Phát Hành không ký bất kỳ thỏa thuận hoặc cam kết nào liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu bất kỳ Tài Sản Ký Quỹ nào theo bất kỳ hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu nào hoặc theo bất kỳ thỏa thuận/hợp đồng nào có hiệu lực tương tự. Tại thời điểm ký

kết Hợp Đồng này, các Tài Sản Ký Quỹ đang không bị niêm phong, phong tỏa, đóng băng hoặc kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác.

Trong trường hợp một phần giá trị của Tài Sản Ký Quỹ đang bảo đảm cho một nghĩa vụ ký quỹ bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền khác của Tổ Chức Phát hành thì Ngân Hàng Lưu Ký chấp nhận sử dụng phần giá trị của Tài Sản Ký Quỹ còn lại để thực hiện ký quỹ bảo đảm thanh toán cho Chứng Quyền này.

(c) Tài Sản Ký Quỹ hiện không sử dụng ký quỹ, bị cầm giữ, bảo lưu quyền sở hữu dưới bất kỳ hình thức nào để đảm bảo cho bất kỳ một nghĩa vụ nào khác.

(d) Tài Sản Ký Quỹ không thuộc đối tượng bị trưng thu, trưng dụng, thu hồi hoặc bị kê biên để thi hành bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài nhằm thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành với bên thứ ba. Không có sự kiện nào ảnh hưởng đến hiệu lực và khả năng thi hành đối với các Tài Sản Ký Quỹ.

(e) Tài Sản Ký Quỹ sẽ vẫn được hưởng lãi và các quyền lợi khác phát sinh theo các nội dung quy định tại Hợp đồng tiền gửi/Hợp đồng chứng chỉ tiền gửi mà Tổ Chức Phát Hành đã ký với Ngân Hàng Lưu Ký.

(f) Tổ Chức Phát Hành không có bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào đối với Nhà nước hoặc bên thứ ba liên quan đến việc sở hữu, sử dụng Tài Sản Ký Quỹ.

(g) Không có bất kỳ thủ tục tố tụng, thủ tục trọng tài hoặc thủ tục xử lý hành chính nào đang diễn ra, đang chờ giải quyết liên quan đến Tổ Chức Phát Hành và Tài Sản Ký Quỹ.

(h) Ngân Hàng Lưu Ký được toàn quyền phong tỏa toàn bộ số dư tiền gửi theo bảng liệt kê tại **Phụ Lục 2** Hợp Đồng này để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Hợp Đồng này.

(i) Trong suốt thời hạn có hiệu lực của Chứng Quyền, Tổ Chức Phát Hành không được:

- Tạo lập hoặc cho phép tồn tại bất kỳ Biện Pháp Bảo Đảm nào đối với bất kỳ Tài Sản Ký Quỹ nào;

- Bán, chuyển nhượng, chuyển giao hoặc định đoạt theo hình thức khác bất kỳ Tài Sản Ký Quỹ nào;

- Thực hiện, hoặc chấp thuận, bất kỳ công việc gì mà theo dự kiến hợp lý là có thể ảnh hưởng đến toàn bộ hoặc một phần hiệu lực của bất kỳ Biện Pháp Bảo Đảm nào theo quy định tại Hợp Đồng này; hoặc

- Thực hiện hoặc cho phép một bên khác thực hiện bất kỳ công việc gì mà theo dự kiến hợp lý là có thể có ảnh hưởng bất lợi nghiêm trọng đến các quyền, quyền lợi và lợi

ích của Ngân Hàng Lưu Ký đối với Tài Sản Ký Quỹ hoặc khả năng thi hành toàn bộ hoặc một phần của bất kỳ Biện Pháp Bảo Đảm nào theo quy định tại Hợp Đồng này, trừ khi có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5.3 Tính chất của biện pháp bảo đảm

Hợp Đồng này tạo lập những Biện Pháp Bảo Đảm và không thể bị sửa đổi, hủy bỏ hoặc bác bỏ khi Tổ Chức Phát Hành bị thanh lý, giải thể hoặc trong mọi trường hợp khác.

5.4 Thời điểm đưa ra cam đoan và bảo đảm

(a) Các cam đoan và bảo đảm được quy định tại Hợp Đồng này (bao gồm cả trong Điều này) được Tổ Chức Phát Hành đưa ra vào ngày ký Hợp Đồng này.

(b) Trừ trường hợp một cam đoan và bảo đảm được quy định rõ là phải được đưa ra vào một ngày cụ thể, từng cam đoan và bảo đảm theo quy định tại Hợp Đồng này được xem là được Tổ Chức Phát Hành đưa ra bằng cách tham chiếu đến những sự kiện và hoàn cảnh tồn tại tại thời điểm đó vào mỗi ngày trong suốt Thời Hạn Bảo Đảm.

6. PHÍ VÀ CHI PHÍ

(a) Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán cho Ngân Hàng Lưu Ký khoản phí liên quan đến các công việc và nhiệm vụ mà Ngân Hàng Lưu Ký thực hiện theo Hợp Đồng này ("**Phí dịch vụ**") với mức phí cụ thể được quy định tại **Phụ lục 3** đính kèm Hợp Đồng này.

(b) Liên quan đến bất kỳ công việc hay dịch vụ nào mà Ngân Hàng Lưu Ký có thể cung cấp cho các bên khác (không phải Tổ Chức Phát Hành) liên quan đến Chứng Quyền, với điều kiện là việc thực hiện các công việc hay dịch vụ này không gây tổn hại hoặc có ảnh hưởng bất lợi, đối với các quyền của Tổ Chức Phát Hành phát sinh theo Hợp Đồng này, Ngân Hàng Lưu Ký có quyền áp dụng và giữ lại cho mình tất cả các khoản phí mà các bên đó phải thanh toán cho Ngân Hàng Lưu Ký.

(c) Mọi khoản phí và chi phí khác mà Ngân Hàng Lưu Ký phải gánh chịu hoặc chi trả hợp lý cho bên thứ ba với sự đồng ý trước bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành để thực hiện các nghĩa vụ hay công việc quy định trong Hợp Đồng này (nếu có) sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán (hoặc bồi hoàn) cho Ngân Hàng Lưu Ký vào ngày 28 của tháng gần nhất (hoặc ngày làm việc ngay sau đó nếu ngày 28 của tháng đó không phải là một Ngày Làm Việc) kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được các hóa đơn, bằng chứng hợp lệ từ Ngân Hàng Lưu Ký.

7. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

7.1 Trách nhiệm của Tổ Chức Phát Hành.

Tổ Chức Phát Hành sẽ bồi thường và bồi hoàn cho Ngân Hàng Lưu Ký mọi tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm, phạt vi phạm, chi phí và phí tổn mà Ngân Hàng Lưu Ký phải gánh

chịu trên thực tế và trực tiếp liên quan đến hoặc phát sinh từ việc Tổ Chức Phát Hành có hành vi lừa dối hoặc vi phạm bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng này.

7.2 Trách nhiệm của Ngân Hàng Lưu Ký

Ngân Hàng Lưu Ký không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Tổ Chức Phát Hành trừ trường hợp Ngân Hàng Lưu Ký thực hiện các công việc vi phạm bất kỳ quy định nào tại Hợp Đồng này, khi đó Ngân Hàng Lưu Ký có nghĩa vụ bồi thường và bồi hoàn mọi tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm, phạt vi phạm, phí và phí tổn mà Tổ Chức Phát Hành phải gánh chịu trên thực tế và trực tiếp phát sinh từ hành vi thực hiện các công việc trái với quy định tại Hợp Đồng này với tổng mức bồi thường thiệt hại không quá mức Phí dịch vụ mà BIDV đã nhận. Ngoài ra, Tổ Chức Phát Hành công nhận và đồng ý rằng:

(a) Ngân Hàng Lưu Ký không có bất kỳ trách nhiệm, nghĩa vụ hay nhiệm vụ nào ngoài các công việc và nghĩa vụ được quy định rõ ràng trong Hợp Đồng này.

(b) Ngân Hàng Lưu Ký không phải thực hiện bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà trái với bất kỳ quy định nào của pháp luật, quyết định, phán quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hay quy chế của Tổng Công ty Lưu Ký và Bộ trừ Chứng Khoán Việt Nam hoặc Sở Giao Dịch Chứng Khoán. Trong trường hợp này, Ngân Hàng Lưu Ký có trách nhiệm thông báo cho Tổ Chức Phát Hành trước 02 Ngày Làm Việc, kể từ khi không/dừng thực hiện các công việc theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này.

8. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT

8.1 Việc chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký sẽ chấm dứt khi:

(a) Giao dịch phát hành Chứng Quyền của Tổ Chức Phát Hành bị hủy bỏ hoặc không có Chứng Quyền nào được Tổ Chức Phát Hành phát hành trong tối đa 15 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận Chào bán Chứng quyền có hiệu lực và Ngân Hàng Lưu Ký đã hoàn thành việc giải chấp Tài Sản Ký Quỹ theo Điều 9. Trường hợp này, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi thông báo cho Ngân Hàng Lưu Ký về việc chấm dứt chỉ định hoặc;

(b) Khi có lý do khách quan vượt quá tầm kiểm soát của Ngân Hàng Lưu Ký dẫn đến Ngân Hàng Lưu Ký không thể tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng này và Ngân Hàng Lưu Ký có đề nghị chấm dứt hợp đồng bằng văn bản gửi Tổ Chức Phát Hành. Ngân Hàng Lưu Ký chỉ chấm dứt hợp đồng khi Tổ Chức Phát Hành chỉ định được Ngân Hàng Lưu Ký Thay Thế. Trường hợp này Ngân Hàng Lưu Ký sẽ hoàn trả Tổ Chức Phát Hành số Phí dịch vụ mà Ngân Hàng Lưu Ký đã nhận (*tính trên số tiền mà Ngân Hàng Lưu Ký nhận được theo Hợp Đồng này*) tương ứng với khoảng thời gian mà Ngân Hàng Lưu Ký không phải thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng này tính từ ngày chấm dứt cho tới Ngày Đáo Hạn Chứng Quyền.

(c) Khi Tổ Chức Phát Hành chỉ định được Ngân Hàng Lưu Ký Thay Thế, Tổ Chức Phát Hành gửi văn bản thông báo đến Ngân Hàng Lưu Ký, Ngân Hàng Lưu Ký hoàn trả

Phí dịch vụ theo Điều 8.1(b) trên đây, giải chấp Tài Sản Ký Quỹ và thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết khác để chuyển giao lại quyền, nghĩa vụ cho Ngân Hàng Lưu Ký Thay Thế.

8.2 Hợp Đồng này có hiệu lực từ ngày ký và bị chấm dứt khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây:

(a) Chấm dứt trong trường hợp việc chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký chấm dứt theo quy định tại Điều 8.1 Hợp Đồng này.

(b) Khi các Chứng Quyền được mua lại toàn bộ theo Bản Cáo Bạch hoặc mọi nghĩa vụ thanh toán theo Chứng Quyền đã được thực hiện đầy đủ.

(c) Theo thỏa thuận của Các Bên.

(d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

9. GIẢI CHẤP TÀI SẢN KÝ QUỸ

9.1 Theo đề nghị bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành, Ngân Hàng Lưu Ký sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để giải chấp các Tài Sản Ký Quỹ trong các trường hợp sau:

a) Đợt chào bán Chứng Quyền của Tổ Chức Phát Hành bị hủy bỏ;

b) Không có Chứng Quyền nào được Tổ Chức Phát Hành tạo lập và phát hành sau 15 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền cấp bởi Ủy ban Chứng khoán nhà nước có hiệu lực;

c) Chứng quyền bị hủy niêm yết;

d) Vào một ngày sau Ngày Đáo Hạn, trường hợp chứng quyền không có lãi, Tổ Chức Phát Hành không có nghĩa vụ phải thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền;

e) Vào một ngày sau Ngày Đáo Hạn, trường hợp chứng quyền có lãi,

- Hoặc Ngân Hàng Lưu Ký nhận được văn bản xác nhận của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước hoặc Tổng Công ty Lưu Ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam hoặc Sở



Giao Dịch chứng khoán việc Tổ Chức Phát Hành đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền

- Hoặc Tổ Chức Phát Hành cung cấp cho Ngân Hàng Lưu Ký hồ sơ chứng minh được việc Tổ Chức Phát Hành đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền và được Ngân Hàng Lưu Ký chấp thuận.

f) Tổ Chức Phát Hành sử dụng Tài Sản Ký Quỹ tại Ngân Hàng Lưu Ký theo Hợp đồng này để thực hiện quyền cho Người Sở Hữu Chứng Quyền.

9.2 Thủ tục giải toả

Tổ Chức Phát Hành gửi Ngân Hàng Lưu Ký Giấy đề nghị giải toả Tài Sản Ký Quỹ và các tài liệu, hồ sơ cần thiết liên quan đến thủ tục giải toả, đảm bảo tuân thủ các quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và/hoặc Tổng Công ty Lưu Ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam.

10. THÔNG BÁO

(a) Bất kỳ thông tin liên lạc nào liên quan đến Hợp Đồng này phải lập thành văn bản và, trừ khi được quy định khác đi, có thể được đưa ra:

(i) Bằng cách giao tận tay, bằng đường bưu điện, hoặc bằng fax; hoặc

(ii) Trong phạm vi được đồng ý bởi Các Bên đưa ra và nhận thông tin liên lạc, bằng thư điện tử hoặc các phương tiện truyền dữ liệu điện tử khác.

(b) Vì mục đích của Hợp Đồng này, thông tin liên lạc bằng phương tiện điện tử sẽ được xem như được lập thành văn bản.

(c) Chi tiết thông tin liên lạc của Các Bên để nhận tất cả các thông báo liên quan đến Hợp Đồng này như sau:

| | | |
|----------------------------------|---|--|
| <u>Gửi đến Tổ Chức Phát Hành</u> | : | Công ty chứng khoán VietCap
Địa Chỉ: Tầng 15 Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, HCM
Người Nhận: Đoàn Minh Thiện
Email: thien.doanminh@vietcap.com.vn
Điện Thoại: 0907156079
Fax: |
|----------------------------------|---|--|

| | | |
|-------------------------------------|---|--|
| <u>Gửi đến Ngân
Hàng Lưu Ký</u> | : | Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Địa Chỉ: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCOT số 66, 68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Người nhận: Vũ Hoàng
Email: hoangv@bidv.com.vn
Điện Thoại: (028) 38218812 ext 670
Fax: (028) 39144714 |
|-------------------------------------|---|--|

hoặc theo địa chỉ khác được một Bên thông báo bằng văn bản cho Các Bên còn lại trước 03 ngày làm việc, kể từ ngày dự kiến thay đổi.

(d) Trừ khi được quy định dưới đây, bất kỳ thông tin liên lạc nào liên quan đến Hợp Đồng này sẽ được xem là đã được đưa ra như sau:

- (i) Nếu bằng cách giao tận tay, tại thời điểm chuyển giao;
- (ii) Nếu bằng đường bưu điện, khi nhận được;
- (iii) Nếu bằng fax, thư điện tử hoặc bất kỳ phương tiện truyền dữ liệu điện tử nào khác khi nhận được dưới hình thức có thể đọc được.

(e) Thông tin liên lạc được đưa ra theo đoạn (d) nêu trên nhưng được nhận vào một ngày không phải Ngày Làm Việc hoặc sau giờ làm việc tại nơi nhận sẽ chỉ được xem như được đưa ra vào Ngày Làm Việc tiếp theo tại nơi đó.

(f) Bất kỳ thông báo nào được đưa ra liên quan đến Hợp Đồng này phải được lập bằng tiếng Việt.

11. SỬA ĐỔI

Hợp Đồng này chỉ có thể được sửa đổi nếu việc sửa đổi đó được lập thành văn bản có chữ ký của người đại diện hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành và Ngân Hàng Lưu Ký.

12. THAY ĐỔI CÁC BÊN

(a) Không Bên nào được chuyển giao hoặc chuyển nhượng bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này khi chưa được Bên còn lại chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ việc chuyển giao hoặc chuyển nhượng hoặc kế nhiệm được phép theo Hợp Đồng này liên quan đến bất kỳ Bên nào.

(b) Hợp Đồng này có hiệu lực ràng buộc đối với các bên kế nhiệm tương ứng và các bên nhận chuyển nhượng được phép hoặc các bên nhận chuyển giao được phép của các bên giao kết Hợp Đồng này và các bên kế nhiệm tương ứng và các bên nhận chuyển nhượng

được phép hoặc các bên nhận chuyển giao được phép đó được quyền hưởng lợi ích và có các nghĩa vụ theo quy định của Hợp Đồng này.

13. BẤT KHẢ KHÁNG

13.1 “Sự kiện bất khả kháng” có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi thiên tai, chiến tranh, hành động của chính quyền dân sự hoặc quân sự, cấm vận, trừng phạt, cháy, lũ lụt, nổ, tai nạn, việc cung cấp điện hoặc các tiện ích hoặc các dịch vụ khác bị gián đoạn, việc ban hành luật, sắc lệnh, quy định hoặc chỉ thị của chính phủ, cơ quan có thẩm quyền, cơ quan xuyên quốc gia hoặc phán quyết của toà án hay trọng tài và bất kỳ lý do nào khác mà vượt quá sự kiểm soát của Ngân Hàng Lưu Ký.

13.2 Ngân Hàng Lưu Ký sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với Tổ Chức Phát Hành về bất kỳ hành động phải thực hiện mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, cản trở hoặc chậm trễ trong việc cung cấp dịch vụ theo Hợp Đồng này hoặc việc thực hiện toàn bộ hay một phần nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này, nếu bất kỳ hành động phải thực hiện mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, việc cản trở hoặc chậm trễ là do sự kiện vượt quá sự kiểm soát của mình, xảy ra do khách quan dù Ngân Hàng Lưu Ký đã áp dụng các biện pháp cần thiết cũng như đã sử dụng các khả năng được phép mà vẫn không khắc phục được Sự kiện bất khả kháng.

13.3 Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, Ngân Hàng Lưu Ký phải thông báo cho với Tổ Chức Phát Hành và phải có nghĩa vụ áp dụng các biện pháp hợp lý để có thể giảm thiểu tổn thất mà Tổ Chức Phát Hành phải chịu do sự kiện bất khả kháng đó gây ra. Sau khi sự kiện bất khả kháng được chấm dứt, với điều kiện là Hợp Đồng này vẫn còn hiệu lực, thì Ngân Hàng Lưu Ký vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Hợp Đồng này.

13.4 Tổ Chức Phát Hành sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với Ngân Hàng Lưu Ký về bất kỳ hành động phải thực hiện mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, cản trở hoặc chậm trễ trong việc thực hiện các công việc như được nêu tại Hợp đồng này

hoặc việc không thực hiện toàn bộ hay một phần nghĩa vụ của mình nếu việc vi phạm đó là do Sự kiện bất khả kháng.

14. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

14.1 Hợp Đồng này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

14.2 Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này, Bản Cáo Bạch Chứng Quyền, bao gồm bất kỳ nghi vấn nào liên quan đến sự tồn tại, hiệu lực hoặc chấm dứt của Hợp Đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung Tâm Trọng Tài Quốc

Tổ Việt Nam bên cạnh Phòng Thương Mại Và Công Nghiệp Việt Nam (“VIAC”) theo Quy Tắc Tổ Tụng Trọng Tài của VIAC. Địa điểm tiến hành thủ tục trọng tài là Thành Phố Hồ Chí Minh. Ngôn ngữ sử dụng trong tổ tụng trọng tài là Tiếng Việt.

15. NGÔN NGỮ

Hợp đồng này được lập thành 03 bản bằng tiếng Việt có giá trị như nhau. Tổ Chức Phát Hành giữ 01 bản gốc, Ngân Hàng Lưu Ký giữ 01 bản gốc, và Tổ Chức Phát Hành nộp Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước 01 bản gốc.

HỢP ĐỒNG NÀY đã được ký kết và cung cấp vào ngày được nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này.

(Lưu ý: Trong trường hợp cụ thể, đối với một số khách hàng cụ thể, Chi nhánh giao kết Hợp đồng có thể bổ sung, đàm phán với khách hàng để bổ sung một số nội dung của Hợp đồng nhưng phải đảm bảo bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích của BIDV và tuân thủ pháp luật)

CÁC BÊN KÝ KẾT

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



NGUYỄN MINH THIÊN
Chức Tổng Giám Đốc

NGÂN HÀNG LƯU KÝ



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Châu

SAO Y BẢN CHÍNH

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 10 tháng 08 năm 2026
CN. NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN - NKKN

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thụy Hoàng Anh

PHỤ LỤC 1
THÔNG TIN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(kèm theo Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán số 01/2026/TT/BIDV-VIETCAP ngày 18/08/2026)

| Mã chứng quyền | Mã chứng khoán cơ sở | Loại chứng quyền | Phương thức thanh toán | Kiểu chứng quyền | Thời hạn | Tỷ lệ chuyển đổi | SL CW phát hành | Giá chào bán tối đa (VNĐ/CW) | Giá chào bán tối đa (VNĐ/CW) | Số tài khoản nhận tiền đặt mua | Số tiền ký quỹ ban đầu (VNĐ) |
|---------------------------|----------------------|------------------|------------------------|--|----------|------------------|-----------------|------------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------------|
| ACB/VIETCAP/M/Au/T/7M/A6 | ACB | Chứng quyền mua | Tiền mặt | Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn. | 7 tháng | 2:1 | 6.600.000 | 1,000 | 2,000 | 119.049.1282 | 6,600,000,000 |
| FPT/VIETCAP/M/Au/T/7M/A9 | FPT | | | | | 8:1 | 6.600.000 | 1,000 | 2,000 | 119.036.9732 | 6,600,000,000 |
| HPG/VIETCAP/M/Au/T/7M/A9 | HPG | | | | | 2:1 | 6.600.000 | 1,000 | 2,000 | 119.049.1291 | 6,600,000,000 |
| MBB/VIETCAP/M/Au/T/7M/A8 | MBB | | | | | 2:1 | 6.600.000 | 1,000 | 2,000 | 864.001.9110 | 6,600,000,000 |
| MSN/VIETCAP/M/Au/T/7M/A9 | MSN | | | | | 6:1 | 6.600.000 | 1,000 | 2,000 | 119.046.6253 | 6,600,000,000 |
| MWG/VIETCAP/M/Au/T/7M/A11 | MWG | | | | | 7:1 | 6.600.000 | 1,000 | 2,000 | 119.046.6262 | 6,600,000,000 |
| STB/VIETCAP/M/Au/T/7M/A8 | STB | | | | | 3:1 | 6.600.000 | 1,000 | 2,000 | 862.002.5012 | 6,600,000,000 |
| TCB/VIETCAP/M/Au/T/7M/A8 | TCB | | | | | 3:1 | 6.600.000 | 1,000 | 2,000 | 864.002.5013 | 6,600,000,000 |
| VNM/VIETCAP/M/Au/T/7M/A7 | VNM | | | | | 5:1 | 6.600.000 | 1,000 | 2,000 | 119.049.8742 | 6,600,000,000 |
| VPB/VIETCAP/M/Au/T/7M/A9 | VPB | | | | | 2:1 | 6.600.000 | 1,000 | 2,000 | 868.001.7500 | 6,600,000,000 |
| SHB/VIETCAP/M/Au/T/7M/A2 | SHB | | | | | 1:1 | 6.600.000 | 1,000 | 2,000 | 861.007.1119 | 6,600,000,000 |

PHỤ LỤC 2
TÀI SẢN KÝ QUỸ

(kèm theo Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán số 01/2026/TT/BIDV-VIETCAP ngày 18/08/2026)

| T | Số hợp đồng/
Số FDR | Số tiền (VND) | Kỳ
hạn | L.suất
(%/năm
m) | Ngày mở
hợp đồng | Ngày đáo
hạn | Giá Trị Ký Quỹ | Tên chứng quyền
được bảo đảm |
|----|------------------------|-----------------------|------------|------------------------|---------------------|-----------------|-----------------------|--|
| 1. | 176/2026/HĐTG
ĐCTC | 80,000,000,000 | 7
tháng | 8.0 | 18/08/2026 | 22/03/2027 | 80,000,000,000 | Theo danh sách tại
Phụ lục 1 Hợp
Đồng Ký Quỹ Bảo
Đảm Thanh Toán
số
01/2026/TT/BIDV
-VIETCAP ngày
18/08/2026 |
| | TỔNG | 80,000,000,000 | | | | | 80,000,000,000 | |

TỔNG GIÁ TRỊ KÝ QUỸ BẢNG CHỮ: TÁM MƯƠI TỶ ĐỒNG.

PHỤ LỤC 3 PHÍ DỊCH VỤ

Phụ lục này quy định về mức Phí Dịch vụ nêu tại **Điều 6** Hợp Đồng.

1. Phí Dịch vụ Quản lý Tài Sản Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán của Chứng Quyền

| Nội dung
Phí Dịch vụ | Phí Dịch vụ Quản lý Tài Sản Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán của Chứng Quyền |
|---------------------------------|--|
| Phương thức tính
Phí Dịch vụ | - Phương thức tính phí: Giá trị Chứng quyền chào bán (căn cứ theo Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền và Thông báo phát hành Chứng Quyền của Tổ Chức Phát Hành) nhân (x) Thời Hạn Chứng Quyền (căn cứ theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng quyền) nhân (x) Tỷ lệ Phí dịch vụ chia (:) 12 tháng
- Tỷ lệ phí: 0,35 %/năm, tối thiểu 1.400.000 VND/tháng |
| Đồng tiền
thanh toán | Việt Nam Đồng |
| Thông báo
Phí Dịch vụ | Tại thời điểm sau khi Ngân Hàng Lưu Ký nhận được Thông báo phát hành Chứng Quyền của Tổ Chức Phát Hành và Thông báo kết quả phân phối Chứng quyền của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Ngân Hàng Lưu Ký sẽ thực hiện tính toán Phí Dịch vụ này hàng tháng và gửi Thông Báo Phí Dịch Vụ cho Tổ Chức Phát Hành. |
| Thanh toán
Phí Dịch vụ | Phí dịch vụ được thanh toán hàng tháng. Tổ Chức Phát Hành ủy quyền cho Ngân Hàng Lưu Ký tự động thu khoản Phí Dịch vụ này trên tài khoản số 1190104696 căn cứ theo Thông Báo Phí Dịch Vụ nói trên |
| Hóa đơn Phí
Dịch vụ | Ngân Hàng Lưu Ký có nghĩa vụ xuất hóa đơn tài chính cho Tổ Chức Phát Hành trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày thu phí Dịch vụ |

Ngoài mức Phí dịch vụ nêu trên, Tổ Chức Phát Hành ủy quyền cho Ngân Hàng Lưu Ký thu các loại phí: Phí chuyển tiền, phí duy trì tài khoản, phí thông báo/gửi sao kê, phí dịch vụ ngân hàng khác trên tài khoản số 1190104696 (Đây là phí dịch vụ ngân hàng được Ngân Hàng Lưu Ký thu trên từng giao dịch/hoạt động phát sinh của Tổ Chức Phát Hành theo quy định Biểu phí của Ngân Hàng Lưu Ký trong từng thời kỳ).



